

Phạm Cao Tùng

Muốn nên người

LỜI NÓI ĐẦU

Phương pháp lập thân của người bạn trẻ

Ở đời có ba điều đáng tiếc:

Một là hôm nay bỏ qua,

Hai là đời này chẳng học,

Ba là thân này lỡ hư.

Chu Hi

Gửi các bạn thanh niên sắp rời bỏ trường học để bước chân vào trường đời.

Thưa bạn, quyển sách này vì bạn mà có.

Bạn đừng tìm nơi đây những bài học luân lý theo lối nhà trường, cũng đừng tìm nơi đây những triết lý về đời sống hoặc những lời khuyên của thánh hiền xưa nay xếp thành chương thành mục.

Quyển sách này chỉ ghi lại một thí nghiệm, những suy nghĩ, những lo âu của một người đã sống cái tuổi của bạn, đang sống cùng một hoàn cảnh như bạn và cũng có những lo nghĩ như bạn khi cầm quyển sách này lên xem.

Sau khi rời bỏ ghế nhà trường để bước chân vào trường đời, người ấy thấy mình như lạc bước trên dải đất xa lạ khi phải lo nghĩ đến việc lập thân, người ấy thấy mình thiếu thốn mọi điều kiện, gần như chưa bao giờ chuẩn bị để làm người.

Người ấy đã phải tự tìm con đường đi, qua những sách vở bàn dạy về phép xử thế, đạo làm người.

Người ấy phải hoàn toàn làm lại sự giáo dục của mình và lẽ cố nhiên khi vừa đi vừa dò dẫm, đã phải

trả bằng một giá rất đắt một ít kinh nghiệm về cuộc đời.

Sau khi đã trải qua một đoạn đường hơi xa, người ấy muốn ghi lại cuộc đời thí nghiệm này những bài học thực tiễn của nó, mong những bạn đồng cảnh ngộ của mình sẽ tránh được những cái vấp mình đã vấp.

Chúng tôi không phát minh ra điều gì mới lạ, chúng tôi chỉ xếp lại thành hệ thống những bài học rải rác đó đây và giữ lại những gì chúng tôi thấy có thể thực hành và áp dụng.

Ở thời nào, ở xã hội nào, muốn nên người cũng phải biết nỗ lực, biết làm việc, biết lập thân, biết giữ gìn sức khỏe, biết yêu thương, biết học hỏi, biết ăn ở cho phải đạo làm người. Đó cũng là những đề mục chúng tôi đề cập trong sách này.

Cru mang nó trong mười năm, đến nay mới để nó thoát thai không phải vì chúng tôi cần thời gian gọt giũa câu văn mà chỉ vì chúng tôi cuộc thí nghiệm được thử lửa thời gian.

Chúng tôi không dám nghĩ những điều góp trong sách này là những chân lý, song chúng tôi có thể cả quyết rằng đó là những điều mà các bạn có thể thực hành và thí nghiệm như chúng tôi.

Hơn nữa, có cần gì bạn đồng tin tưởng như chúng tôi, điều cần là bạn sẽ suy nghĩ đến những gì chúng tôi nêu ra trong mấy trang sách sau đây, do đó bạn sẽ có những tư tưởng mới, riêng của bạn và đó mới thật quý hơn.

Và nếu may ra bạn có thể xem quyển sách này như người bạn đường giúp mình bước qua những khúc khuỷu của đường đời thì chúng tôi đã đạt ý nguyện.

Chào bạn.

Phạm Cao Tùng

Trà Vinh, 7-1941 – Sài Gòn, 1-1952

Phạm Cao Tùng

Muốn nên người

Phân I - Chương 1

Thế nào là nên người

Không ai tự nhiên nên người,

song người ta trở nên người.

Người ta thường lầm lộn ý nghĩa hai danh từ “nên người” và “làm nên”.

Đây là một người xoay xở đâu được một món tiền to, tậu nhà, tậu xe là được hàng xóm trăm trẻ đưa làm mẫu cho con cháu: “Đấy, con người ta bằng tuổi bây mà xem, người ta đã nên thân với đời”.

Vâng, người ấy đã làm nên với đời thật, song có thể bảo người ấy đã “nên người” chăng nếu phần trí thức của họ là miếng đất hoang vu hoặc phần tâm đức của họ là một vũng sinh lầy?

Đây là một bác sĩ du học ở ngoại quốc mới về quê. Cha mẹ đều mừng cho đứa con đã nên thân với đời. Nhưng nếu người bác sĩ ấy mang thân xác về quê mà chỉ còn một lá phổi, thử hỏi có thể bảo ông ta đã “nên người” chăng?

Đây là một nhà văn đã làm nên một sự nghiệp văn chương, nhưng nếu nhà văn ấy sống một cuộc đời bê tha, vô liêm sỉ, lạm dụng chút tài hoa để lừa dối bạn bè cùng những người hâm mộ, có thể bảo nhà văn ấy đã xứng đáng làm người chăng?

Một người chỉ làm nên ở một điểm hoặc ở một phần nào, thí dụ về chức nghiệp hay về tiền bạc, còn những phần khác lại khuyết điểm hay hư hỏng, những khối óc to mà chân tay bỏ như đất hoặc những tấm thân bồ tượng mà chứa bộ óc rỗng không, đó là những mảnh vụn chứ không phải là một người đầy đủ, đó là những dị nhân có cánh tay thật to gắn trên thân hình thật bé. Những người như thế dù tài năng hay địa vị họ đến đâu cũng không thể bảo họ đã nên người, một người xứng đáng làm người với tất cả những ý nghĩa của nó.

Năm xưa, một tờ báo bên Pháp phê bình một vị phi công đại tài đã hợp tác với quân Đức: “Là một

phi công đại tài nhưng là một người thấp kém”.

Cũng bởi quan niệm làm người như thế nên nhạc sĩ trứ danh Beethoven nói: “Tôi thích làm một người xứng đáng hơn một nhạc sĩ trứ danh”. Ông Roosevelt cựu Tổng thống Mỹ nói về một giáo sư danh tiếng: “Ông ấy đã hơn một nhà bác học, vì ông đã là một người với tất cả ý nghĩa của nó”.

Có thể nói một người đã nên người là khi họ biết làm phát triển con người của họ một cách điều hòa và đầy đủ về tất cả những phương diện: thể chất, trí thức, tâm đức và xã hội.

Một người xứng đáng làm người là một người có một thân thể tráng kiện, một khối óc sáng suốt, một lý tưởng cao đẹp.

Người ấy không phải là y sĩ, nhưng cũng biết cách giữ gìn sức khỏe, phòng ngừa bệnh tật, biết chọn thức ăn, biết cách cầm máu, biết làm hô hấp nhân tạo, biết phép nuôi con.

Người ấy không phải là lực sĩ, nhưng có thể cử tạ năm mươi cân, mang bao bị trên vai, đi chân đôi ba chục cây số, có thể ngủ ngoài trời ở giữa đồng mà không sợ bị trúng sương cảm gió, có thể, nếu cần thức liền hai ba đêm để làm xong một công việc mà không ngầy ngật, có thể nhảy xuống sông cứu người sắp chết đuối.

Người ấy không phải là tu sĩ, nhưng luôn luôn tìm hiểu những thị dục, những chỗ yếu của mình, có thể đủ sáng suốt để phân biệt đâu là hạnh phúc thanh cao, đâu là thú vui thấp hèn, có đủ đức hy sinh để hiến thân cho một nghĩa vụ cao cả, hoặc có thể làm một cách âm thầm những công việc bất vụ lợi mong đem lại đôi chút hạnh phúc cho những người xấu số hơn mình.

Người ấy không phải là thi sĩ, nhưng rất có thể cảm thông cái đẹp của vũ trụ cũng như cái khổ đau của nhân loại. Tim họ có thể hòa nhịp với những khúc nhạc của gió chiều dạo trên lá trúc, cũng như đôi khi họ cũng nhỏ những giọt nước mắt không đâu để khóc vạy cho thiên hạ.

Người ấy không phải là chiến sĩ, nhưng họ rất hiểu lẽ luật sắt của tạo vật: luật chiến đấu. Họ chiến đấu để chinh phục con người họ, chiến đấu để chinh phục cuộc đời.

Biết rõ giá trị của cần lao và sức cố gắng, họ dám liều lĩnh nếu cần liều lĩnh. Thành công, họ không vinh váo, vì họ biết đó là kết quả tự nhiên của sự cố gắng. Bị ngã quy họ không sồn lòng, vì họ rất yêu đời, tin ở đời, tin ở sự tiến bộ không ngừng của nhân loại... vì họ biết rằng chỉ có những người không làm gì cả mới không thất bại.

Người ấy mới thật nên người. Người ấy dù là một tay thợ hay một người làm công cũng có thể kể là một giá trị trong xã hội. Vì chỉ có nhân phẩm mới làm tiêu chuẩn để đánh giá một con người.

Và trong xã hội nào, ở thời nào người ta cũng cần những người ấy. Ngày xưa, ông Diogène xách đèn giữa thanh thiên bạch nhật để tìm một người; ở thế kỷ 19 ông Jouffroy đã thốt tiếng than: “Chúng ta thiếu người”. Phải chăng là những người như thế?

Có bạn sẽ bảo: “Đó là những lý tưởng trong tiểu thuyết!”. Không, đó là những người chúng ta có thể chung đụng hàng ngày.

Đó là hạng người mà nền giáo dục tương lai có phận sự nung đúc. Vì có ai “tự nhiên mà nên người, song người ta trở nên người” nhờ sự giáo dục khôn ngoan và hợp lý.

Ngày xưa, người học trò tốt là người có trí nhớ dẻo dai, có thể trả thuộc lòng cho thầy nghe những bài học thường khi vô dụng.

Ngày xưa, đứa con ngoan là đứa con nhu mì, thiết tha, ít nói, nước da trắng như bột, thích sống quanh quẩn trong gia đình.

Ngày nay, với đời sống hoạt động cần nhiều tranh đấu, muốn nên người, muốn sống với tất cả ý nghĩa thật của cuộc đời người bạn trẻ phải được nung đúc theo một lề lối giáo dục mới. Vì: “Giáo dục một người là gì? Phải chăng là rèn tập cho họ có thể đối đầu với mọi hoàn cảnh”.

Lẽ cố nhiên, dù xưa hay nay cũng thế, người tốt là người biết nhân, lễ, nghĩa... Song với cuộc sống đấu tranh hiện nay: là một người nét na nhu mì chưa đủ, phải là người quả quyết, đầy tự tin; là người hiền đức chưa đủ, phải là người hoạt động, đầy nghị lực; là người biết lo tròn bổn phận chưa đủ, phải là người có nhiều sáng kiến để làm hơn bổn phận của mình; là người có thiện chí chưa đủ, phải là người có nhiều ý chí...

Những giá trị cũ không phải hoàn toàn bị phá bỏ, nhưng chúng ta phải thừa nhận thêm những giá trị mới. Và chúng ta thử tìm một con đường giáo dục mới...

Phạm Cao Tùng

Muốn nên người

Chương 2

THẾ NÀO LÀ GIÁO DỤC MỘT NGƯỜI?

Ng ười ta lo khai trí những bạn trẻ

nh ững người ta không luyện chúng nó nên người.

Năm xưa, ông Vũ Ngọc Phan có viết một quyển sách về giáo dục: *"Con đường mới của thanh niên"*. Ngay ở những trang đầu tác giả cố ý tìm một định nghĩa xác đáng cho danh từ giáo dục. Sau khi trình bày ý kiến những triết gia xưa và nay, theo Kant: *"Mục đích giáo dục là làm cho mỗi con người ta được thật hoàn toàn"*, theo W. James, S. Mill, H. Spencer: *"Giáo dục có mục đích làm cho mọi người trở nên một vật sung sướng cho người ấy và cho đồng loại"*, ông Phan cho rằng chỉ có định nghĩa sau đây của E. Durkheim là thiết thực và rõ ràng hơn cả:

"Giáo dục là ảnh hưởng của những thế hệ người lớn đối với những thế hệ còn chưa chín chắn để tham dự vào cuộc đời trong xã hội. Giáo dục có mục đích là làm cho phát triển ở đứa trẻ những điều kiện vật chất, trí thức và tinh thần, là những điều mà toàn thể xã hội chính trị đang mong mỏi, đến cả cái hoàn cảnh riêng của đứa trẻ cũng mong mỏi nữa".

Theo chúng tôi, định nghĩa như thế ấy chỉ sát nghĩa, chưa được rõ rệt và thiết thực cho lắm. Sát nghĩa vì động từ "Eduquer" (tức là giáo dục) của tiếng Pháp, lấy nguồn gốc của một động từ La Tinh "Educere", nghĩa là đem ra ngoài, làm nảy nở; như vậy, định nghĩa chữ "giáo dục" theo Durkheim là "làm nảy nở, làm phát triển ở đứa bé những điều về vật chất v.v..." thì không gì sát nghĩa hơn.

Song có thể định nghĩa chữ "giáo dục" một cách khác, vẫn đúng nghĩa và được rõ rệt thiết thực và gọn ghẽ hơn: *"Sự giáo dục là nghệ thuật làm nên một người"*.

Làm nên một người trước nhất phải dạy cho nó biết cách chinh phục lấy nó, là dạy cho nó những phương pháp để tạo lấy sức khỏe, là rèn đúc cho nó một ý chí đanh thép, để có thể làm chủ thân xác, tư tưởng và tâm hồn của nó. Như vậy để đoạt lấy sức khỏe của thể chất và sự an tĩnh của tâm hồn, tức là để đoạt lấy hạnh phúc.

Làm nên một người là dạy cho nó biết cách chinh phục lấy cuộc đời, là dạy cho nó nghề để nuôi sống, là dạy cho nó những điều cần biết để lập gia đình, để lập danh phận, để lập nghiệp, là rèn tập cho nó những đức tính thiết thực; óc thực tiễn, óc tổ chức, làm việc có phương pháp, sống đặc lực, tức là dạy nó cách đoạt lấy thành công.

Đã giúp cho người bạn trẻ có đủ khí giới để chinh phục lấy sức khỏe, hạnh phúc, thành công tức là đã giúp cho nó sống một cách đầy đủ và điều hòa, nghĩa là đã làm cho nó trở nên người, mà như vậy cũng đủ lắm rồi. Aldous Huxley viết: *"Làm một người đầy đủ, điều hòa là một việc khó khăn, nhưng"*

đó là công việc duy nhất của chúng ta. Người ta chỉ xin chúng ta một điều: trở nên người. Một người, anh nghe rõ? Không phải thần minh, cũng không phải là quý sư".

Phạm Cao Tùng

Muốn nên người

Chương 3

CHÚNG TA CÓ ĐƯỢC CHUẨN BỊ ĐỂ TRỞ NÊN NGƯỜI CHĂNG?

Những ông giáo sư không thể chuẩn bị cho anh vào đời sống thực tế,

bởi chính họ thiếu kinh nghiệm.

H. N. Casson

Do đó: mục đích thiết thực của sự giáo dục là làm sao cho người bạn trẻ được trở nên người. Và lo cho họ trở nên người là: dạy cho họ biết chinh phục lấy họ và biết chinh phục lấy cuộc đời. Ở đây chúng ta thử xét, theo lối giáo dục hiện giờ đưa trẻ có được chuẩn bị để nên người chăng?

Trước hết, hãy nhìn lại gia đình, vì theo lẽ phải cha mẹ phải lo lắng sự giáo dục của con cái trước nhất. Song chúng ta phải buồn rầu mà nhận thấy: sự giáo dục gia đình hiện nay thiếu hẳn. Chúng ta chưa tin? Hãy hỏi một người chủ gia đình về sự giáo dục con cái họ: "Dạy con? Còn thì giờ đâu mà tôi lo đến, việc ấy đã có mẹ chúng nó lo cũng đủ rồi". Hỏi người mẹ, họ đáp: "Lo cho con thì tôi lo chạy ăn, sắm mặc cho chúng nó, còn nói đến giáo dục chúng nó làm sao tôi lo nổi công việc ấy, vì chính chúng tôi cũng không hiểu gì về sự giáo dục cả, lo cho chúng nó chúng tôi đã cố gắng lắm mới có tiền gửi chúng nó đến trường, ở đó đã có người thầy lo dạy bảo chúng nó".

Như thế, phần đông cha mẹ đều phó thác tương lai con cái họ ở sự dạy dỗ của người thầy, của nhà

trường. Còn họ, họ chỉ thấy phận sự là thỉnh thoảng dạy con họ bằng những bài luân lý suông: "Đừng hư thân mất nết, đừng ham chơi, ráng mà học v.v...". Hoặc mỗi tháng liếc sơ giấy hạnh kiểm và sự học của đứa trẻ do nhà trường gửi về. Đôi khi đứa trẻ có phạm lỗi gì nặng, vì nóng giận, họ mắng chửi ầm lên, tát cho chúng nó vài tát hoặc nạt cho chúng nó vài roi, thế là họ đã làm xong phận sự giáo dục của họ. Mà như thế có thể gọi là giáo dục chăng? Hay là chỉ thấy trừng phạt mà không thấy dạy dỗ.

Hiện tình việc giáo dục ở xứ ta không có gì khả quan hơn hiện tình việc giáo dục bên Âu Tây khi mà nhà giáo dục H. Spencer phải than rằng: *"Nghe những người chăn nuôi súc vật bàn cãi dông dài về các thức nuôi heo nuôi bò, song nếu có ai nói đến việc giáo dục con cái họ, thì họ đáp cách tự nhiên: rồi chúng nó sẽ lớn lên"*.

Hiện nay ở xứ ta có lắm cha mẹ cũng đã nói tương tự như thế: "Hơi đâu mà lo, đã có thân thì chúng nó phải biết tự lo lấy". Muốn cho con nên người cha mẹ nào không muốn thế, song lo cho con nên người đã có mấy người biết lo, bởi họ tưởng rằng nhà trường có đủ tư cách để làm cho con họ trở nên người. Song... mục đích chính của nhà trường là mở đường học vấn...

Nhà trường chuẩn bị cho đứa trẻ để đi thi, chúng ta không thể đòi hỏi người thầy nhiều hơn nữa, thời giờ ít mà chương trình học rộng rãi, người thầy phải cố dạy cho đứa trẻ biết sơ qua tất cả những điều cần biết đã ghi trong chương trình.

Cha mẹ ý lại vào nhà trường mà nhà trường thì chỉ lo dạy chữ nghĩa cho nên công việc giáo dục đứa trẻ bị bỏ quên.

Có ai lo dạy cho chúng nó biết cách chinh phục lấy nó?

Có ai lo dạy cho chúng nó biết cách chinh phục lấy cuộc đời?

Dạy cho đứa bé cách chinh phục lấy nó là rèn đức cho nó một tính khí. Nhưng mỗi khi thi cử, người ta chỉ xem tài làm văn, làm toán của đứa trẻ, có mấy ai để ý xem nó có một vài nét gì tỏ ra là người có chí khí chăng? Nó có biết phán đoán chăng? Nó có nhiều sáng kiến chăng? Nó có biết kiên tâm bền chí chăng? Nó có nhiều hăng hái ham hoạt động chăng? Những đức tính mà khi ra đời sẽ làm nổi bật nhân cách của nó thường ít ai quan tâm. Bác sĩ Gustave le Bon nói: *"Ngoài đời, những đức tính thuộc về tính khí đóng một vai trò trọng yếu. Óc sáng kiến, óc phán đoán, sự kiên chí, tính minh sát, nghị lực, tính tự chủ, ý thức về nghĩa vụ là những đức tính nếu thiếu sót thì óc thông minh cũng trở nên vô dụng. Những đức tính ấy, việc giáo dục có thể tạo nên một đôi phần, nếu di truyền để lại"*.

Dạy cho đứa trẻ biết cách chinh phục lấy cuộc đời? Học ở trường chúng ta đã biết qua các triết học Đông Tây, song khi ra đời muốn áp dụng khoa tâm lý học trong sự giao tiếp hàng ngày, nói làm sao

cho người ta nghe theo mình, khiến trách làm sao cho người ta không thể giận mình, chúng ta phải lúng túng vì trong trường có ai dạy chúng ta phần tâm lý học thực tiễn ấy. Học ở trường, chúng ta thông thạo văn chương thi phú, nhưng khi ra đời nếu phải đặt một bản phúc trình để phát biểu ý kiến của mình về sự lập một hiệu buôn, chúng ta lại bối rối. Có người không thể thảo nổi một bức thư mua bán. Tổ chức công việc làm như thế nào cho đắc lực? Đọc sách như thế nào? Phải ghi chép tài liệu ra sao? Làm sao để xếp những tài liệu cho có phương pháp để khi cần dùng có thể tìm thấy ngay? Bao nhiêu điều mà khi ra đời chúng ta thấy cần dùng đến luôn, song chẳng thấy ghi trong chương trình nhà trường. Đến cách thức lập thân: cách chọn nghề, học nghề, cách lập gia đình, phương pháp hành động cho đắc lực, cũng không thấy ai chỉ dạy.

Cho nên khi bước ra đời người bạn trẻ thấy mình như ngơ ngác khi phải đụng đầu với đời sống thực tế. Ch. Béguy đã thốt: *"Các bạn học sinh, điều làm phiền cho các anh nhất là ở ngoài đời có những cái thực tế"*.

Phạm Cao Tùng

Muốn nên người

Chương 4

**MỘT LỀ LUẬT CẦN PHẢI NHẬN:
LUẬT CỐ GẮNG**

Con ng ười sinh ra để chiến đấ u,

không ph ải để an nghỉ

Emerson

Muốn cho con uống hết liều thuốc đắng, người mẹ phỉnh nó: "Ăn đi con, kẹo ngọt đó". Tin thật, đứa bé bỏ thuốc vào miệng nhai, song nuốt chưa khỏi cổ nó đã nhăn mặt bởi vị đắng của thuốc. Dạy con như thế là thất sách. Bà mẹ có thể nói khéo cho đứa con tin để uống thuốc song bà không thể làm cho thuốc hết đắng. Đứa con uống hết thuốc, song nó cũng đã mất lòng tin ở mẹ nó.

Nung đúc bởi một lối giáo dục giả dối, xa hẳn với cuộc đời, người bạn trẻ hiện nay thiếu một quan niệm về cuộc đời thực tế. Họ thường dễ bị phỉnh phờ bởi những sản phẩm của nghệ thuật, những tiểu thuyết, những phim ảnh, trong đó nghệ sĩ cố tạo nên những nhân vật theo lý tưởng, những cảnh đời xinh như mộng. Các cô gái thấy vợ trước mặt một "người chồng lý tưởng" vừa đẹp trai vừa giàu, vừa hùng vừa sang. Các cậu tưởng mình có thể đi ô tô tám máy, ở khách sạn lộng lẫy, ngủ tới mười giờ trưa, có bồi đem cà phê tới tận buồng ngủ và chẳng làm chi cả, chỉ cần biết "cười duyên" cho khéo như các công tử Mỹ trong xi nê. Đối với họ đời chỉ là một trò chơi, không có gì đáng cho họ lấy làm quan trọng. Đã không nhận thấy mặt thực của cuộc đời, họ cũng quên mất những lẽ luật của sự sống: luật chiến đấu, luật cố gắng, luật cần lao, luật nhân quả v.v...

Một nguyên do khác:

Cũng như đứa trẻ con nhà giàu sinh ra đã nằm trên đồng bạc, khó mà hiểu nổi công lao của cha mẹ đã dựng nên cơ nghiệp, chúng ta thuộc lớp người tốt số, sống giữa những thuận tiện do đời sống văn minh đem lại: bước ra đường là có ô tô đi, trời tối chỉ nhấn một cái nút là có ánh đèn sáng tỏa, nằm tại nhà có báo chí, ti vi mang tin tức khắp nơi, bước vào thư viện chúng ta có thể làm quen với văn nhân, triết nhân xưa nay.

Những phát minh về khoa học, những công trình về văn chương, mỹ thuật chúng ta đang hưởng cách dễ dàng quá nên chúng ta quên hẳn công cố gắng của lớp người trước.

Do đó, chữ "cố gắng" đối với phần đông chúng ta không còn ý nghĩa nữa.

Bởi không thấu hiểu lẽ luật sơ đẳng ấy nên khi phải đụng chạm với cuộc đời thực tế, họ phải thất vọng và luôn luôn họ phàn nàn: đáng lẽ phải chiến đấu với đời họ lại chê rằng đời ô trọc nên thà họ ản đặt; đáng lẽ phải nỗ lực, phải cố gắng để chiến thắng, họ cam chịu đầu hàng trước nghịch cảnh và đổ tội cho số kiếp; đáng lẽ phải ra sức làm việc để kiếm ăn, họ khoanh tay ngồi chờ một dịp may không bao giờ đến, để rồi than nghèo than túng.

Chúng tôi không muốn bắt chước người mẹ phình phờ con đẻ rồi làm cho nó càng thêm thất vọng. Ở đây, chúng tôi muốn các bạn nhận thấy mặt thực của đời với những lề luật khắc khe của nó, những lề luật sắt mà những ai muốn sống cuộc đời đáng sống cần phải thấu hiểu và tuân giữ. Trong những lề luật nói trên, chúng tôi tưởng có thể gom lại thành một lề luật: **luật cố gắng**.

Luật muôn đời đã dạy: *"Mày phải lấy mồ hôi trán mà mua lấy chén cơm mày"*. Loài người xưa nay đã tiến bộ bởi đã thực hành theo lề luật đó. Đời sống văn minh hiện giờ là kết quả của bao nhiêu cố gắng liên tiếp bao nhiêu lớp người.

Cố gắng để chinh phục tạo vật. Tạo vật không làm quà cho chúng ta món gì cả. Đất sẵn có, hạt giống sẵn có, song chúng ta phải cuốc, cày, cấy, gặt; được bông lúa lại phải đem xay, giã cho ra gạo mới có thể nấu cơm ăn. Không phải chỉ đào đất lên là có dầu hỏa để dùng, từ chất cặn dầu nằm dưới mấy lớp đất đến chất dầu trong sạch có thể dùng, con người đã phải cố gắng bao nhiêu lượt: đào giếng, dẫn dầu, lọc dầu. Ngọc kim cương đã có sẵn dưới đất, song từ một chất than đá lu mờ, bị bụi đất bám đầy đến khi thành hình một hạt kim cương lóng lánh, chiếu ngời trong tủ kính một hiệu buôn đồ nữ trang, nó phải nhờ đến sức cố gắng của con người: lau, chùi, mài, giũa.

Cố gắng để chinh phục lấy mình. Đó là danh tự tối cao của con người. Biết cố gắng là dấu hiệu của hạng người cao đẳng. Những dân tộc sơ khai không biết cố gắng lâu dài.

Muốn đè nén thú tính, cưỡng lại những dục vọng, tẩy trừ những thói hư, rèn tập những nét tốt, chúng ta phải luôn luôn cố gắng vì thói hư tật xấu không phải như cây cỏ, chỉ nhổ tận gốc một lần là tuyệt trừ. "Đuổi cái thiên tánh, nó sẽ chạy sâu mà trở lại". Cho nên đối với "trận giặc thiêng liêng" ấy chúng ta phải đánh suốt đời mới mong giữ phần thắng.

Cố gắng để chinh phục lấy cuộc đời. Đời đã không có những con chim quay sẵn trên trời để rơi vào đĩa cơm chúng ta thì cũng chẳng có một sự nghiệp nào làm nên trong nháy mắt hoặc do một sự may mắn. Ông Louis Lumière, người sáng chế ra máy chớp bóng cũng là một người cần lao, trả lời cho một nhà báo đến phỏng vấn ông: *"Những kẻ nào mong đợi phép màu sẽ thất vọng mà đợi nó. Nên biết rằng một phép màu làm nên bằng những dụng cụ, bằng nước mắt và năm hoặc mười năm cần lao"*.

Chúng ta thường thấy gương mặt sung sướng của nhà doanh nghiệp khi họ bệ vệ ngồi trên chiếc ô tô mui kính, song chúng ta mấy khi thấy bộ mặt đăm chiêu của họ khi phải đối đầu với những cuộc cạnh tranh sống chết, có ai nhớ lại cảnh "thắt lưng buộc bụng" của họ lúc bước đầu để gây nên số vốn đầu tiên.

Chúng ta thấy ngày "vinh quang" của một nhà văn khi mà tác phẩm của họ được người đời ca tụng, song có ai nhớ lại những ngày "đói lạnh" họ đã âm thầm trải qua giữa sự hờ hững của loài người, có ai thấy những đêm trắng họ ngồi bó gối đầu nặn óc để tạo nên một tác phẩm. Chúng ta chỉ thấy cái kết quả họ đang hưởng, ít ai chịu nhận thấy những cố gắng họ đã trải qua.

Cố gắng để giành lấy và để bảo vệ hạnh phúc. Chúng ta chẳng nên hiểu "hạnh phúc" theo nghĩa thụ động. Chẳng có ông thánh ông thần nào có thể ban bố hạnh phúc cho chúng ta. Chỉ có chúng ta mới có thể tạo lấy hạnh phúc cho chúng ta. Hơn nữa, chúng ta phải luôn luôn cố gắng để bảo vệ hạnh phúc ấy. Xét

như hạnh phúc gia đình, nhiều người chỉ biết cố gắng để chiếm đoạt tình yêu rồi thôi, họ tưởng rằng họ có thể an nhàn hưởng, chẳng còn phải cố gắng để săn sóc tình yêu ấy nữa. Họ nghĩ rằng: đã thành chồng vợ thì cần gì phải cố gắng để tìm hiểu nhau hơn, để làm vừa lòng nhau, để nuôi nấng tình yêu. Cho đến khi bất hòa đầu tiên xảy ra, họ cũng không biết cố gắng để thu xếp, để cho tình yêu phai lợt dần với thời gian, có công nhen nhúm lò lửa ái tình mà không biết cố gắng để quạt, để thổi cho lửa thêm hồng, nó lại tắt.

Cố gắng để giữ gìn sự sống. Đến như sự sống, chúng ta cũng phải cố gắng nhiều mới mong giữ gìn được nó. Chống lại với bệnh tật, chống lại với tuổi già, trận giặc ấy kéo dài cho đến ngày chúng ta kiệt sức không thể chiến đấu nữa, đó cũng là ngày cuối cùng của chúng ta.

Luật của muôn đời. Nếu có ai mách cho anh một bí quyết để làm giàu một cách dễ dàng, anh đừng tin.

Nếu ai mách cho anh một thứ thuốc thần uống vào là sức khỏe cường thịnh, bắp thịt nở nang mà không cần phải nhọc mệt để tập luyện chi cả, anh đừng tin.

Nếu có ai nói rằng có thể tạo nên một cuộc đời an nhàn, anh chớ vội tin; vì người với người có thể hết tranh lẫn nhau nhưng con người vẫn phải tranh đấu với tạo vật.

Bởi anh hiểu rằng: đời là một cuộc chiến đấu không ngừng. Đã chiến đấu thì phải có một người thắng, một kẻ bại. Kẻ bại trận là người không biết cố gắng hoặc sức cố gắng kém hơn người khác.

Bởi anh nhận thấy theo lời bác sĩ G. Durville nói: *"Những hiện tượng của đời sống vật chất tinh thần đều rất hợp lý, nghĩa là cái kết quả "kết thành là do cái nhân". Ít "nhân" thì ít "quả". Không cố gắng gì cả tức không có gì cả"*.

Đã thấu hiểu luật muôn đời ấy, chúng ta không còn mơ ước một cuộc đời an nhàn.

Chúng ta sẽ đặt lẽ sống ở chỗ hoạt động, luôn luôn hoạt động, vì động là sống mà tĩnh là chết. Chúng ta sẽ đặt hạnh phúc ở chỗ nỗ lực, luôn luôn nỗ lực để chiến đấu, và không quên rằng: *"Những người chiến đấu mới sống"*.

Phạm Cao Tùng

Muốn nên người

Phần II - Chương 1

LẬP CHÍ: LUYỆN CHÍ ĐỂ THÀNH CÔNG

Đường đi khó, không khó vì ngã n sông cách núi

mà vì lòng ng ười ngại núi e sông

Nguyễn Bá Học

Có chí là có t ất cả. Muốn thành công trên đường đời cần nhiều điều kiện: sức khỏe, tài năng, học

vấn, chí khí, hoàn cảnh. Không thể nói những người có chí khí đều thành công, song trái lại chúng ta có thể nói không sợ lầm: *những người đã thành công là những người có chí khí*. Bất luận ở một ngành hoạt động nào: một nhà buôn phát đạt, một nhà khoa học phát minh, một nhà văn nổi tiếng, một nhà chính trị đắc thắng, đều có chí khí giới bén nhọn ấy giúp họ lướt thắng hết mọi trở lực, làm hơn người cùng thời.

Nếu có ai hỏi những người đã "đến nơi đến chốn" ấy, cái gì đã giúp họ nhiều nhất để làm nên chắc chắn họ sẽ trả lời: chí khí.

Thiếu tiền bạc làm vốn? Có đủ chí khí để dành dụm tiện tận lâu ngày rồi cũng được một số vốn.

Thiếu học? Có đủ chí khí để học thêm thì đầu óc mỗi ngày mở mang.

Thiếu sức khỏe? Có đủ chí để tuân giữ phép vệ sinh, tập thể dục hàng bữa, chắc chắn rồi cũng được khỏe mạnh.

Tiền bạc, học vấn, sức khỏe không có? Có chí khí chúng ta sẽ làm nên cho có. Trái lại, thiếu chí khí là thiếu tất cả.

Trong quyển *Sách Của Con Tôi* ông Paul Dumer viết: "*Những kẻ nào muốn thành công trên đường đời phải ước mong một chí khí danh thép; mọi sự khác tự nhiên rồi sẽ có sau*".

Người như ông Paul Dumer, từ bậc con nhà hàn vi vượt lên ngôi Tổng thống nước Pháp, đã từng trải việc đời và thấu được bí quyết ấy, nói ra tưởng chúng ta có thể tin lắm.

Hoàng đế Napoléon, người mà mỗi khi nói đến chí khí, nghị lực người ta thường nhắc đến cũng nói: "*Những chiến công ở trận mạc ba phần tư là nhờ ở sức mạnh tinh thần*".

Trên trận đời, chúng ta nhận thấy câu nói ấy không sai mấy. Trong cuộc chiến đấu để giành lấy hạnh phúc, danh vọng, sức khỏe, tiền bạc, chức nghiệp, ái tình người bại trận là người yếu tinh thần.

Phần đắc thắng trên trận đời không dành để cho những "đại lực sĩ" họa chãng là trên bãi cỏ, trên võ đài. Hình ảnh một tấm thân bò tạng song kém tinh thần bị một người bé nhỏ mà khôn lanh nắm dây dục không phải là không đúng. Bắp thịt chỉ có một giá trị tương đối, nhắm mắt chạy ù theo phong trào vai u thịt nở, suốt ngày luyện tập cho được cái sức mạnh của con hổ là điều không khôn ngoan, vì mạnh như con hổ kia còn bị người đi cày lập mưu trói lại, đánh cho một trận nên thân.

Cũng không phải với khối óc thông minh, với sở học cao mà làm nên sự nghiệp. Trong trường học đưa ra đời hai cậu học sinh cùng một cỡ học, cùng một trí thông minh. Vài năm sau, người đã đi xa trên đường đời là người giàu chí khí hơn. Có nhiều người lúc còn ở nhà trường luôn luôn đứng trên chúng bạn mà khi ra đời lục đục đi sau người.

Trái lại, có nhiều ông "vua dê rô" khi ra đời lại làm nên nghiệp cả. Điều đó dễ hiểu, vì ở trường học người ta xếp hạng tùy theo khối óc thông minh, theo trí nhớ dẻo dai, khi ra trường đời trái lại, con

người được đánh giá theo chí khí của họ. Có nhiều khối óc to, nhét đầy hiểu biết mà suốt đời chẳng làm nên một công việc gì xứng đáng với tài học của họ. Họ thường núp sau hai chữ "khiêm tốn" để che đậy nỗi bất lực. Thật ra bởi thiếu cái chí để thành công nên họ toan tính dự định thì nhiều mà không làm nên một trò trống gì cả.

Lịch sử xưa nay treo gương bao nhiêu người đã nhờ cái chí khí mà làm nên sự nghiệp. Chúng tôi không muốn nhắc đến mẫu đời cao cả của những bậc vĩ nhân ấy. Họ xa chúng ta quá, chúng tôi muốn các bạn nhìn lại chung quanh mình, để tìm một vài gương mẫu "sống" và gần các bạn hơn. Hạng người nhờ sức mạnh tinh thần mà làm nên "chúa tể trên đời" không thiếu.

Đây chúng ta hãy trông họ đi ngoài đường: người họ thẳng thắn, cảm đưa ra, ngực nảy tới, cái nhìn sâu sắc ngó thẳng tới trước, họ mạnh dạn vệt đám đông người mà tiến bước. Họ làm cái gì cũng thành tựu. Mở một gian hàng tạp hóa ở góc đường, khai khẩn một đồn điền hay tranh đua một địa vị, họ đều thành công. Họ đi từ đặc thắng này đến sự đặc thắng khác. Người nông nổi cho rằng họ sinh nhằm một vì sao tốt hoặc vận đỏ. Thiết thực hơn, đúng lý hơn chúng ta hãy tìm nguyên do sự thành công của họ ở cái chí khí làm người của họ. Rủi may không phải là không có, song nó không phải là vị thần đui mù như người ta lầm tưởng. Nó thường chiêu đãi những người nào biết lấy chí cả bèn gan mà chinh phục nó. Trong quyển *Tôi Muốn Thành Công* H. Durville viết: *"Khi anh đã quyết chiến đấu phần may mắn sẽ thuộc về anh, nó không phải là một thực thể hay dờn dỗi. Nó vâng lời kẻ nào biết muốn. Một khi chúng ta có thể điều khiển tư tưởng của chúng ta nổi thì chúng ta hấp dẫn nó được, chúng ta hấp dẫn nó như đá nam châm hút kim chỉ nam"*.

May rủi là một cái cơ cho người ươn hèn, biếng nhác tự an ủi họ sau những thất bại chua cay, hoặc để cam phận sống cuộc đời phăng lý như mặt nước ao tù. Ông Thomas Edison người mà đời sống là một gương nghị lực đã thường nói: *"Trong những công trình sáng chế của tôi, 10% là nhờ ở nguồn cảm hứng còn 90% là ở những mạch mồ hôi"*. (Thomas Edison: Nhà phát minh nước Mỹ, lúc 12 tuổi ông còn là một cậu bé bán báo trên xe lửa. Về sau lần mò học nghề sắp chữ nhà in rồi sang nghề đánh điện tín. Nhờ có chí để tự học và sức làm việc ít ai bì ông đã trở nên một nhà thông thái đã phát minh ra máy hát, đèn điện, điện thoại...).

Phạm Cao Tùng

Muốn nên người

Chương 1 (TT)

Cái chí khí ấy chúng ta phải tự rèn lấy.

Có người sẽ hỏi: “Nói đến những bậc “chúa tể trên đời” có ích gì, hay chỉ làm cho chúng tôi thêm thất vọng? Họ thuộc về hạng người đặc biệt, người phàm như chúng tôi làm gì noi gương họ nổi?”. Sao lại không? Họ là bậc “vĩ nhân”, họ không phải là “dị nhân”. Họ cũng xác phàm như chúng ta, họ cũng có những dục vọng để đè nén, cũng có thói uơu hèn để chống trả, cũng gặp những cảnh khó khăn làm nản lòng, họ cũng yếu đuối, cũng lầm lỡ, cũng thất bại như chúng ta song sở dĩ họ hơn người là họ biết tự rèn lấy một chí khí đanh thép. Không phải lọt lòng mẹ là họ được cái chí để hơn người, chí khí ấy họ phải tự rèn luyện lấy. Điều đáng bắt chước và chúng ta ai cũng có thể làm theo là cách luyện chí của họ.

Thống soái Foch, một vị tướng của nước Pháp nói: *“Phước thay cho những kẻ sinh ra đời với một lòng tin ngưỡng, nhưng hiếm lắm. Không ai lọt lòng mẹ mà thông thái cũng như không ai sinh ra là thành lực sĩ. Mỗi người trong chúng ta phải tự rèn luyện lòng tin ngưỡng, mở học thức, những bắp thịt. Cái kết quả ở đây không phát lộ một cách chớp nhoáng hoặc do sự nảy nở trong nháy mắt của những năng lực của chúng ta. Chúng ta chỉ thu hoạch lấy kết quả bằng một sự cố gắng không ngừng”*.

Với các bạn trẻ sắp bước chân ra trường đời chúng tôi xin nhắn: hãy rèn đức một chí khí đanh thép; có chí, các bạn sẽ có tất cả.

Ý chí: một đức tính trụ cột thường bị bỏ quên.

Một đức tính quan trọng như ý chí lạ thay không được người ta chú ý cho lắm. *“Ở nhà trường người ta nhét vào óc đứa trẻ một mớ hiểu biết làm cho đứa trẻ có thể trở nên nhà thông thái, song người ta lại không nghĩ đến việc giúp cho nó những khí giới để ra tranh sống, bởi sự rèn luyện về tinh thần của nó. Người ta không dạy cho nó làm người”*. Bác sĩ G. Durville đã lên tiếng phàn nàn như thế.

Trong gia đình cũng không khác, cha mẹ chỉ khen những đứa con nào thông minh, học giỏi: “Cháu sáng dạ lắm, năm nay cháu đi thi tú tài phần nhì”. Không mấy ai để ý xét phần tính khí: Ý chí, óc hoạt động, óc sáng kiến, v.v... là những khí giới rất đắc dụng khi ra tranh sống với đời. Đã thế, nếu đứa trẻ có được một tinh thần sung mãn, thường có những cử chỉ hơi bạo dạn là bị liệt ngay vào hạng những đứa con hư; trái lại, những đứa trẻ tinh thần suy nhược đặt đâu ngồi đó lại được khen là dễ dạy.

Về sách vở cũng không thấy một quyển nào bàn về cách luyện chí trong khi đó hằng tá sách bàn về

truyện Kiều. Sách về giáo dục, về luân lý xưa nay không phải thiếu, song những sách ấy thường chỉ thuyết lý suông: “Phải ăn ở như thế này, phải có đức tính này, đây là con đường mới của thanh niên, v.v...” Nghe qua những lời dạy bảo trên các bạn trẻ đều nhận là đúng, song họ sẽ hỏi: “Vâng, chúng tôi chịu rằng: Phải tập thể dục mới được khoẻ, phải tránh những thú vui xác thịt, phải chăm làm việc, phải biết chịu khó, nhưng làm thế nào để thực hành những lời khuyên ấy, một khi chúng tôi thiếu chí khí làm gốc? Biết làm như thế là đúng, song vì kém nghị lực, chúng tôi không làm theo nổi. Biết làm như thế là có hại, song vì yếu đuối chúng tôi vẫn đâm đầu vào”. Lời than của họ rất có lý. Với những kẻ sắp chết đói, nếu chúng ta chỉ giúp họ lời khuyên phỏng có ích lợi gì? Phải ăn cơm để sống, họ vẫn biết nhưng làm thế nào để có cơm ăn điều ấy họ cần biết hơn.

Một năng lực cũng như một bắp thịt, có vận động, có luyện tập là có nở nang. Không vận động, thiếu luyện tập thì dần dần suy kém đi. Năng lực của ý chí bị bỏ xó qua bên không được giữa mài lẽ có nhiên lâu ngày phải rỉ sét để mục dần. Thiếu đức tính trụ cột này con người thành ra bất lực. Chúng ta đã thấy một hạng trí thức, cái gì cũng hiểu, cũng biết mà bất lực. Chỉ biết suy tính, giải quyết mọi vấn đề trên mặt giấy, làm bao nhiêu việc chỉ ở trên chót lưỡi. Một chính khách đã lên án họ bằng một câu chua chát: *“Chúng ta cần những chiến sĩ. Phải đào luyện ở đám thanh niên ý chí hơn là óc thông minh”*. Nói đến chí khí là nói đến ý chí, hai chữ này gần trùng nghĩa. Nói: một người có chí khí tức là nói người ấy có ý chí đanh thép. Vậy nói đến việc rèn đức tính chí khí tức là nói đến cách rèn luyện ý chí.

Có thể sửa đổi tính khí của chúng ta chăng?

Trước khi bàn đến cách luyện chí, hãy thử xét tính khí của chúng ta có thể sửa đổi được chăng? Điều này rất quan trọng vì nếu quả thật như nhiều người đã nói, tính khí của chúng ta là “bất di bất dịch” không sao sửa đổi được thì chúng ta có còn can đảm nào lo rèn luyện.

Xét về vấn đề này, nếu chỉ đem so sánh ý kiến với những nhà giáo dục xưa nay chúng ta không còn biết tin theo đảng nào. Một phái rất tin ở hiệu lực của giáo dục rèn đức tính chí khí con người. Một nhà giáo dục phương Đông nói: *“Trong thiên hạ không có ai là không dạy được, cũng không có người nào mà không nên dạy”*.

Cùng một ý kiến ấy, nhà giáo dục phương Tây nói: *“Mọi người sinh ra đời đều bằng nhau, với những năng khiếu đồng nhau, chỉ có giáo dục làm cho có sự hơn kém”*.

Một phái khác, trong có những triết gia: Kant, Schopenhauer cho rằng: rèn luyện tính chí khí là công đã tràng, vì tính chí khí là dấu riêng của mỗi người đã thọ lãnh khi ra đời, dấu ấy không sao sửa được. H.

Spencer, một triết gia khác cho rằng: có thể sửa đổi tính khí con người, song cần một thời gian dài cả... mấy trăm năm, như thế cũng bằng không.

Như vậy còn biết tin đàng nào? Về lý thuyết thì lý thuyết nào cũng có lý lẽ của nó nếu cứ tin theo sách vở thì có khi chúng ta sẽ như anh chàng kia phải thức suốt đêm chẳng dám đặt lưng xuống nằm ngủ, bởi anh xem sách về vệ sinh thấy ông bác sĩ này cho rằng nằm ngửa có hại, ông khác bàn: chẳng nên nằm nghiêng phía mặt, ông khác nữa lại bảo nằm nghiêng bên trái có hại.

Hãy đem sự phán xét của chúng ta mà phán đoán. Chúng ta thấy gì? Tính khí chúng ta không phải là “bất di bất dịch”. Nó thay đổi với tuổi tác, với hoàn cảnh, có khi với sức khỏe. Cứ xét ngay ở mình: con người chúng ta hôm nay rất khác với con người chúng ta năm mười năm về trước. Có người lúc bé rất nhu nhược lười biếng, khi lớn lên đổi tính hẳn và trở nên người hiếu động. Cũng có người lúc bé tính tình chất phát, thật thà ít nói, khi lớn lên gặp phải hoàn cảnh xấu làm cho họ trở nên tay đàng điếm, tinh quái, xảo quyệt.

Cũng có người bản tính vui vẻ, về sau bị một cơn bệnh như đau dạ dày chẳng hạn, làm cho họ đâm ra cau có, buồn bã, chán đời.

Và lại nếu nói theo Kant, thì người nào đã sinh ra đời với tính lười biếng thì suốt đời biếng nhác, chẳng bao giờ trở nên siêng năng được. Song một người dù lười biếng đến đâu lâm phải cảnh nghèo đói cũng có một lúc trở nên siêng năng.

Nếu họ còn lộn về đường cũ là bởi họ không biết bí thuật để duy trì những ý tưởng tốt ấy, tức là họ không biết cách luyện tập ý chí. Còn tính khí của họ dù chỉ thay đổi được trong giây lát cũng đã tỏ rằng: nó không phải là “bất di bất dịch”.

Tại sao có thể sửa đổi tính khí?

Bởi nó không phải là một vật đơn nhất hoặc thuần nhất, nó là sự tổng hợp của di truyền, của thói quen, của khí chất, của khuynh hướng, của thị dục, của lối sống, của hoàn cảnh riêng mỗi chúng ta. J. Payot nói: *“Tính khí là một tổng hợp, mà một tổng hợp của nhiều lực lượng thì bao giờ cũng dờn dỗi do sự liên kết của lực lượng ấy”*. Thay đổi được một trong những lực lượng đã hợp thành lại nó thì nó đã bị thay đổi. Ông cũng đã khéo cho một thí dụ: Âu Châu bao giờ cũng là Âu Châu, song bản đồ Âu Châu luôn luôn thay đổi do sự thịnh suy, do sự liên kết của các nước hợp thành nó.

Quyền hạn của chúng ta trong công việc sửa đổi tính khí.

Như đã nói trên: tính khí là tổng hợp của nhiều yếu tố: di truyền, khí chất, khuynh hướng v.v...

Một người thuộc đa huyết chất dễ đắm say về nhục dục. Người thuộc lâm ba chất có tính lười biếng không thích vận động. Đối với những người có khuynh hướng này ý chí của họ không có quyền lực gì một cách trực tiếp cả. Họ có quyền gì để lựa chọn cha mẹ, tổ tiên của họ. Nếu thế, họ sẽ làm tôi

mọi suốt đời cho bản tính của họ sao?

Không, nếu ý chí của họ không có quyền lực gì để sửa đổi tính khí của họ một cách trực tiếp, trái lại họ có thể sửa đổi nó một cách gián tiếp, bởi cách điều khiển những khuynh hướng, những ý niệm, những tri giác của họ một cách khôn khéo.

Vì những khuynh hướng kia thật ra chỉ là những cái “mâm”, cái “gốc” chúng ta mang sẵn trong người thôi, nó không có quyền độc đoán với chúng ta. Người thuộc về đa huyết chất chỉ mang cái “mâm” thiên về nhục dục, song vị tất họ phải là tội mọi cho nhục dục. Lửa, chất nóng, có tính cháy lan, song vị tất dùng đến lửa là bị phỏng, bị cháy. Nếu biết cách dùng lửa ta có thể nhen nhúm nó trong lò để nhờ hơi nóng của nó và ngăn ngừa không cho nó cháy lan.

Đi đến hàng sách vô tình chúng ta gặp phải một quyển sách “khiêu dâm” làm sôi lòng dục chúng ta. Trước sự bất ngờ ấy, chúng ta phải cam chịu cho thú dục nổi lên. Song chúng ta rất có thể lánh xa hiệu sách ấy ngay, không mua quyển sách xấu ấy.

Cũng trong quyển *l'Education de la volonté*, J. Payot đã dẫn một thí dụ rõ rệt: “*Một cơn giận làm sôi máu ở tim chúng ta, khó mà diệt cơn giận ấy trực tiếp, nhưng chúng ta có thể ngăn cản nó một cách gián tiếp, không để nó phát lộ ra ngoài. Muốn phát lộ ra ngoài, cơn giận cần có quả tay nắm chặt, hai hàm răng cắn sát, gân mặt nheo lại, hơi thở hồng hộc. Song chúng ta có thể giữ nét mặt thân nhiên, có thể kèm hơi thở cho điều hòa, có thể giữ miệng tươi cười*”.

Chúng ta có thể rèn luyện và làm nở nang ý chí cũng như chúng ta có thể rèn luyện và làm nở nang bắp thịt.

Chúng tôi quả quyết: tính khí con người có thể sửa đổi được nếu biết rèn luyện nó một cách hợp lý. Tức là có một phương pháp rèn luyện ý chí đặc lực, và chúng ta có thể rèn luyện làm nở nang ý chí như chúng ta luyện tập làm nở nang cơ bắp.

Chúng tôi sẽ cắt nghĩa tại sao?

Trong quyển *Nghị Lực*, ông P. N. Khuê viết: “*Có biết bao nhiêu người đánh bạc cả đời, mê gái cả đời, uống rượu cả đời... tuy rằng lúc nào họ cũng chiêm bái những tư tưởng cao, lúc nào họ cũng nói ra những lời cương quyết*”. Chúng tôi phải nói thêm: “*Chẳng những họ chiêm bái những tư tưởng cao, song có lúc họ cũng biết giác ngộ và biết sống một đời mực thước, hợp đạo. Có người nghiện rượu nghiện á phiện mà suốt đời không có một lần định cai những chất độc ấy. Họ có thể chừa bỏ thói hư ấy trong một thời gian ngắn, tại sao họ không thể duy trì những quyết định ấy lâu dài hơn. Bí thuật của nhiều phương pháp luyện chí là ở chỗ đó: làm sao giúp họ duy trì những ý thiện*”.

Có người sẽ bác: Không thể được, bắt họ chừa bỏ những thói hư tật xấu thật chẳng khác công dã

tràng, ngựa quen đường cũ. Người Tây đã chẳng nói: *“Đuổi cái thiên tính đi, nó sẽ chạy sãi trở lại sòng sọc”*.

Lý lẽ này chỉ đúng một phần. Đúng vì trong việc tẩy trừ những tật xấu, công việc chúng ta không phải dễ dàng như việc nhổ cỏ xấu, chỉ bứng gốc rễ một lần là trừ tuyệt. Xua đuổi những thói xấu nó sẽ trở lại, trở lại nhiều lần. Song chúng nó không thể trở lại mãi mãi.

Không phải một sớm một chiều mà chúng ta có thể trở nên một người mới hoàn toàn theo ý muốn. Không phải chỉ xáp chiến một lần là quân đội đoạt được một cửa ải. Họ phải tấn công nhiều lượt, tấn công liên tiếp, đôi khi lại lùi bước trước những cuộc phản công quá gắt... nhưng không phải để chạy dài, song là để thừa cơ, phục sức mà mở những cuộc tấn công mới đến khi bên địch yếu sức phải đầu hàng.

Trên mặt trận tâm lý cũng thế. Muốn diệt trừ một thói xấu, muốn tập một nét tốt chúng ta phải ra sức cố gắng; đầu tiên, chúng ta phải vất vả nhiều vì bên địch còn khỏe, song lần hồi, sự cố gắng liên tiếp đã tạo cho ta những thói quen tốt thay vào những tật xấu, bấy giờ sự cố gắng chúng ta đã dễ dàng hơn. Một nhà tâm lý học, ông R. P Anderson, đã khéo so sánh: *“Khối óc con người ví như một rừng rậm và tư tưởng chúng ta ví như những người khai phá. Những tư tưởng mới phải cựa nhọc, lấy dao mác để chặt những bụi cây rậm rạp, gai góc để khai phá con đường, để những tư tưởng sau này do con đường trơn tru ấy xâm nhập vào rừng cách dễ dàng. Đó là thói quen. Thử gấp một tờ giấy lại rồi tháo ra, về sau nhờ có những lần gấp chúng ta gấp lại cách dễ dàng. Đó là thói quen”*.

Thói quen đó là khí giới rất đặc lực mà chúng ta sẽ dùng trong công việc chinh phục con người chúng ta. Đây là một người quyết theo đuổi việc tập thể dục. Sau thời gian sốt sắng ở buổi đầu, đến lúc chán nản. Mỗi khi đến giờ tập là họ thấy bứt rứt, khổ nhọc, thói uơn hèn, tật lười biếng đã nổi lên quấy rầy họ bỏ qua buổi tập. Muốn lướt thắng những lần đầu họ phải cố gắng nhiều. Ngày tới, rồi ngày tới, họ phải nỗ lực nhiều mới đeo đuổi trọn vẹn chương trình tập luyện đã dự định. Song lần hồi, sự tập thể dục đã thành một thói quen, sự cố gắng gần như không còn nữa và nếu bỏ qua một buổi tập họ lại cảm thấy bứt rứt khó chịu.

Sự hoạt động của khối óc cũng như những bắp thịt, làm tụt lại đó nhiều máu và làm nở nang những phần ấy, tuy một cách chậm chạp song chắc chắn.

Giáo sư Elmer Gates đã chứng tỏ bằng nhiều cuộc thí nghiệm. Nếu não thần trung khu được hoạt động luôn, nó sẽ nở nang; trái lại, sự thiếu hoạt động làm cho nó trở nên suy nhược. Ông đã bắt vài con chó và vài giống thú khác để thử huấn luyện thị quan và thính quan của chúng về một vài phương diện: Ông đã tập được những con chó biết phân biệt màu xanh, đỏ. Cùng một lúc ấy ông đem nhốt một số con chó khác cùng một giống, cùng trạc tuổi vào trong buồng tối. Sau một thời gian

ông giết chúng nó và đem mổ khối óc ra, ông nhận thấy ở não thần trung khu của thị quan ở những con chó được huấn luyện có nhiều tế bào thần kinh hơn ở những con bị nhốt trong tối không dùng đến thị quan.

Xem như thế, những năng lực của tinh thần cũng như năng lực của thể chất đều theo luật sinh trưởng nở nang bởi sự hoạt động: có vận động, có tập luyện là có nở nang.

Kết luận: chúng ta có thể làm nở nang ý chí cũng như chúng ta có thể làm nở nang bắp thịt. Chỉ cần một phương pháp rèn luyện ý chí cách hợp lý và đầy đủ và kiên tâm theo đó mà tập.

Một phương pháp luyện chí.

Ở đây, chúng tôi thử phát họa một chương trình luyện chí.

Luyện tập và luyện tập có phương pháp, đó là chương trình hành động của chúng ta.

Muốn biết đọc, phải tập đọc; muốn có ý chí, phải luyện chí.

Không phải chỉ nghiên ngẫm những cuốn sách về thể dục mà bắp thịt chúng ta được nở nang.

Không phải chỉ xem hết năm mươi pho sách thánh hiền là chúng ta trở nên người đức hạnh. Cũng không phải chỉ nắm tay đập xuống bàn và nói: “Tôi sẽ là người có chí” mà được trở nên người có chí khí. Ý chí cũng như bắp thịt hay não óc, chỉ nảy nở, phát triển là khi nó được luyện tập. Muốn được một chí khí đanh thép, điều kiện trước là phải luyện chí và luyện tập cho chuyên cần.

Điều ấy rất dễ hiểu, vì nó rõ rệt và chắc chắn như hai với hai là bốn. Tuy thế, có rất nhiều người muốn có ý chí mà không bao giờ nghĩ đến sự luyện chí. Họ cầu kỳ đi tìm những lý thuyết viển vông hoặc bí quyết để trong tức khắc họ trở nên người có chí. Họ không bao giờ làm công việc trước tiên là lo tập luyện.

Nhà hiền triết Hy Lạp Epictète đã cho chúng ta một bài học thiết thực: *“Muốn biết đi, hãy tập đi; muốn chạy giỏi, hãy tập chạy. Anh muốn biết đọc, hãy đọc. Muốn biết viết, hãy viết. Thử nằm trong mười ngày liên tiếp rồi ra đi một khoảng đường xa, anh sẽ thấy cặp chân anh nó “khỏe” đến mức nào. Nói tóm lại: nếu anh muốn tập thói quen làm một công việc nào, hãy làm công việc ấy”*.

Luyện tập... nhưng phải luyện tập cho có phương pháp.

Chỉ có ý muốn luyện tập không chưa đủ. Phải có công luyện tập. Song luyện tập mà thiếu phương pháp thật là phí công vô ích. Một người học bơi thiếu phương pháp mặc dầu hai chân đạp tung tóe, hai tay bơi không ngớt, song không biết lấy hơi thở cho điều hòa, giữ thân mình cho thăng bằng trên mặt nước thì không thấy mình tiến tới bao nhiêu, có khi kiệt sức rồi bị đắm luôn.

Đó là hình ảnh những người luyện chí mà thiếu phương pháp. Để luyện chí, họ thảo ra những

chương trình luyện tập to tát, dù có cố gắng bao nhiêu họ cũng không thể thực hành theo nổi.

Có người bấy lâu nay quen sống một cuộc đời không mực thước, buông lung theo mọi thú vui vật chất. Một hôm xem được một quyển sách dạy phép “tu thân” trong giây phút họ giác ngộ và quyết rèn tâm sửa tính. Trong lúc quá hăng hái ở buổi đầu, họ muốn hoàn toàn ly dị với tất cả thói xấu đã vấp vít người họ bấy lâu nay. Họ quyết sẽ bỏ thuốc lá, cai rượu mạnh, cấm đi chơi đêm, mỗi ngày tập thể dục một giờ, đọc sách một giờ, viết xong mười pho sách. Nghĩa là họ muốn trong đầu hôm sớm mai sẽ trở nên một người hoàn toàn. Từ một linh hồn đen tối họ môn trở nên một linh hồn trong trẻo của đấng thần minh. Nhưng hỡi ôi! Mong càng đẹp bao nhiêu nó càng khó thực hiện bấy nhiêu.

Cùng trong một lúc một mình phải chống trả với bao nhiêu kẻ thù làm sao họ thắng nổi. Lúc đầu, họ còn có chí tuân theo chương trình khắc khổ ấy, song chỉ nội vài hôm thì vẫn rượu chè, vẫn thuốc lá, vẫn chơi đêm, vẫn lười tập thể dục, vẫn không viết được một dòng chữ nào.

Khôn khéo hơn, họ nên kéo từng địch thủ một mà đánh. Xét trong các thói xấu kia cần diệt bỏ thứ nào trước, hoặc trong các tính tốt cần phải rèn luyện tính nào trước, rồi tập trung cả nghị lực để thực hành cho kỳ được chương trình khiêm tốn ấy. Mà như vậy họ sẽ có nhiều hy vọng để thành công hơn.

Nghệ thuật luyện chí là nghệ thuật tập nên những thói quen. Nhà tâm lý học G. Le Bon định nghĩa giáo dục: *“Là nghệ thuật chuyển sang phần vô thức những gì đã có nơi phần ý thức”*. Ở phần ý thức là lý trí, óc phán đoán; ở phần vô thức là tính tự động, là những thói quen. Theo G. Le Bon: *“Giáo dục là nghệ thuật tập thành thói quen những gì lý trí và óc phán đoán chúng ta nhận là đúng nên theo”*.

Đó cũng là mục đích chính của phương pháp luyện chí hợp lý. Những lẽ luật của thói quen sẽ làm nền tảng cho phương pháp luyện chí chúng tôi sẽ trình bày sau đây.

Có thể tóm tắt những lẽ luật ấy:

1) Mỗi tác động, về thể chất cũng như về tinh thần, chúng ta đã cố ý làm sẽ tạo cho chúng ta thói quen để lập lại những tác động ấy một cách vô tình.

Chúng ta vì tính tò mò muốn hút thử cho biết mùi vị lạ của thuốc lá nên đã cố ý đốt những điếu thuốc lá đầu tiên. Tác động ấy lặp đi lặp lại nhiều lần sẽ tạo cho chúng ta thói quen hút thuốc lá. Về sau chúng ta sẽ hút thuốc một cách vô ý thức.

Sáng ngày, mở mắt ra chúng ta vói tay lấy điếu thuốc châm lửa. Nếu có ai chặn hỏi: “Hút thuốc để làm gì?”. Chúng ta chỉ biết trả lời: “Hút chỉ để mà hút vì thói quen nó bắt hút”.

Do theo luật nói trên, một tác động xấu gây nên một thói xấu. Nếu muốn được một thói quen tốt, chúng ta chỉ có việc là gây nên một tác động tốt.

2) Thói quen ấy ngày càng ăn sâu vào người chúng ta và chúng ta lập lại những tác động ấy một cách

dễ dàng.

Ở trước chúng tôi đã có dẫn dụ của nhà tâm lý học Anderson đã khéo so sánh thói quen với mảnh giấy: *“Thử gấp tờ giấy lại, lần đầu chúng ta lấy tay vuốt thật sát; về sau, tháo ra muốn gấp lại, chúng ta sẽ gấp lại một cách dễ dàng nhờ những lần gấp đã có sẵn”*.

Một thí dụ khác cho dễ hiểu: Việc tập đánh máy chữ. Khi mới bắt đầu tập đánh máy, chúng ta phải hết sức chú ý để nhận biết đâu là phím nhấn chữ A, Z, E, R, v.v... Về sau, khi đã thông thạo, nghĩa là khi việc đánh máy đã thành một thói quen, mắt vừa nhìn thấy dạng chữ A trong bài là ngón tay chúng ta mỗ đúng ngay vào phím chữ A, có khi ý thức chúng chưa kịp nhận biết nút đó thuộc chữ gì. Về phương diện tinh thần cũng thế, khi đã gây được một thói quen, thí dụ: ăn uống có tiết độ, chúng ta lướt thảng tạt mê ăn, ham uống dễ dàng, ít khó nhọc hơn khi mới bắt đầu buộc mình tuân giữ theo phép ăn uống có tiết độ.

Thử phát họa một chương trình để luyện chí. Trình bày một phương pháp luyện chí là công việc ngoài phạm vi chương sách. Công việc ấy chúng tôi sẽ dành riêng trong một quyển sách.

Ở đây chúng tôi chỉ thử phát họa một chương trình tổng quát, chương trình ấy gồm những phương tiện chúng ta sẽ dùng:

- 1) Những phương tiện về thể chất.
- 2) Những phương tiện về tâm lý.
- 3) Những phương tiện bên ngoài.

Những phương tiện về thể chất. Biết rằng thể chất và tinh thần có liên quan mật thiết với nhau, chúng ta phải lo tạo một sức khỏe vì sức khỏe có dồi dào thì tinh thần mới rắn rỏi.

Chúng ta sẽ học lấy những điều bộ, cử chỉ của một người mạnh tinh thần: mắt ngó thẳng, ngực nẩy tới trước, cằm đưa ra, ít nói v.v...

Những phương tiện về tâm lý. Biết rằng bên trong con người chúng ta có hai viên chủ nhân điều khiển: ý thức và vô thức. Chúng ta phải cùng một lượt giáo hóa hai người này.

Về phần ý thức: Tập suy gẫm để biết rõ mình muốn gì, để tạo một ý lực. Tập đóng vai tuồng, thế nào để lột hết tinh thần vai tuồng một người có chí khí mình mơ ước.

Để kích thích chúng ta trong khi theo đuổi một mục đích nên dùng những cảm tình có ảnh hưởng mạnh trong tâm tính hơn là dùng lý trí. Thí dụ, dùng lý trí mà suy xét, chúng ta biết rõ tất cả lợi ích của việc tập thể dục, tuy thế, nó không đủ sức kích thích chúng ta thực hành. Đến khi thấy một người bạn được khỏe mạnh, thân hình nở nang rất đẹp nhờ tập thể dục, chúng ta cảm thấy mình bị thua thiệt, thế là chúng ta có đủ ý chí để lo tập thể dục hàng ngày.

Về phần vô thức: Dùng lối tự dẫn dụ để nhét những ý tưởng tốt vào phần vô thức, để tập nên những thói quen tốt. Đây là phần quan trọng nhất trong việc luyện chí.

Những phương tiện bên ngoài. Biết rằng con người bị hoàn cảnh chi phối rất nhiều, chúng ta sẽ có

tạo cho mình một hoàn cảnh thuận tiện giúp ý chí được phát triển: tránh xa những bè bạn xấu, tạo cho mình một đời sống mục thước, tuân theo một quy phạm khắc khe, xem sách bổ tinh thần.

Về cách luyện tập.

- a) Bắt đầu đánh những trận nhỏ, khởi sự chống lại những thói xấu nhỏ nhen để lần hồi loại trừ những tật xấu đã bám chặt vào chúng ta.
- b) Phải chia ra từng phần mà chinh phục. Đừng bao giờ quyết rèn tập đôi ba đức tính trong cùng một lúc. Muốn tập tính siêng năng làm việc thì phải lo rèn tập đức tính ấy cho đến khi đạt thành, rồi sẽ bắt đầu tập đức tính khác.
- c) Luyện chí cũng như luyện thân thể, được kết quả nhiều hay ít là do công phu rèn luyện. Mỗi ngày phải có làm một “công việc ý chí” cũng như các bạn hướng đạo sinh mỗi ngày ráng làm một việc thiện.
- d) Đừng bao giờ nản chí, thua trận này hãy bày trận khác. Để an ủi, chúng ta nên nhớ rằng: Ở đời, những bậc hiền nhân quân tử rất hiếm. Người có ý muốn học thành quân tử đã quý lắm rồi.

Phạm Cao Tùng

Muốn nên người

Chương 2

LẬP SỨC KHỎE:
TẠO MỘT SỨC KHỎE ĐỂ LÀM VỐN

Người ta dạy chúng ta sống khi đời sống đã đi qua.

Montaigne

Sức khỏe của chúng ta ở trong tay chúng ta.

Cái gia tài mà mỗi người trong chúng ta đều chắc chắn có thọ lãnh của cha mẹ là: Di truyền. Khi lọt lòng chúng ta đã mang sẵn thiên tính về thể chất hoặc tinh thần, nghĩa là chúng ta được cấp một số vốn. Số vốn này nhiều hay ít không tùy ở chúng ta. Người may mắn được hưởng một di truyền tinh khiết trọn đời không mấy khi đau ốm. Người xấu số mang lấy thân bệnh tật ngay trong bào thai. Số mạng? Tình cờ? Nghiệp chướng? Không biết! Điều nên biết hơn là do sự khôn khéo hay vụng về, chúng ta có thể làm gia tăng số vốn đầu tiên ấy hoặc đi đến phá sản.

“*Sức khỏe của chúng ta ở trong tay chúng ta*” đúng như lời ông Gandhi nói. Đây là một người thợ lãnh của công cha di truyền bất hảo, khó nuôi từ thuở bé, lớn lên làm môi cho nhiều bệnh tật, song với chí khí đáng kính, họ chịu khó luyện tập sống theo một lối sống hợp vệ sinh: tập thể dục, làm việc có điều độ, dưỡng sức, ăn uống có tiết độ; sau một thời gian, tuy bước những bước chậm nhưng chắc chắn, lần hồi họ cũng lần mò đến sức khỏe.

Lại có người hừa hưởng của cha mẹ một sinh lực dồi dào, một thân hình cường tráng, song họ lại phung phí di sản quý báu ấy trong những cuộc truy hoan rồ dại để vài năm sau sức khỏe tiêu ma, sinh lực kiệt quệ, đến khi họ sức tỉnh lại thì đã muộn. Phải chăng sức khỏe là một của báu mà người ta chỉ nhận thấy giá trị một khi đã mất nó đi.

Thật thế, mỗi người khỏe mạnh không bệnh tật đều mang trong người họ một số vốn to tát mà chính họ không dè. “*Muốn thành công ở đời này, điều kiện trước tiên là biết làm một con vật tốt*”. Nhà triết học H. Spencer đã nói. Cùng một ý ấy, ông J. Payot nói: “*Mọi sự ở đời là những con số dẽ rỏ, nếu không có sức khỏe đứng đầu thì chẳng có giá trị gì cả*”. Người đầu yếu là sâu mọt trong xã hội, đã không tự giúp ích mình được còn mong gì họ giúp ích được ai.

Đã có một số vốn to tát ta phải biết quản trị một cách khôn khéo. Hãy xem cách nhà buôn quản trị tài sản của họ ra sao: luôn luôn họ nghĩ đến cách sinh phương làm lợi, tiền xuất ra bao giờ cũng được thu vén cho kém hơn số thu vào. Thường lệ, khi cuối năm, họ tính sổ kỹ càng để xem biết lời lỗ mà trừ liệu chương trình doanh thương trong năm tới.

Tại sao tiền bạc người ta chu đáo đến thế? Còn về sức khỏe thì ít ai ngó ngang đến, lời lỗ không hay, suy thịnh không biết, cứ nhắm mắt đánh liều đến khi sức khỏe tiêu tan bị vật ngã trên giường bệnh. Một nhà buôn bị khánh kiệt thì người ta chê bất tài. Nhưng một người mà sức khỏe bị phá sản thì không bị ai chê. Người ấy luôn luôn đổ lỗi cho “số mạng”, cho hoàn cảnh gia đình hay xã hội, song họ quên nghĩ đến những lỗi lầm của họ.

Tại sao người ta rất chú trọng đến việc đào luyện trí não, tranh đua nhau sức học, tài cao mà bỏ quên thân thể. Nhưng thử hỏi một ông bác sĩ hay thạc sĩ sau mấy chục năm đèn sách ở hải ngoại về nước với một lá phổi bị vi trùng lao đục khoét thì sở học ấy có giúp ích gì cho ông ta chẳng? Đừng nói đến việc ông ta sẽ giúp ích cho ai. Nếu có người ngu dốt về chữa nghĩa thì cũng có những người ngu dốt về sức khỏe, đó là những người bệnh, những người yếu đuối.

Một hôm, gặp một nhà doanh nghiệp đã từng lặn lội làm ăn bên Lào, tôi hỏi thăm ông ta về phong thổ xứ ấy và xin cho biết có quả thật như tiếng đồn, người mình sang bên ấy thường bị da vàng bụng trương chẳng? Ông ấy phì cười đáp: “Ma thiêng, nước độc thì có, nhưng làm trai thì phải biết phòng thân chứ. Người để cho ma bệnh vật ngã thì sao gọi là tài”. Ông ta kể luôn chuyện ông Nguyễn Văn Vĩnh mà ông ta được biết lúc ở Lào và ông ta kết luận: “Ông Vĩnh là nhà văn có tài và cũng là người có chí mạo hiểm, nhưng theo tôi, ông phải gửi xác bên Lào thì ông chưa phải là người tài”. Lời bình

phẩm này hơi gắt gao, nhưng không phải là không đúng.

Người ta không chết, người ta tự sát.

Y học vẫn tiến bộ, song bệnh vẫn nhiều. Đó là một hiện trạng dị thường oái oăm. Trước sự tiến bộ không ngừng của y học, người ta tưởng chừng con người ở thế kỷ 20 này phải khỏe mạnh hơn con người thời xưa, nhưng sự thật khác hẳn.

Cứ đi rảo qua phòng bệnh một y sĩ, cứ xem những quảng cáo thuốc trên mặt báo, cứ quan sát những người chung quanh, chúng ta sẽ thấy tình trạng dị thường này. Y học bắt lực? Không, y học vẫn tiến. Y học mang lại cho người ta những khí giới mới để đánh trả lại với bệnh tật, để chống lại với tử thần. Nhưng các con bệnh vẫn nhiều. Bệnh tật không buông tha một hạng người nào. Nói rằng nghèo thường đau yếu vì thiếu ăn thiếu mặc, nhưng các nhà giàu lại thường là thân chủ trung thành nhất của các thầy thuốc; nói rằng hạng dốt nát thiếu sức khỏe vì không hiểu biết vệ sinh, song những người có ăn học vẫn không thoát khỏi con ma bệnh, có những ông bác sĩ da mặt xanh mét, có những ông kỹ sư mặt luôn luôn nhăn nhó vì ăn không tiêu hóa.

Vậy bảo rằng vấn đề sức khỏe là vấn đề tiền bạc không đúng, là vấn đề hiểu biết cũng chưa đúng.

Phải nói đó là vấn đề ý chí. Muốn khỏe mạnh, ít ra ta phải có ý chí muốn sống khỏe mạnh. Chúng ta có thể nâng hoặc đỡ một người leo lên cái thang, nhưng nếu người ấy không ra sức nắm giữ lấy cái thang, không kíp thì chầy họ cũng tuột và ngã xuống đất. Về sức khỏe cũng thế, không thể nói: “Tôi muốn khỏe mạnh” rồi ngồi khoanh tay mong người khác làm lại sức khỏe cho mình. Lắm người hiện giờ có thái độ của người leo thang nói trên, họ muốn khỏe mạnh song họ chỉ ngồi chờ một bí thuật trường sinh, mong tìm sức khỏe ở các lọ thuốc hoặc nhờ tay người thầy thuốc, còn tự họ không biết ra sức riêng, cố gắng để chinh phục sức khỏe.

Bởi thế, tuy ai cũng “ham sống sợ chết” song có rất nhiều người tự sát một cách vô ý thức. Một bác sĩ đã phải lên tiếng: “Người ta không chết, người ta tự sát”.

Họ tự sát bằng cách nào?

- 1) Bằng cách mê tín ở thuốc men, ở thầy thuốc mà không tin ở sức riêng của mình.
- 2) Bằng cách sống một lối sống giả dối không thích hợp với lẽ luật của thiên nhiên, tức là lẽ luật của sức khỏe.

Vấn đề sức khỏe là vấn đề ý chí.

Một nguyên do chính làm cho người ta hiện thiếu sức khỏe là sự tin tưởng cách mù quáng ở thuốc men và quá ỷ lại nơi người thầy thuốc.

Họ làm như sức khỏe có thể mua bằng giấy bạc. Người lao tâm nhọc sức thái quá trong cuộc làm ăn lý luận: “Lo cho đầy bóp phơi trước đã, nhờ có bệnh đã có sẵn ông bác sĩ, lo chi?”. Người phung phí

sức khỏe trong những cuộc hành lạc tự nhủ: “Có hề gì, chích vài ống thuốc Huê Kỳ là khỏe ngay”. Khốn nạn hơn là có những thầy thuốc cũng lợi dụng sự “mê tín” của hạng người này để có can đảm làm quảng cáo trên mặt báo: “Chữa bệnh lậu trong ba hôm có bảo đảm”,...

Thói “mê tín” nơi ống chích, ở lọ thuốc ăn sâu vào các hạng người: hạng trưởng giả đua nhau chích thuốc bổ B12, B13; hạng thợ thuyền không đủ tiền tẩm bổ bằng các thứ thuốc đắt tiền hoặc máu bò, cũng nhịn ăn, mua rượu sâm nhung bổ thận.

Sự mê tín ở thuốc men đi đôi với sự mê tín nơi thầy thuốc. Có người tưởng chừng các thầy thuốc là những vị tiên có phép màu, nhờ có đau ốm chạy đến nhờ họ chích vài xô ri thuốc hoặc ra toa mua vài lọ thuốc xanh đỏ tự nhiên sức khỏe trở về với họ ngay. *Nếu có người đã đốt nát mê tín nơi lá bùa của ông thầy pháp thì cũng có những người có ăn học mê tín nơi toa thuốc của ông bác sĩ.*

Họ quên rằng bệnh tật không phải do sự rủi may đến một cách bất ngờ, song chính là kết quả của những lỗi lầm về lối sống, về cách ăn uống, là kết quả của những thói quen, tật xấu. Tình trạng cơ thể bị suy yếu mà chúng ta gọi là “bệnh” là cái “quả” của những nguyên nhân xa gần. Có những cái “nhân” hư đốn sao đó mới gây ra cái “quả” tai hại này. Uống rượu nhiều thì hư gan, biếng vận động thì bụng đóng mỡ, tráng tác quá độ thì bại thận, luật nhân quả rất ứng nghiệm ở đây. Chúng tôi muốn biết có những phương thuốc nào chữa hết những căn bệnh nói trên một khi người bệnh không tự ra sức diệt trừ những nguyên do làm nên căn bệnh. Muốn khỏi hư gan, người bệnh ít ra cũng phải cai rượu; muốn thận khỏi suy, phải tránh những trác táng. Đó là lối chữa bệnh tích cực. Thuốc men và thầy thuốc giỏi lắm chỉ có thể tạm chữa cái “quả”, mà chữa bệnh ở ngọn không thể là thượng sách. Muốn chữa bệnh phải ra sức chữa lấy cái “nhân”. Nói đến việc tu thân sửa mình tức là nói đến sự cố gắng. Con đường sức khỏe là con đường dốc, đầy cam go, cần nhiều ý chí mới có thể theo đuổi. Vì thế người ta thường chọn con đường trơn tru hơn là *chữa bệnh theo lối thụ động*, hoàn toàn giao phó sức khỏe của mình cho thầy thuốc và không cần một sự gắng sức riêng gì của mình cả.

Thật là một lầm lạc lớn, tin tưởng như thế chẳng khác một mù cho vay ăn lời cắt cổ đến ngày rằm bố thí để chuộc phước! Có thể như vậy chăng?

Chính vì thấu hiểu tâm lý ỷ lại của số đông con bệnh mà có những thầy thuốc hiện nay chỉ chữa bệnh ở ngọn, chữa sao cho có kết quả mau lẹ, chữa ở ngọn của bệnh tức là những hiện trạng của bệnh chứ không truy tầm nguyên do, tìm hiểu nguồn gốc để trừ căn. Anh đến khám bệnh, ông bác sĩ chỉ hỏi sơ qua chứng bệnh, gõ ngực, gõ lưng, bắt mạch trong năm phút, đoạn ra toa mua thuốc hoặc lụy cho anh vài mũi thuốc.

Anh đau rét? Đến thầy thuốc họ cho một liều thuốc chặn rét. Anh đi kiết? Họ sẽ tiêm cho anh một mũi thuốc chặn lại. Mặc dầu ông thầy ấy hiểu rằng: nhiều khi chứng rét không cần phải chặn lại vì đó là một phương tiện mà cơ thể dùng để chống lại với vi trùng toan đột nhập cơ thể, nhiệt độ trong người lên cao thì vi trùng yếu đi. Cũng như đi kiết, thường khi đó là những phương tiện để cơ thể

đẩy chất độc ra ngoài, không có ích gì mà chặn nó lại cách đột ngột. Tuy người thầy thuốc hiểu thể song người bệnh lại hiểu khác. Họ cần thấy cơn bệnh dứt ngay, cho nên ông thầy thuốc muốn vừa lòng thân chủ (vì thân chủ sẵn sàng trả tiền) cũng chích cho họ một mũi chặn lại. Người bệnh hết đi ngoài thật song chất độc vẫn còn thì cơ thể tìm cách tống nó ra ngõ khác. Hiện trạng của bệnh hết, song căn bệnh vẫn còn (vì người ta có lo trừ căn đầu). Ông Mono nói: *“Người thầy thuốc chữa bệnh theo lối này chỉ làm công việc dời chứng bệnh đóng căn cứ ở nơi này sang một nơi khác”*.

Xin các bạn chớ hiểu lầm chúng tôi bài xích các thầy thuốc, các nhà bào chế, họ là những người đóng vai tuồng quan trọng và cao quý trong xã hội, đáng cho ta kính nể. Chúng tôi chỉ muốn nhắc: *Tin nơi thầy thuốc song đừng mê tín nơi họ. Tin nơi thuốc men song đừng mê tín nơi nó*. Vì một khi đã quá tin tưởng nơi thuốc men, ở thầy thuốc, các bạn sẽ không tin tưởng ở yếu tố cá nhân của bạn là một yếu tố quan trọng trong việc chinh phục sức khỏe.

Nếu bạn bị té lỵ tay hoặc nửa đêm bị thổ tả, lẽ dĩ nhiên bạn phải đi ngay đến thầy thuốc, nhờ đến tài nghệ của họ.

Song nếu bạn lầm tưởng rằng uống hai viên “maxiton” rồi có thể ngồi đánh bài suốt đêm, hoặc cứ đi lại với gái giang hồ, lỡ vướng bệnh lậu thì đã có ông bác sĩ chữa bao trong ba hôm, thì rõ ràng bạn đã mê tín nơi thuốc men và ở người thầy thuốc.

Sức khỏe không thể mua bằng tiền bạc. Có bao nhiêu nhà giàu tiền chất đầy tủ mà đau lên đau xuống, mặt mày xanh mét, người như tấm nhang. Bởi thế vua ô tô Henry Ford nói một câu chí lý: *“Đời tôi chỉ chịu thua một điều: bệnh tật”*.

Vấn đề sức khỏe trước hết là vấn đề ý chí, nghĩa là sức khỏe của ta phải tự ta vun vén, săn sóc lấy. Vấn đề sức khỏe hiểu biết mà không thực hành thì không ích gì cả.

Chúng ta thường thấy sách vở hoặc báo chí truyền bá vệ sinh, phổ thông y học, nhưng ít thấy ai nhấn mạnh ở chỗ làm thế nào để thực hành những kiến thức ấy, mà đó mới là điều kiện cốt yếu trong việc làm lại sức khỏe cho dân chúng.

Bác sĩ P. Delore viết: *“Vệ sinh là vấn đề giáo dục, nó cần sự hiểu biết và cũng cần sự biết thực hành những điều kiện để sống khỏe”*.

Thiếu gì người có học thức, biết rõ phép vệ sinh, thiếu gì thầy thuốc biết rõ căn bệnh, cách chữa bệnh song họ vẫn bệnh, vẫn yếu.

Năm xưa, trong một bài diễn thuyết về vấn đề vệ sinh, bác sĩ Trương Văn Quế có một câu nói chí lý: *“Xưa không có vệ sinh mà có, nay có vệ sinh mà không”*. Ông đã nhận thấy: Hiện nay nhiều người đã hiểu những cương yếu vệ sinh nhưng biết mà không tuân giữ thì cũng bằng không. Ngày xưa, tuy ông bà ta chưa hiểu thế nào là vi trùng, thế nào vi khuẩn, nhưng biết tuân theo luật thiên nhiên, ngày làm lụng, tối nghỉ ngơi, đói mới ăn, khát mới uống, không như người “văn minh” hiện đại lấy đêm làm ngày, không đói không khát cũng ăn nhậu cho “đã miệng”.

Hiện nay người ta hiểu nhiều về vệ sinh, về y học, nhưng quá ỷ lại vào khoa học, không còn dùng đến sức riêng, nên tuy hiểu biết mà lại không đủ nghị lực để tuân giữ thì cũng bằng không.

Thêm vào đó lối phổ thông khoa học giả dối làm cho nhiều người hiểu biết nửa chừng những điều mà nếu có dạy phải dạy một cách cặn kẽ, bằng không thì thôi; thí dụ có những ông “phạm nhe” đọc đôi ba chục quyển sách thuốc, tưởng mình đã thấu hiểu cách chữa bệnh, lại viết báo cắt nghĩa bệnh và ra toa bệnh trên báo.

Được dẫn đạo bởi những ông thầy như thế thảo nào hiện giờ có nhiều người bất luận bệnh gì cũng muốn chích Vitamine B12, B13.

Không phải vô cớ mà ngày xưa người ta rất dè dặt trong việc truyền dạy nghề thuốc.

Cơ thể con người có thể so sánh tạm thời với bộ máy ô tô nhưng nó không đơn giản như bộ máy ô tô. Vì chiếc ô tô chỉ là một vật mà con người là con người, có thể chết mà cũng có tinh thần. Cho nên chữa bệnh cho một người như chữa máy chiếc ô tô là bất hợp lý. Tệ hại của một số thầy thuốc hiện nay là chữa bệnh, săn sóc người bệnh một cách máy móc, đau đầu trị đó.

Lề luật của sức khỏe tức là lề luật của thiên nhiên.

Có thể nói: Một người sống khỏe mạnh là một người biết sống theo đường đức hạnh. Muốn được khỏe mạnh ta không thể sống bừa bãi theo sở thích, theo dục vọng, theo thói quen. Ta chỉ được sức khỏe là khi ta biết ép mình sống theo một quy phạm, biết tuân giữ những lề luật nhất định không thay đổi: lề luật của thiên nhiên. Thiên nhiên là một người mẹ rất nhân từ nhưng cũng rất đanh thép. Một khi ta phạm luật là trừng phạt ngay không kịp thì chày.

Lề luật của thiên nhiên là lề luật sức khỏe, không có một bí quyết để tìm sức khỏe cũng như không có bí quyết để làm giàu. Chỉ cần chút quan sát để thấu hiểu và nhiều nghị lực để tuân giữ luật lệ của thiên nhiên.

Tạo vật đã cấp cho ta những thuốc bổ thiên nhiên: nước lã, ánh sáng mặt trời, thanh khí là cốt bảo chúng ta phải sống giữa thoáng khí, sống ngoài trời, đừng sợ rét mướt, đừng sợ nắng. Nhưng nếu đời sống “văn minh” tạo cho chúng ta một lối sống “êm ái” gần như bạc nhược, ra ngoài thì sợ nắng, nằm ngủ thì đệm êm chăn ấm, ở thì chui rúc trong những thành phố chật hẹp thì lẽ cố nhiên nước da ta phải mét, lá phổi phải teo, sức chịu đựng với thời tiết phải giảm đi, “nắng không ưa, mưa không chịu”.

Tạo vật đã cấp cho ta cặp chân khỏe, lồng ngực rộng là để ta leo trèo, chạy nhảy, nhưng bác sĩ G. Durville đã nói: “*Hiện giờ có nhiều người không biết đi*”. Có thể nói họ không muốn đi vì bước ra đường đã có ô tô, xích lô đón họ; nhưng không vận động lâu ngày, cặp chân teo lại, lồng ngực xẹp xuống, hơi thở kém sút, thét rồi họ chạy bộ trăm thước không nổi.

Tạo vật chỉ cho ta biết luật tuần hoàn: trăng khuyết lại tròn, ngày sáng thay đêm tối, quả tim giãn ra

rồi co lại. Thể chất cũng như tinh thần của ta điều phải tuân theo luật tuần hoàn, sau hồi nỗ lực làm việc phải có thời gian nghỉ ngơi. Đêm đến phải ngủ để dưỡng sức và tinh thần, nếu ta ngồi sòng đánh tứ sắc suốt đêm thì dần dần cơ thể bị suy nhược, không món thuốc bổ nào có thể làm cho nó thịnh vượng nổi.

Bệnh tật không phải tự nhiên mà có, cũng không phải do tà khí hay hung thần mang đến như người xưa chưa biết khoa học đã tin tưởng.

Nó cũng không phải chi do những yếu tố mang bệnh, vi trùng, mầm độc như nhiều người hiện nay có chút kiến thức khoa học tin sai.

Nó là chung quy của một lối sống, của những thói quen, những tật xấu. Nó là kết quả của những lỗi lầm ta đã phạm luật thiên nhiên. Nó là một bằng chứng của luật nhân quả.

Nói theo bác sĩ P. Carton, người chủ trương phái thiên nhiên: *“Sức khỏe là kết quả của một đời sống tuân theo luật sinh lý. Tình trạng đau yếu là kết quả của lối sống bất hợp lý, nói cách khác là những thói quen xấu”*.

Kết quả trước tiên của một lối sống không hợp luật sinh lý là cơ thể bị suy yếu, miếng đất sinh lý trở nên nghèo nàn, dễ sụp đổ, không còn đủ sức để chống lại những vi trùng, những mầm bệnh khi chúng nó đột nhập vào cơ thể.

Sau các cuộc nghiên cứu, thí nghiệm của các nhà y sĩ và tinh vật học, hiện nay người ta đã chứng minh phần quan trọng của miếng đất sinh lý trong việc chống với bệnh tật. Họ kết luận: nguồn gốc của bệnh tật không phải chỉ có những yếu tố sinh bệnh như vi trùng, mầm bệnh mang đến mà cũng do tình trạng miếng đất sinh lý có thuận tiện để cho mầm bệnh phát triển chẳng, do cơ thể suy hay thịnh. Một người cơ thể sung mãn có thể bị vi trùng đột nhập vào mình, nhưng chúng nó không thể hoành hành và sẽ bị tiêu diệt. Vậy ngừa bệnh, chữa bệnh mà chỉ nhắm đích bài trừ vi trùng, mầm bệnh không chưa đủ, phải biết lo củng cố làm cho miếng đất sinh lý trở nên thịnh vượng, cơ thể mới đủ sức chống trả với mọi cuộc tấn công của những yếu tố mang bệnh.

Sáu quy tắc để giữ gìn sức khỏe rẻ tiền, không cần thuốc.

Bí quyết của sức khỏe là tìm hiểu và tuân theo lẽ luật thiên nhiên, tức là lẽ luật của sức khỏe. Thiên nhiên là quan tòa rất chánh trực và cũng rất thanh liêm, chúng ta không thể “hối lộ” đút nhét tiền bạc để làm sai luật lệ mà vẫn hưởng được ân huệ.

Đã nhận thấy rằng sức khỏe không thể dùng tiền bạc để mua lấy, cũng không thể ỷ lại vào nghệ thuật, tài năng của người thầy thuốc để giữ gìn sức khỏe cho mình, thì chúng ta hãy tự lo làm lại sức khỏe mình, giúp mình trước... các thầy thuốc sẽ giúp sau.

Chúng tôi đã nói: không có một bí quyết để tìm sức khỏe, chỉ có những quy tắc rất giản dị, bất luận ai cũng có thể tuân giữ nếu có một chút ý chí. Chúng ta có thể gom lại sáu quy tắc:

Biết ăn.

Biết thờ.

Biết tổng độc.

Biết dùng những món thuốc bổ thiên nhiên

Biết vận động.

Biết giữ vệ sinh tinh thần.

Biết ăn. Thân thể con người là một xưởng máy. Nó cần nhiều nguyên liệu: thức ăn, nước uống, không khí để bồi bổ cơ thể và để tạo ra tinh lực.

Vấn đề ăn uống đóng vai tưởng quan trọng trong lịch sử nhân loại. Hai phần ba hoạt động của loài người đều hướng vào một việc: ăn. Lo làm ăn, làm để ăn, ai cũng lo ăn, sợ thiếu ăn, nhưng ít ai lo nghĩ đến việc ăn thế nào cho đúng phép vệ sinh vì nhiều người tưởng rằng ăn thế nào cũng được miễn dạ dày đừng kêu đói là được. Họ cho rằng con người ăn thức gì cũng được. Họ có biết đâu chính những thức ăn tạp nhạp, những thức ăn “nhân tạo” do óc tưởng tượng loài người chế biến ra mà họ dồn nhét vào dạ dày và họ cho là bổ dưỡng thật ra là những chất độc có thể gây ra nhiều căn bệnh. Một danh y thời xưa, ông Galien đã lên tiếng: *“Con người dùng bộ răng mà đào lấy huyết tự chôn mình”*. Người ta thuật chuyện:

Một bác sĩ hiện đại, ông Héquet thường khi đến thăm bệnh (những thân chủ trưởng giả của ông), ông không quên đi ra sau bếp nhấn xéo với các ông bếp: *“Thật chúng tôi, các thầy thuốc phải mang ơn các anh nhiều vì nếu không có nghệ thuật “thuốc người” của các anh thì chúng tôi phải thất nghiệp ráo”*.

Chúng ta hãy nhìn chung quanh ta những người bụng phệ, mặt tía đỏ, những người ốm như cây sậy, bộ mặt nhăn nheo đó là hai hạng người lạm độc vì ăn uống, những căn bệnh phong thấp, ung thư, lao phổi cũng do nguồn gốc xa gần ở sự tiếp dưỡng bất hợp lý.

Trong động vật, người ta thấy những thú hoang ăn uống theo bản năng thiên nhiên không bao giờ đau ốm; trái lại, con người và súc vật nhà ăn uống theo lối “nhân tạo” thường bị nhiều bệnh tật.

Đến đây chúng ta đã bước vào một vấn đề mà hiện nay những bác sĩ, những nhà chuyên về khoa tiếp dưỡng vẫn chưa đồng ý: Vấn đề ăn uống. Nên ăn những thức gì? Thịt thức ăn nào bổ, thức ăn nào có hại?

Phái thiên nhiên cho rằng ăn thịt cá đã không cần thiết lại thêm hại, chỉ nên ăn rau đậu, hoa quả. Phái y học chính thức trái lại cho rằng ăn có nhiều chất bổ.

Về phép ăn uống, đừng quá câu nệ ở chi tiết. Có người xem xét từng món ăn: ăn món “bít tết” này sẽ bổ máu, ăn chén yến này sẽ bổ thận, có người gần như muốn xách cân tiểu ly lại bàn ăn đo lường cho biết miếng này nặng được mấy “ca lô ri”, làm như cơ thể con người là phòng thí nghiệm hóa học và nhiệt độ của các thức ăn. Nhưng, cùng một món ăn, người này có thể dung nạp mà người khác lại

không. Bằng chứng: người mình ăn gạo cơm, người Ấn Độ dùng nhiều sữa, người Pháp ăn nhiều thịt.

Chỉ nên biết đại khái cơ thể cần dùng những chất gì, rồi do theo đó mà chọn thức ăn vừa có thể tiếp dưỡng đầy đủ cơ thể vừa hợp với mình.

Một điểm mà các nhà vệ sinh, các y sĩ gần đồng ý là những thứ cơ thể cần dùng. Có thể kể:

1) *Thức ăn có đạm chất*, là những vật liệu để tài bồi những tế bào bị hao mòn, để giúp sự nở nang.

Có thể tìm thấy chất này ở thịt, cá, trứng, sữa, vài thứ đậu.

2) *Thức ăn có chất đường và bột*, là những vật liệu đem lại sức nóng cho cơ thể, tạo ra năng lực giúp sự vận dụng các thớ thịt. Những chất này thường gặp ở các mẽ cốc, khoai, đậu, trái cây có chất ngọt, đường.

3) *Thức ăn có chất béo*, cũng là những vật liệu đem lại sức nóng cho cơ thể để gìn giữ nhiệt độ trong mình chống lại với sức lạnh bên ngoài.

Có thể gặp những chất này ở các thứ mỡ thịt, pho mát, bơ, dầu olive, dầu phộng, dầu cá.

Ngoài ba loại thức ăn chính này có thể kể:

4) *Thức ăn có khoáng chất*: sodium, calcium, potassium, sắt, lân, đồng, lưu hoàng, v.v... Những chất cơ thể không thể thiếu, ngoài ra những chất này có tính cách sát trùng, làm trung hòa những axit, giúp sự trao đổi bên trong của máu.

Người ta gặp những chất này trong: thịt, cá, trứng, pho mát, bột mì, đậu haricot, rau cải, trái cây.

5) *Thức ăn có sinh tố*, là vật liệu sinh sống cần thiết cho sự vận dụng, sự nở nang, sự giữ gìn cơ thể.

Người ta nghiệm thấy những người đi tàu thủy lâu ngày chỉ dùng toàn đồ hộp bị bệnh bại huyết, nhưng khi cho họ ăn trái cây tươi vào là khỏi ngay, những người bị bệnh thũng khi cho họ ăn cơm gạo lúc còn chất cám, có sinh tố B là khỏi.

Có nhiều thứ sinh tố A, B, C v.v... Người ta thường gặp những chất này trong rau, cải, trái cây tươi.

Nhưng nếu bị nấu chín, những chất sinh tố sẽ bị tan đi, vì thế nên dùng trái cây tươi, rau quả sống.

Xứ ta không thiếu những thức ăn bổ dưỡng này: chuối, xoài, cam, quýt v.v...

6) *Thức ăn sinh căn bã*, không bổ dưỡng vì cơ thể không tiêu dụng nhưng có ích vì sinh ra căn bã, làm kích thích bộ ruột, giúp sự tiêu hóa và nhuận trường.

7) *Chất nước*, là chất quan trọng trong thân thể, có thể nói nó chiếm $\frac{3}{4}$ sức nặng thân thể. Mỗi ngày chất nước trong thân thể bị tiêu hao độ hai, ba lít do mồ hôi, do hơi thở, do nước tiểu bài tiết.

Người ta có thể nhịn ăn trong một tháng nhưng nhịn uống trong một tuần là đã thấy nguy. Chất nước mà cơ thể cần dùng là chất nước lã trong sạch, hoặc chất nước trái cây. Rượu mạnh, rượu nho hay bia cũng không thể thay nước lã.

Cách tiếp dưỡng hợp lý là độ thể nào để những thức ăn này cung cấp cho cơ thể đủ những vật liệu nói trên. Đó là về “phẩm”.

Vấn đề “lượng” cũng đáng kể. Phải ước lượng sao cho số “chi thu” của cơ thể được quân bình, nghĩa là ăn nhiều ít tùy theo lối sống, theo tuổi tác, theo thời tiết. Người trai tráng làm việc tháo vác phải ăn nhiều hơn người có tuổi, người chỉ ngồi bàn giấy làm việc bằng trí não.

Và đây là một vài quy tắc về vệ sinh ăn uống:

- Ăn nhiều quá cũng có hại như thiếu ăn.
- Điều cốt yếu không phải là ăn được nhiều mà làm sao đồng hóa được những thức ăn.
- Nhai thật kỹ vì sự tiêu hóa bắt đầu ở nơi miệng. Nhai kỹ để nghiền nát thức ăn và cũng để miếng ăn được nhuần nước miếng.
- Đợi khi tinh thần và thân thể khỏe khoắn hãy ngồi vào bàn ăn.
- Rượu mạnh có thể dùng làm thuốc trừ bệnh, không thể dùng làm nước uống hằng ngày. Rượu mạnh làm yếu người.
- Nên dè dặt trong việc dùng thức ăn kích thích.

Biết tống cận bã. Bỏ than củi vào lò máy tàu sau khi than cháy đi còn để lại tro bụi. Bình xăng ô tô lâu ngày cũng đóng cận bã.

Bộ máy người cũng thế, sau khi cơ thể đã dùng những vật liệu là thức ăn, nước uống để hoạt động còn chừa lại những chất không được đồng hóa, đó là những cận bã, thường là những chất độc, cần phải tống ra khỏi cơ thể kịp thời. Nếu vì lẽ gì mà không được bài tiết ra khỏi cơ thể thì lần hồi tích tụ lại và sinh độc.

Trong bộ máy tinh vi của con người đã có những cơ quan để lọc hoặc bài tiết những chất độc ấy như lá phổi, da, bộ ruột, thận.

Mỗi cơ quan lãnh một phận sự. Phổi bài tiết hơi cận. Da bài tiết mồ hôi. Ruột bài tiết phân. Thận bài tiết nước tiểu. Riêng bộ ruột và cặp thận là hai cơ quan làm việc nhiều nhất. Tác động hai cơ quan này vượt ra ngoài ý chí ta, chúng ta không thể bắt buộc nó làm việc theo ý muốn, nhưng ít ra chúng ta cũng đừng ngăn cản công việc làm của nó, hoặc gây thêm công việc cho nó.

Ta cản trở bằng cách gò ép mình, giữa bữa ăn ta muốn đi ngoài nhưng vì xã giao lại ráng nhịn đi, tức là ta cản trở công việc bài tiết của bộ ruột.

Ta gây thêm công việc cho nó bằng cách đem nhiều chất độc vào mình, thí dụ uống nhiều rượu, thận phải làm việc nhiều.

Biết thở. Thanh khí là món thuốc bổ vô cùng quý. Sờ dĩ người ta không chịu dùng đến nó bởi đó là món thuốc không mất tiền mua. Nếu có ai ra lệnh thầu tiền mỗi hơi thì ắt có nhiều người dám tốn cả sự nghiệp để mua thanh khí.

Con người cần thanh khí như cá cần nước. Nín thở trong năm phút chúng ta sẽ chết ngạt.

Hàng năm không biết có bao nhiêu người chết vì lao phổi. Những người bị lao phổi thường là những người có cặp phổi suy yếu vì thiếu vận động, tức là thiếu hô hấp. Thường người ta chỉ hơi hóp: thở ra

hít vào chút hơi cho khỏi chết ngạt, ít có người biết thở một cách đầy đủ và càng hiếm người biết luyện tập cho cặp phổi nở nang.

Thanh khí vào cơ thể lọc rửa máu huyết, có nhiều thanh khí. Nơi làm việc phải để các cánh cửa mở rộng. Nơi phòng ngủ cũng thế, song đừng nằm ngay đầu luồng gió. Sau buổi làm việc, nếu có thể đi bách bộ ở nơi đồng trống, theo bờ sông, đừng giam mình trong những quán rượu, đầy khói thuốc. Những ngày nghỉ, thay vì chen vào những rạp hát kín hơi hoặc cong lưng ngồi sòng bạc nên đi khỏi thành phố, cắm trại, bơi lội.

Biết dùng những thuốc bổ thiên nhiên, ánh nắng, nước lã, không khí. Có những món thuốc bổ thiên nhiên không mất tiền mua, ai cũng có thể dùng được: ánh nắng, nước lã, không khí.

Ánh nắng mặt trời là phương thuốc sát trùng. Nên để ánh nắng tràn ngập vào nhà ở. Một nhà vệ sinh nói: *“Ở đâu ánh nắng mặt trời không lọt vào thì thầy thuốc sẽ đi vào”*.

Nhiều người lại sợ ánh nắng làm nám da, sợ cả không khí, nên luôn luôn bọc kín người họ dưới lớp quần áo dày. Phải tập quen chịu đựng với “gió sương”, đó cũng là một cách làm kiên cố miếng đất sinh lý, để ngừa phòng sự tấn công của các mầm bệnh và vi trùng độc.

Ông bà ta ngày xưa không biết vệ sinh, không có những thuốc bổ hóa học như Campollon hay Vitamine B12 nhưng vẫn tráng kiện, phải chăng họ biết dùng một cách đầy đủ những thuốc bổ thiên nhiên ấy.

Biết vận động. Muốn cho bắp thịt nở nang, dẻo dai, muốn cho các quan năng hô hấp, tiêu hóa tuần hoàn làm việc điều hòa, thân thể phải được vận động hằng ngày.

Nếu vì lối sống hoặc điều kiện riêng thân thể thiếu vận động thì ta phải tìm cách vận động lối nhân tạo, tức là tập thể dục. Đừng nhầm lẫn thể thao với thể dục. Thể thao là những trò chơi, một lối tiêu khiển thanh tao, đó cũng là một cách để làm vận động thân thể, nhưng không thể xem như một lối luyện tập thân thể hoàn bị. Người đá bóng chỉ làm nở nang hai chân, người chơi cờ nít chỉ làm nở nang hai tay.

Chơi thể thao theo quan niệm phần đông người ta hiện giờ là chơi thể thao tranh đấu, thường làm hại sức khỏe bởi sự chuyên môn và sự quá sức.

Thể thao không phải lúc nào cũng mang lại cho ta sức khỏe, nhất là đối với những người có thể chất tương đối kém. Phải là người khỏe mạnh mới có thể chơi thể thao. Lắm tay vô địch chiến thắng các địch thủ trên bãi cỏ, trên võ trường lại bị vật ngã trên giường bệnh một cách đau thương...

Tóm luận: Thể thao là những trò chơi vận động nhiều, không phải là những phương tiện để luyện tập thân thể đầy đủ. Nên chơi thể thao nếu anh thích, song chơi thể thao có điều độ.

Trái lại, anh phải tập thể dục dầu anh không ham thích vì đó là bổn phận đối với thân thể.

Biết giữ vệ sinh tinh thần. Biết giữ vệ sinh thể chất chưa đủ để giữ gìn sức khỏe, cần phải thêm biết giữ vệ sinh tinh thần. Vì tinh thần và thể chất liên quan mật thiết với nhau.

Có người bị đau yếu chỉ vì tinh thần suy kém. Người ta nghiệm thấy: trong lúc có bệnh truyền nhiễm tràn lan thì người yếu tinh thần là người dễ bị lây nhất.

Vệ sinh tinh thần cũng có những định luật: luật cố gắng và ngơi nghỉ. Phải biết tập trung tinh thần để làm việc mà cũng phải biết dưỡng tinh thần, để nó nghỉ ngơi.

Muốn tập trung tinh thần để làm việc cho đắc lực phải biết tập tính chú ý. Có biết chú ý mới có thể luyện tập trí nhớ, trí phán đoán và ý chí.

Trong chúng ta có hai con người: con người có ý thức và con người vô thức. Lắm khi chúng ta bị con người vô thức xỏ mũi tức là lúc phần ý thức chúng ta bị vô thức lấn át.

Trí óc chúng ta biết rượu là độc, nhưng tay chúng ta vẫn nâng cốc rượu lên uống. Gặp việc kinh sợ tâm trí chúng ta muốn bình thản, nhưng mặt chúng ta vẫn xám, tay chúng ta vẫn run.

Tuy thế, không phải luôn luôn chúng ta bất lực, chúng ta có thể huấn luyện phần vô thức, chúng ta có thể điều khiển nó. Bằng cách nào? Bằng cách tự dẫn dụ, đã có nói ở phần trước.

Có những món ăn độc hại thân thể thì cũng có những tư tưởng hắc ám làm lụi tinh thần. Thân thể cần cơm ngon, gạo tốt thì tinh thần cũng cần những tư tưởng thanh cao, tích cực. Phải tránh những tư tưởng đê hèn, tiêu cực. Luôn luôn giữ thái độ lạc quan: yêu đời, yêu người, thích ứng với mọi hoàn cảnh.

Có ánh sáng mặt trời thì có bóng tối, có mối lo buồn thì cũng có lẽ vui sống. Bỏ thái độ bi quan: tính chỉ trích, ngạo đời, lo âu, sợ hãi vẫn vơ.

Điều chúng ta cho là rủi biết đâu là cái may và chúng ta không biết. Truyện Tái Ông mất ngựa là một bài học thâm thúy về tính yêu đời. Thái độ tiêu cực làm hại cho cơ thể ta trước nhất.

Phải có một tinh thần sống khỏe mạnh, đừng quá khiếp sợ vi trùng hay bệnh tật.

Phải tin rằng khi mình biết giữ vệ sinh cơ thể sẽ khỏe mạnh. Cơ thể đã mạnh, nó sẽ đủ sức chống chọi bệnh tật.

Sức khỏe là sự điều hòa. Mục đích cuối cùng trong công cuộc đi tìm sức khỏe là đạt đến sự điều hòa về ba mặt: Thể Chất – Tinh Thần – Tâm Thần.

Đạt đến sự điều hòa của ba phần này là đạt đến sức khỏe.

Mỗi khi một trong những phần này bị gián đoạn, mất thăng bằng thì ta bị đau yếu. Nếu một trong những phần này bị khủng hoảng thì những phần khác cũng bị ảnh hưởng lây.

Mỗi khi cơ thể bị bệnh thì tinh thần cũng suy kém, và trái lại khi tinh thần suy kém thì thân thể cũng bị lây truyền.

Mỗi khi tâm hồn bị rối loạn, thì thân thể và tinh thần cũng bị rúng động ngay.

Muốn nên người

Chương 3

**LẬP VỐN:
HỌC LẤY MỘT NGHỀ ĐỂ NUÔI SỐNG**

Ruộng bè bè không bằng một nghề trong tay.

Sống trước đã. Nếu có một hạng người nhắm mắt chạy theo “con bò vàng”, một hạng người chỉ biết xem tiền là chúa tể vạn vật thì cũng có một hạng người khác sống giữa thời kim tiền này mà họ rất khinh miệt đồng tiền hoặc chẳng lo nghĩ gì đến cách kiếm tiền.

Không phải là những người giàu đất xa trời, đã tận hưởng những cảnh giàu sang, đã chán mùi phú quý để có thái độ bi quan như thế. Họ là những người bạn trẻ, chân ướt chân ráo mới nhảy vô cuộc đời. Chưa sống họ đã chán chê sự sống. Trong lúc tay không rỗng túi, còn ăn bám vào gia đình, họ đã tập tễnh lên án buộc cho tiền bạc trăm điều tội lỗi, rập theo những nhân vật trong tiểu thuyết hoặc trên sân khấu. Tuổi trẻ thường dễ đam mê, xem những tiểu thuyết trong đó tác giả khéo thi vị hóa cuộc đời, vẽ toàn những “người hùng”, những “thánh nhân”, sống trong những cảnh chỉ có thể có trong óc tưởng tượng là họ đam mê ngay. Họ muốn sống một cuộc đời siêu thoát, không bận tâm đến những vấn đề cơm áo mà họ cho rằng là sà dưới mặt đất.

Cho nên không bao giờ họ lo nghĩ đến cách làm ra tiền đâu là làm ra tiền để nuôi sống chính họ.

Chúng ta thấy nhiều bạn trẻ đến tuổi lập thân đáng lẽ phải lo tìm một kế sinh nhai hoặc học một nghề để nuôi sống, trái lại chỉ lo những chuyện không đâu chẳng đem đến cho họ một sự lợi ích thiết thực nào cả.

Người thì lo học nhảy “Claquette”, người lo học đờn ghi ta, người khác lo gọt đẽo mấy vần thơ để than mây, khóc gió, quyết học làm thi nhân. Chúng ta không bảo những thú chơi, những công việc ấy là hoàn toàn vô bổ. Song đối với cái tuổi của họ, ở vào địa vị của họ thì những việc học ấy, những trò chơi ấy phải để vào hạng phụ thuộc. Cần thiết hơn là cái học “kiếm cơm”.

“*Sống trước đã... triết lý sau*” lẽ phải dạy chúng ta như thế. Nghèo không xấu, song chưa nuôi nổi thân mình là một điều sỉ nhục. Chưa nuôi thân mình được thì mong gì giúp ích cho ai. Bao nhiêu người ôm ấp những hoài bão cao siêu, những tư tưởng rất nhân đạo. Nếu đem ra thực hành sẽ giúp ích cho đời, cho nước, song thiếu tiền bạc, thiếu điều kiện tối cần ấy thì những tư tưởng kia chỉ có giá trị trên mặt giấy vì có bao giờ đem ra thực hành được.

Làm ra tiền là một điều rất chính đáng. Tiền là phần thưởng của sự cần lao, là phần thưởng của sức

cố gắng. Nó là một phương thuốc làm phần khởi sức hoạt động của con người.

Biết làm ra tiền mới sống một cuộc đời độc lập. Nếu không phải ở cung trăng rơi xuống thì chúng ta phải nhận rằng: hiện giờ không ai thoát khỏi kiềm kẹp của tiền bạc. Kẻ nào không biết lo chạy cho đủ ăn, đủ mặc thì sớm hay muộn cũng phải sè tay xin những người mà họ đã cho là quá bận bịu với tiền bạc.

Làm ra tiền là tạo lấy cho mình, cho những người thân yêu mình một đời sống tốt đẹp hơn, mặc dầu tiền bạc không có nghĩa là hạnh phúc. Có ai ở giữa cảnh chạy ăn từng bữa toát mồ hôi, hoặc gặp hồi túng bán, nợ kêu đòi trước cửa mà còn giữ được sự thư thái trong tâm hồn?

Lo làm việc, lo kiếm tiền chẳng những là lo cho bản thân mình, vì sự lợi ích riêng mình song đồng thời ta cũng giúp ích cho đoàn thể, cho nước nhà. Một nhà kỹ nghệ dựng lên một xí nghiệp, một nhà thương mãi kinh doanh một cuộc doanh thương, một nhà nông khai khẩn một đồn điền, thoát tiền họ chỉ lo làm lợi cho túi tiền riêng của họ. Song song khi làm lợi cho họ thì họ cũng đã làm giàu cho ngân sách quốc gia. Vì tài sản của một quốc gia là tài sản của những tư nhân góp thành.

Cái “án” tiền bạc. Nhưng tại sao có một hạng người không ưa tiền bạc, cho nó là mọt ghê của xã hội, là đầu dây mối nhợ của trăm điều tội lỗi. Tại sao xưa giờ có nhiều triết gia đã lên án tiền bạc? Phải chăng do người ta lâm lẩn trong sự định giá của nó?

Tiền bạc là một thế lực, nó không phải là “chúa tể vạn vật”. Nhiều người quá tin tưởng ở thế lực tiền bạc. Họ cho rằng “có tiền mua tiên cũng được” hoặc “đã là nhà triệu phú chúng ta sẽ có tất cả”, nên họ nhắm mắt chạy theo đồng tiền, gác bỏ hết mọi tình cảm, đập lên mọi bức rào luân lý, bán rẻ danh dự để hốt cho nhiều tiền.

Nhưng một khi đã ngồi trên đồng bạc, họ sẽ thất vọng mà rằng: có tiền chưa hẳn là có tất cả như họ nghĩ, bởi có nhiều điều mà tiền bạc không thể mua được, thí dụ như tài năng, sức khỏe hoặc hạnh phúc.

Sức khỏe, có ai dùng tiền mua được nó? Bằng chẳng thì những tay triệu phú có tiếc gì mà chẳng vãi tiền ra mua để sống trên trăm tuổi hầu tận hưởng cuộc đời phú quý của họ.

Tiền bạc cũng không mua nổi hạnh phúc. Chúng ta còn nhớ tích vị hoàng tử trong một truyện ngụ ngôn phải nhọc công đi tìm khắp nước chiếc áo lót của người hữu phúc, bởi có vị tiên mách bảo với ông rằng ông sẽ nếm được hạnh phúc khi choàng chiếc áo lót của người ấy. Đến khi gặp được anh chàng hữu phúc, ông ta thất vọng bởi chàng ta nghèo đến nỗi chẳng có một tấm áo che thân.

Nói về cái óc con buôn của một hạng người, Charles Wagner có viết trong quyển *Đời Đơn Giản*:

“Có những người buôn khoai lạc, buôn ái tình, buôn phép màu, buôn lòng ái quốc, như thế cái danh hiệu của nhà thương mãi rất đáng kính khi người mang danh đó buôn bán những cái gì là những thứ có thể mua bán, đã thành một điều đại sỉ nhục khi đó là những vật thuộc về cõi lòng, về tôn giáo, về tổ quốc”.

Tiền bạc là một phương tiện, không phải là một cứu cánh. Bao giờ chúng ta còn phải chạy ăn, sắm mặc, chúng ta còn phải cần dùng tiền bạc. Mặc dầu tiền bạc chưa hẳn là hạnh phúc, song với tiền bạc chúng ta mua được nhiều “hạnh phúc” nho nhỏ: một chỗ ngồi trong rạp xi nê, một quyển sách hay, một bữa ăn ngon ở hiệu cơm. Chính những hạnh phúc lặt vặt ấy góp lại sẽ tạo nên cuộc đời hạnh phúc.

Đã nhận chân giá trị của đồng tiền thì lo kiếm thật nhiều tiền cũng nên, miễn là chúng ta đừng ra khỏi vòng danh dự và liêm sỉ, miễn là chúng ta đừng cho nó là cứu cánh của đời sống, và chỉ xem nó như một phương tiện để sống. *“Tiền là một người giúp việc tốt nhưng là một chủ nhân xấu”*.

Nếu mỗi người chỉ thấy ở trước mặt đồng tiền, nếu trong lúc làm việc mỗi người chỉ đem cái “óc con buôn” ra mà đo lường thì là một điều không may mắn cho con người, cho xã hội. Một người làm công nếu chỉ xét theo đồng tiền lương mà làm việc không phải là người giúp việc tốt, vì cách làm “trả nợ quỷ thần” như thế không bao giờ sinh lợi. Một người thầy thuốc nếu chỉ thấy “đồng tiền” trước mặt thật là điều không may cho bệnh nhân, vì nếu có phải kéo dài bệnh tình của thân chủ để thủ lợi họ cũng không từ.

Chúng ta thử hỏi người đã rộng miệng lớn tiếng cao rao *“Vạn sự chi ư tiền”* hoặc *“Không có tiền không có linh hầu”*, nếu mỗi người đều làm việc theo đồng tiền như họ thì cuộc đời có thể an bài như thế này chăng?

Phải vất vả chần nuôi họ từ ngày mới lọt lòng, người mẹ của họ đã lợi lộc những gì? Người chiến sĩ ngã gục trên chiến trường để bênh vực một lý tưởng, nhà thông thái hiến thân cho khoa học như bác sĩ Noguchi chết rét trong rừng hoang Châu Phi, bác sĩ Vaillant ở bệnh viện Laribrosière 13 lần bị mổ, bị cưa cả hai tay vì thí nghiệm quang tuyến, phải chăng cũng vì đồng tiền?

Không, nếu ở đời này có một “lũ hãnh tiến” chỉ biết cắm cổ chạy theo đồng tiền để làm tội mọi cho nó thì cũng vẫn còn một hạng người biết quên những tư lợi nhỏ nhen để làm việc cho nghệ thuật, cho khoa học, cho tổ quốc, cho nhân loại. Sở dĩ loài người có được những công trình đẹp đẽ về mỹ thuật hoặc văn chương, có những cuộc phát minh hữu ích như ngày nay là nhờ công khó nhọc của hạng người đáng kính ấy, và nếu chúng ta còn mong mỏi ở sự tiến bộ của nhân loại là bởi chúng ta tin rằng: hạng người ấy vẫn còn.

Nên quay về các công nghệ. Sống trước đã! Nhưng sống bằng cách gì? Nhiều bạn trẻ than: “Thời buổi khó khăn này tìm một cách sống không phải chuyện dễ, các đường lối đều có người đặt chân đến, các nguồn lợi đều có người khai thác. Trong cuộc đi tìm cách sinh sống những kẻ sinh sau đến muộn như chúng tôi đi đến đâu cũng chạm đầu vào những cửa đóng bít”.

Vâng, làm ra chén cơm đâu phải dễ. Sách *Kinh Thánh* ngày xưa đã có câu: *“Mày phải lấy mồ hôi trán mà mua lấy chén cơm mày”*. Ở thời buổi nào lại chẳng thế? Song nói rằng các đường lối đều bế tắc cả có khi hơi quá đáng. Ở vào một nước như nước ta mà họ còn than rằng khó sống, nếu phải

sang nhằm ở những nước bên Âu Mỹ mà một nguồn lợi dầu nhỏ nhất đến đâu cũng đã có người nghĩ đến và khai thác, dầu là một mấu chốt lá cũng có người nhặt lấy, thì họ còn than vãn đến cỡ nào?

Nếu nói rằng: cửa các công sở đều đóng kín hoặc nghề cầm viết khó nuôi sống thì có khi đúng.

Nhưng tại sao cứ lặn xả vào con đường chật hẹp ấy? Trong lúc đó trên lĩnh vực thương mại, kỹ nghệ, công nghệ còn bao nhiêu thửa đất bỏ hoang, hoặc chỉ dành cho những người xú lạ đến khai thác.

Mở hiệu buôn, lập xưởng kỹ nghệ, nhiều người sẽ viện lẽ rằng thiếu vốn liếng. Thì còn những tiểu công nghệ: với nghề trong tay, chúng ta có đã có sẵn một số vốn rồi. Chỉ thêm vào đó sức làm việc, cái khéo léo của tay chân, cái khôn ngoan của khối óc là chúng ta có thể sống được. Bất luận là một nghề nào, nếu ta thông thuộc cho tinh tường nó cũng có thể nuôi sống ta một cách chắc chắn, nếu nó không đưa chúng ta đến chốn giàu sang. Chúng ta đã thấy gương bao nhiêu người Bắc, Trung Hoa đã sống một cách dễ dàng với những nghề may, nghề đóng giày, nghề thợ mộc, nghề thợ bạc v.v... lắm người đã nhờ đó mà lập nên cơ nghiệp đồ sộ.

Học các công nghệ không phải mất nhiều năm. Sở dĩ những người thợ xưa cho rằng học nghề là khó, như một nghề may cắt mà họ phải học mất năm mười năm mới thành nghề là do bởi phần đông họ thiếu sở học phổ thông cho nên việc truyền nghề thành khó khăn. Hơn nữa, trường chuyên nghiệp chưa có, họ phải học thí công ở các xưởng, người chủ làm sao tận tâm truyền dạy nghề cho họ. Mà nếu... có người thật lòng muốn dạy bảo thì lại thiếu hẳn phương pháp dạy nghề. Đã học nghề theo lối “truyền khẩu”, họ chỉ biết dùng phương pháp cổ hủ ấy mà truyền lại cho đoàn hậu tấn, làm gì có những phương pháp dạy theo khoa học, làm gì có những sách vở về nghề nghiệp. Chính hiện giờ những khuyết điểm ấy vẫn còn. Nếu có những trường chuyên môn dạy nghề, nếu có những phương pháp chỉ dạy đặc lực, nếu có người tận tâm chỉ biểu, với sở học đã sẵn có chúng ta có thể thâm nhập thời gian học tập rất nhiều. Một nghề khó khăn đến đâu học tập đôi ba năm đã thành thuộc.

Một khi đã thành nghề, tìm công việc làm không khó. Các xưởng công nghệ luôn luôn cần dùng tay thợ, nhất là những tay thợ chuyên môn, thật tinh nghề.

Song học nghề chúng ta có một ước vọng cao xa hơn là đi xin một chân làm công. Lúc đầu, chẳng có ai cấp vốn, chúng ta đi làm công, để có một phương tiện sống tạm thời, để chuẩn bị cho đủ điều kiện, hầu sau này làm chủ.

Trong khi giúp việc chúng ta có bao nhiêu dịp học hỏi thêm về nghề nghiệp, về cách mua bán, về tổ chức, về cách dụng người, cách xử thế cũng là một dịp để chúng ta học hỏi thêm. Số tiền lương hằng tháng sẽ giúp chúng ta sống và cũng để bồi bổ vào quỹ tiết kiệm chúng ta sẽ tiện tặn, gom góp để thành một số vốn to. Một khi mở kinh nghiệm về nghề nghiệp đã đủ, số vốn đã dồi dào, ai cấm cản chúng ta ra chủ trương một công cuộc làm ăn riêng.

Những tại sao xưa nay các bạn trẻ rất lãnh đạm với công nghệ?

Óc trọng nghề làm việc bằng tri thức. Ở đây chúng tôi có nên nhắc lại việc xếp đặt ngôi thứ các

nghề nghiệp theo xưa: sĩ, nông, công, thương là bất hợp thời? Cách xếp đặt ngôi thứ ấy chỉ thích hợp với nền tảng kinh tế thời phong kiến. Một trang sử đã lật qua hẳn, hiện nay với sự phát triển không bờ bến của thương mại, công nghệ, kỹ sư, sự phân chia ngôi thứ ấy cần làm lại. Nói cho đúng, chẳng nên nghĩ đến việc chia ngôi thứ các nghề nghiệp là hơn, vì nó không còn lý lẽ nữa, vả lại chúng ta sẽ căn cứ vào đâu để làm công việc ấy?

Xét kỹ ra, đã là một nghề chân chính thì bất luận một nghề nào cũng tốt và cũng có thể giúp ích cho xã hội cả, như vậy nghề nào cũng cũng đáng cho ta quý trọng cả. Một chính khách đã nói: *“Cầm dụng cụ không kém vinh dự hơn là cầm một cán bút”*.

Nhưng khôn thay, mặc dầu tình thế hiện nay đã làm sáng mắt bao nhiêu người, đầu óc họ cũng chưa được tẩy sạch cái óc khinh nghề chân tay. Tuy ngoài miệng họ vẫn nói “Không có nghề nào hèn...” song trong thâm tâm, nếu phải chọn lựa họ vẫn thích được người ta gọi bằng “thầy” hoặc “ông” hơn là “anh” hoặc “bác”.

Bao giờ trong khi nhận xét giá trị các nghề nghiệp chúng ta chỉ thấy hai chữ “cần lao”, bao giờ người ta có đủ can đảm để bỏ hẳn cách phân chia ngôi thứ các nghề nghiệp, ngày ấy các bạn trẻ sẽ có cảm tình với các công nghệ nhiều hơn.

Tính ỷ lại vào gia đình. Tính ỷ lại, nếu không làm hư đốn hẳn con người cũng làm cho họ ươn hèn, không còn biết ráng sức, chịu khó. Bởi không muốn chịu khó nên thà họ xin làm việc bàn giấy, dầu chỉ giữ một chân chạy giấy họ cũng thích hơn là đi làm bác phó may hoặc anh thợ giày. Mặc dầu họ biết làm những nghề ấy được nhiều tiền gấp mấy lần cái chức chạy giấy. Bởi óc khinh miệt nghề tay chân nên họ sợ bộ quần áo xanh dính dầu mỡ, những tay chân lem luốc, chai đá của người thợ.

Họ không đáng trách, có ai đại khờ, trong khi ăn không ngồi rồi cũng có cha mẹ dang sẵn đủ cơm áo, cho cả tiền bỏ túi mang thân đi tìm sự vất vả, nhọc nhằn. Nên trách hơn là những đáng làm cha mẹ vì áp ụ con trên nhưng lựa đã tạo cho chúng một đời sống an nhà, tập cho chúng tính ỷ lại vào gia đình. Họ biết đâu với lối giáo dục sai lầm như thế, đứa con họ sẽ trở nên nhu nhược, bất lực.

Nếu họ có can đảm như một nhà triệu phú, nếu chúng tôi không lầm là ngài Henry Deterding, một vua dầu hỏa, đã làm tờ chúc ngôn chia gia tài sự sản lại cho con ngay lúc ông còn sinh tiền, chỉ chia cho nó một phần vừa phải, còn bao nhiêu bỏ vào quỹ các hội phúc thiện; với số tiền nhất định ấy, người con gái phải tách ra tự lập lấy một công cuộc làm ăn riêng, lời ăn lỗ chịu. Lẽ cố nhiên biết lo sợ là bắt đầu biết khôn, người con ấy ráng hết sức cần cù lo làm ăn, không như “các cậu công tử bột” xứ ta, ba mươi tuổi đầu còn ngửa tay xin tiền cha mẹ để ăn mặc bánh bao, để cặp gái đẹp đi dạo phố. Bao giờ những cha mẹ chịu hiểu rằng: lo cho con không phải chỉ lo cho nó có một sản nghiệp đồ sộ là đủ, song lo cho con là lo cho nó có đủ khí giới để xông pha vào trận đời, những khí giới ấy là một chí khí, một sức khỏe, một khối óc, một nghề nghiệp. Ruộng, nhà cửa, nó có thể bán mất, tiền bạc nó có thể tiêu hoang, song để lại những sự sản thiêng liêng ấy tức là đảm bảo tương lai chúng nó một

cách chắc chắn.

Bao giờ một lối giáo dục gia đình hợp lý như thế thì các bạn trẻ sẽ biết lo tự lập hơn, và con đường công nghệ sẽ nhiều người đặt chân đến.

Vài ý nghĩ về nghề nghiệp và sự chọn nghề. Nghề lao công có làm nhụt phần trí thức ta chăng?

Có người không vô lý đến nỗi khinh miệt nghề tay chân, song họ lại sợ làm những nghề ấy phần trí thức của họ bị nhụt dần và suy kém đi. Nghĩ như vậy rất sai lầm, vì khó mà phân biệt nghề làm việc bằng trí thức với nghề làm việc bằng tay chân. Vì rất ít nghề hoàn toàn “tay chân” hoặc “trí thức”.

Một người đại diện thương mại tuy thuộc hạng trí thức, song suốt ngày phải đi đứng luôn, đi từ hiệu buôn này sang hiệu buôn khác, có khi từ tỉnh này sang tỉnh khác, chân căng rã rời, sự mệt nhọc về thể chất của họ ắt phải vượt trội hơn sự mệt nhọc của người thợ cắt tóc, tuy ở hạng người tay chân, nhưng suốt ngày đứng một chỗ, làm việc không thấy đổ mồ hôi. Trái lại óc phải suy tính làm sao cắt mớ tóc cho khéo, uốn một kiểu tóc cho mỹ thuật, mới mẽ.

Và lại nghề nghiệp nào cũng có phần tinh hoa của nó. Nếu người làm nghề biết phóng tầm mắt ra ngoài phần thường thức của nghề, nếu họ biết góp thêm một ít sáng kiến khi làm nghề thì dầu một nghề tầm thường đến đâu cũng có thể trở nên phong phú.

Xem như nghề may cắt, mới trông qua thì không gì tầm thường hơn là những công việc đo, cắt, vá, khâu. Có người thấy cái đời những bác thợ may hàng suốt năm suốt đời chỉ lẩn quẩn với cái kéo, cây kim, sợi chỉ mà phát chán. Song lọt vào tay một người có óc tiến thủ, nghề may cắt ấy sẽ được nâng cao lên thành một hạng nghệ thuật. Chẳng những họ tìm trong môn thẩm mỹ học thể nào là ảnh hưởng của màu sắc để biết chọn hàng cho hợp với người khách, thể nào là những nét cân đối nhịp nhàng của một đường cắt để khéo tô điểm thân hình hư hỏng của người khách. Họ sẽ là những họa sĩ chính hiệu, khi họ sáng chế ra kiểu mẫu quần áo.

Họ sẽ học về môn khảo cổ để tìm hiểu lịch sử những bộ quần áo, những biến đổi của y phục các thời đại, ở khắp nước... như vậy để đoán biết những xu hướng của thời trang mà đi trước.

Nếu tính làm ăn to, họ lại bước qua lĩnh vực kỹ nghệ. Họ phải nghiên cứu về cách may cắt quần áo sẵn bằng máy móc như bên Âu Mỹ, tìm cách giải quyết vấn đề sản xuất những nguyên liệu cần thiết trong nghề: chỉ, vải v.v...

Như ta thấy, tuy người ta quen xếp nghề may vào hạng tay chân, song muốn trở nên một tay thợ chuyên môn bậc sư trong nghề như J. Patou, Ch. Dior, Molyneux phần trí thức của họ phải làm việc rất nhiều, có khi hơn cả người làm nghề trí thức.

Nghề nghiệp không cấm ta đeo đuổi theo một chí hướng. Nếu được may mắn làm một nghề hợp với sở thích, tự mình chọn lấy thì không gì hay hơn. Đã yêu nghề, chúng ta sẽ để hết tâm trí, hết thời gian vào việc học nghề, luyện nghề, làm nghề. Song có người, và đây là số đông, vì ở xứ ta hiện nay vấn đề hướng nghiệp chưa được mấy người lưu tâm, bắt buộc phải làm những nghề nuôi sống mà đôi

khi họ không yêu thích cho lắm bởi không thích hợp với chí hướng riêng của họ.

Gặp trường hợp như thế, họ có hai giải quyết. Hoặc họ sẽ kiên tâm, trong lúc cùng cố địa vị hiện tại để sống tạm, họ sẽ học một nghề nào khác thích hợp với chí hướng của họ. Ai cấm cản một viên thư ký đánh máy, ngoài giờ làm việc đeo đuổi thêm nghề hội họa? Ai cấm ông chủ hàng tạp hóa theo nghề viết văn, nếu đó là sở thích của họ? Bên Pháp lại chẳng có những người như André Lebesgue vừa là nhà nông vừa là một thi sĩ có tài. Bên xứ ta cũng có ông giáo kiêm tiểu thuyết gia Nguyễn Công Hoan, hoặc ông tham Hồ Trọng Hiếu tức là thi sĩ Tú Mỡ.

Phải chọn nghề hợp với khả năng của mình. Nhớ lại năm xưa, trong một buổi học về bài luận, ông giáo ra một đầu đề: “Sau khi ra trường các anh sẽ chọn nghề gì và hãy cắt nghĩa sự chọn lựa ấy”. Một số đông, hầu hết cả lớp đều trả lời: muốn làm tài tử xi nê, làm nhà văn.

Những bộ óc non dại, thiếu thực tế ấy chỉ biết chọn nghề theo sở thích riêng của họ chứ không biết như thế có hợp với khả năng của họ chẳng. Họ cũng không cần biết mặt trái của những nghề ấy ra sao. Độ ấy phong trào xi nê mới phát triển ở xứ này, thấy báo chí thường ca tụng đời sống như thơ mộng của những tài tử ở kinh đô chớp bóng Hollywood là họ mê ngay và họ đinh ninh là sẽ trở nên một Gary Cooper hoặc một J. P. Aumont. Họ sẽ là một tài tử xi nê được, song là một tài tử không công việc làm, vì họ quên rằng ở xứ này chưa có những hãng, những xưởng quay phim, thì ai muốn họ đóng tuồng. Đó là chưa xét đến việc họ có đủ điều kiện để trở nên một tài tử màn ảnh chưa? Họ muốn nhà văn có lẽ họ thấy cái vô hào hoa của một vài văn nhân. Họ biết đâu cái cảnh “chạy ăn từng bữa toát mồ hôi” của thi sĩ Tú Xương, cái cảnh lâm than của người cầm bút mà Lãng Tử đã tả trong thiên phóng sự *Nợ Văn*. Họ biết chẳng với ngọn bút tài hoa như Tản Đà mà nghề bán văn của ông cũng không được phát đạt lắm đến nỗi ông định đem văn ra bán ở chợ trời vì “*Văn chương hạ giá rẻ như bèo...*”.

Sự chọn nghề có mật thiết đến tương lai, hạnh phúc cả một đời người. Có thích nghề mới có thể cố gắng làm việc, có hợp với khả năng của mình mới mong tiến hóa và do đó mới có thể thành công đắc thắng. Ở những nước tiên tiến sự chọn nghề, tìm nghề đã thành những vấn đề quan trọng. Có những cơ quan hướng nghiệp để chọn nghề cho bạn trẻ tùy theo khả năng, khí chất, năng lực của mỗi người. Bao giờ ở xứ ta có những cơ quan hữu ích như thế?

Học chuyên nghiệp. Thế nào là người chuyên nghiệp? Người chuyên nghiệp là người thông hiểu về nghề nghiệp, về chức vụ của họ một cách rành mạch và đầy đủ.

Đã định nghĩa như vậy chúng ta nhận thấy ở xứ này còn thiếu, thiếu rất nhiều tay chuyên nghiệp.

Đi ngoài phố chúng ta thường thấy ghi trên các bảng hiệu “Thợ may chuyên môn, thợ đồng hồ chuyên môn, thợ sơn chuyên môn, những anh khách sơn đồng hồ chuyên môn, những “giáo sư” coi tay coi tướng theo Tây cũng chuyên môn...”. Chúng ta đừng vội mừng, vì phần nhiều những nhà chuyên môn đó có danh mà không có thực.

Có dịp nhờ đến những tay chuyên môn ấy chúng ta mới thấy sở học chuyên nghiệp của họ thường là con số “dê rô” to tướng. Đến đặt may một bộ đồ, chúng ta phải bắt mắt vì lối cắt vụng về, những đường may dôi trá, nếu có được vừa vặn là một dịp may mắn. Đem đồng hồ đến sửa, phải đem sửa đi sửa lại đôi ba phen mới chạy được đều đều. Mất tiền còn phải mất công, phí thời giờ, thật là tai hại. Một người bạn nói: “Ở nước ngoài, đến đặt may quần áo ở một hiệu, tức là mình gieo mối lo cho người thợ. Họ phải lo sao cho vừa lòng người khách. Trái lại, ở xứ mình đến may đồ ở một hiệu là mình rước nỗi lo vào mình, bởi không thể tin tài nghệ của người thợ mặc dầu lời quảng cáo khoe khoan của họ “kêu” lắm. Và lại, hình như họ không chăm lo mấy, nếu đồ đặt may vừa vặn, đó là may mắn, họ tươi cười nhận tiền công. Bằng trái lại, nếu bộ đồ may hư hỏng, họ vẫn tươi cười và xin mình châm chước với những câu thành như cổ điển: “Bị... tại... vì... bởi...”. Đối với nghề nghiệp họ, họ rất dễ dãi, rồi với mình, họ cũng xin mình dễ dãi theo.

Những ai đã có dịp giao thiệp với những tay nghề ấy chắc phải nhận rằng lời than phiền trên đây thật không quá đáng, vì những tay thợ “nửa mùa” hiện giờ ở xứ ta không phải là ít.

Ở xứ ta, nghề nghiệp thiếu tổ chức, thiếu trường dạy nghề, không liên đoàn, không ai kiểm soát về nghề nghiệp. Thậm chí như nghề thầy thuốc, có người biết một ít chữ nho, đọc sơ qua năm ba quyển sách thuốc là dám trương bảng làm thầy, xem mạch, bốc thuốc, thì việc làm thợ có ai cấm cản họ bỏ vốn ra lập xưởng và trương bảng thợ chuyên môn mặc dầu họ chỉ là tay “mỏ” trong nghề.

Sự lão luyện nghề nghiệp là một điều liêm khiết. Làm một nghề mình không tinh thông tức là mình lừa dối người, có khác nào người bán sữa bò pha nước lã hoặc người thợ bạc làm món đồ nữ trang không đủ phân lượng, như vậy là điều bất chính. Một người thợ mộc đăng bảng: chuyên môn đóng bàn ghế. Tin theo lời quảng cáo, người khách đến đặt làm một cái tủ. Tủ đóng xong, tiền trả tất, đến khi đem cái tủ về nhà mới biết mình bị gạt vì tủ đóng vụng về, chỉ ít hôm là cây ván hở, mộng sứt. Sự dôi trá của người thợ mộc chỉ là tai vạ cho túi tiền người khách, song nếu nó thuộc về những nghề nghiệp có liên quan đến sức khỏe, sự sống của con người như nghề thầy thuốc chẳng hạn, sự không tinh tường nghề nghiệp là một tội ác, vì mỗi khi họ làm lỡ là một mạng người bị thiệt.

Sự lão luyện nghề nghiệp là bí quyết thành công. Nhà triệu phú cũng là nhà đại doanh nghiệp người Mỹ, ông A. Carnegie khuyên: *“Anh phải quyết chí học hỏi cho rành mạch chức nghiệp của anh, thấu đáo nó đến triệt để, hầu trở nên một tay lão luyện trong nghề. Đừng để một người nào khác trong nghề biết nhiều hơn anh. Hãy học cho biết hết tất cả những cái gì đã có làm trong nghề nghiệp của anh và ở khắp mặt đất này”*.

Nhà triết học Emerson cũng nói: *“Kẻ nào biết làm một cái bẫy gài chuột khéo nhất, biết đọc một bài giảng hoặc viết một quyển sách hay nhất, có thể cất nhà ở tận rừng sâu, dấu chân của khách hàng sẽ làm thành một con đường mòn dẫn đến nhà họ”*.

Một khi đã tinh thông nghề nghiệp, chúng ta đã hiển nhiên là một phần tử cần thiết trong xã hội. Như

vậy, trên con đường làm ăn chúng ta không biết sợ một sự cạnh tranh nào cả. Đã có hàng trăm hiệu giày, nếu ta lại mở ra một hiệu đóng giày như hàng trăm hiệu đã có, sự thành công của ta không có gì bảo đảm. Song nếu giày của chúng ta đóng vừa đẹp, vừa chắc, vừa bền, giá lại phải chăng, nếu chúng ta biết trở nên một tay vô địch trong nghề đóng giày thì khách hàng chắc chắn sẽ đến đông, và sự phát đạt của cửa hiệu chúng ta nắm chắc.

Có người nói: “Làm nghề này khá, nghề kia mau giàu, nghề này không khá”. Sự phân xét này không đúng, ngó lại những người đã lập cơ nghiệp chúng ta nhận thấy có đủ mọi nghề. Không phải chỉ lập nhà máy xay gạo hoặc khai khẩn ruộng đất mới làm giàu; một người thợ bạc, một người thợ mộc, một nhà văn, một người bán trái cây cũng có thể làm giàu nếu họ đều là những tay chuyên môn, những bậc “sư” trong nghề.

Sự chuyên nghiệp là điều cần thiết ở buổi này. Những người như Maichel Ange vừa là nhà điêu khắc, vừa hội họa, nhà kiến trúc, nhà triết học, nhà thi sĩ có tài hoặc như Léonard de Vinci vừa là nhà hội họa, nhà kỹ sư, nhà văn có tiếng không thể có nữa.

Bờ cõi các môn học mở rộng một cách quá nhanh mà tài sức, óc thông minh của con người có giới hạn. Chỉ chọn lấy một ngành hoạt động nào, hoặc chỉ chuyên về một phần nhỏ nào trong đó có khi suốt một đời người học cũng chưa lâu thông.

Một nhà luật sư, một viên bác sĩ, một viên kỹ sư học đến già vẫn còn thấy phải học. Đó là nói những nghề đòi hỏi một sở học rộng rãi, song nhiều nghề mới xem thấy rất thường như nghề đứng bán hàng, nghề làm bánh, muốn trở nên một tay nhà nghề lão luyện cũng không phải trong đầu hôm sớm mai là được.

Chúng ta có thể nói: “Bí thuật của thành công là biết lựa chọn lấy một nghề và trở nên chuyên môn, một tay vô địch trong lĩnh vực chức nghiệp của mình”.

Sự chuyên nghiệp cũng là một điều cần thiết cho sự phát triển của một đất nước. Một nước hùng cường là một nước có nhiều tay chuyên môn. Chính phần “thượng lưu” này điều khiển, dìu dắt, giúp một nước tiến bộ nhanh hay chậm. Đám đông ở xứ nào cũng thế, chỉ là một đoàn cừu.

Bởi hiểu thế nên ở các nước tân tiến, những trường kỹ thuật, những trường chuyên nghiệp được mở mang rất nhiều. Bất luận một nghề nào cũng có trường chuyên môn dạy, có đủ báo chí, sách vở về nghề nghiệp.

Chúng ta có thể nói về sự dạy nghề ở nước Pháp, không phải là thiếu tổ chức. Ấy thế mà trong quyển *Créer*, nhà lãnh tụ đảng Cấp Tiến Xã Hội, ông E. Herriot đã phải lên tiếng than phiền về sự dạy nghề ở nước Pháp còn kém sút lắm, sánh với những cường quốc như Đức, Mỹ. Để kết luận chương bàn về vấn đề ấy, ông viết: “Ở đâu sự giáo huấn là nền tiểu học, kể đó việc dạy nghề nghiệp cách hợp lý.

Mỗi người muốn xứng đáng làm người đều phải làm một nghề, việc họ phổ thông, theo chúng tôi, chỉ để làm hậu thuẫn sở học chuyên môn... Muốn phụng sự nước nhà cách đắc lực, trước hết hãy là

những người có tay nghề giỏi, sau đó, nếu có thể hãy có những ý tưởng khái quát”.

Bên xứ ta, năm xưa chính phủ có mở ra hai lớp dạy nghề may cắt và nghề đóng giày, và có dự định lập một trường dạy nấu ăn, đừng nhầm lẫn với những lớp dạy làm bánh mứt, nấu ăn ở những trường nữ công. Đây là một trường để đào tạo ra những đầu bếp sành nghề. Người có sáng kiến này đã nói rất hữu lý: *“Làm một người đầu bếp thiệt thọ cần phải nhiều năm mới làm được. Nhiều người mạo danh là đầu bếp nhưng thật ra họ không biết nấu món ăn cho ra hình. Đây là một nghề phải học và tiến từng bậc một, sau khi đã từng lật nhiều bó rau, phồng lửa năm bảy lần và mồ hôi nhễ nhại trước hỏa lò, lúc ấy người ta mới có thể dọn ra một món ăn nên hồn”.*

Muốn trở nên một nhà chuyên môn cần phải có sở học chuyên nghiệp. Trên lĩnh vực nghệ thuật có những người đặc biệt nhờ thiên tư mà trở nên nhà thơ hoặc nhạc sĩ có tài, không phải mất nhiều năm luyện tập. Song về công nghệ muốn trở nên một tay nhà nghề không thể thiếu một sự luyện tập chuyên cần. Ở đây phải nói như Buffon: *“Tài năng là một sự kiên nhẫn dài”.*

Sự học chuyên nghiệp bắt đầu ở những trường chuyên môn, song đây mới là bước đầu. Ra ngoài đời còn bao nhiêu dịp để học hỏi thêm mà một người biết nghề không bao giờ bỏ qua.

Học nghề ở nhà trường là mình thâm thái mớ kinh nghiệm của những người đi trước. Ra ngoài đời mình sẽ có dịp thâm thái lấy những kinh nghiệm riêng của mình trong lúc làm nghề.

Bất luận ở đâu, trong khi xem sách, lúc đi chơi, trong khi giao thiệp, lúc nào cũng là dịp để cho chúng ta học thêm về nghề nghiệp cả, nếu chúng ta biết tự đặt những câu hỏi:

- Điều này có quan hệ gì đến nghề nghiệp của tôi chẳng?
- Nếu có thì về phần nào?

Và đây là lúc phải mở rộng hai mắt, hai tai, đây là lúc dùng đến óc quan sát để xem xét chung quanh mình: Những người bạn đồng nghiệp ta đã làm gì? Nghề nghiệp ta đã tiến đến đâu? Như vậy để luôn luôn theo kịp người và làm hơn người.

Ngoài ra, chúng ta phải biết như nhà bác học, vừa phải lo bảo tồn vốn kiến thức đã thâm thái mà cũng vừa lo tìm cách chấn chỉnh nghề nghiệp hoặc sáng chế ra những điều gì có thể giúp ích chung cho nghề nghiệp. Như vậy để đền đáp trong muôn một công ơn của những bậc tiền bối đã vạch nghề cho chúng ta, và cũng để giúp ích cho lớp người sau này.

Hạng người ích kỷ, lúc sống khư khư ôm trong mình những điều hay về nghề mà họ gọi là “bí mật nhà nghề” để khi chết mang luôn xuống mồ, thật không đáng sống ở xã hội tân tiến này.

Phạm Cao Tùng

Muốn nên người

Chương 4

LẬP TRÍ: MỘT SỐ HỌC PHỔ THÔNG CẦN PHẢI CÓ

Lớp học con đã mãn, sự học con mới bắt đầu.

(Lời vị thủ tướng D'AGUESSEAU khuyên con khi ra trường)

Sự học chuyên nghiệp là phần học quan trọng nhất và chúng ta cần phải học trước nhất bởi lẽ nó giúp cho chúng ta mưu sống, mà chúng ta bao giờ cũng phải lo sống trước đã...

Song ngoài phần học cần thiết ấy ra còn một phần học khác mà ai cũng nhận thấy ích lợi của nó: đó là phần học phổ thông tri thức.

Chúng ta không thể mà cũng không cần có sở học uyên bác của nhà thông thái, song mỗi người đều cần phải có một số vốn tri thức vừa đủ để khỏi mang tiếng là dốt nát.

Con người sở dĩ được hơn vạn vật là nhờ có một khối óc biết suy nghĩ. Nên sự khai thác khối óc ấy, dầu ở thời đại nào cũng được người ta chú trọng, và sự học thức bao giờ cũng được người ta xem như một thế lực, nhất là ở thời đại văn minh này mà khoa học đóng một vai tuồng quan trọng.

Công dụng học vấn trong việc lập thân. Sự lợi ích của việc học vấn tưởng không có ai là không rõ. Ở đây chúng tôi chỉ ghi lại vài điều đại khái.

1) Học vấn giúp sự phát triển của chức nghiệp.

Muốn trở nên một bậc “sư” trong nghề chúng ta cần phải có một sở học chuyên nghiệp. Điều đó đã hẳn, song nếu ngoài sở học chuyên nghiệp chúng ta lại được một sở học phổ thông trợ giúp thì nghề nghiệp chúng ta càng dễ phát triển.

Tài năng của một luật sư, một bác sĩ, một nhà văn cần phải có một học lực chắc chắn nâng đỡ đã đành, song một người thợ máy, một người thợ mộc cũng cần có số vốn tri thức kha khá. Hai người thợ mộc cùng ra mở xưởng đóng bàn tủ, người có học thức bao giờ làm ăn cũng dễ phát đạt hơn người thiếu học. Trên đường doanh nghiệp người có học mạnh dạn tiến bước không sợ ai gạt gẫm, nhờ biết rõ quyền lợi của họ. Sự học vấn lại vạch cho họ thấy những đường đất mới, giúp họ nhiều sáng kiến để khuếch trương nghề nghiệp, những điều lợi mà những người thiếu học không thể hưởng.

Sức sáng tạo của mỗi người thường do theo sự mở mang phần tri thức của họ, càng học rộng hiểu

sâu, tài năng của họ càng dễ nảy nở.

2) Học vẫn giúp ta sống một cách đầy đủ.

Trong phim ảnh *Thời Đại Mới*, anh hề Charlot đã cho thấy cảnh tượng một người thợ cùn trí bởi cách tổ chức việc làm như cái máy: suốt ngày công việc của anh ở xưởng là vận bù lon và chỉ vận bù lon. Đến khi ra đường, thấy những bộ nút tròn ở túi quần người ta, anh cũng cho là bù lon, con ốc nên đã xách kèm tới vận.

Tuy chưa đến mức cực đoan như trong phim hài hước, song ở ngoài đời không thiếu những khối óc thiên lệch vì chức nghiệp. Có những viên bút toán chỉ thấy trước mặt những con số. Có những nhà võ sĩ ở đâu cũng thấy những quả đấm, những đá. Có những nhà buôn chỉ sống chung quanh kết bạc. Ra ngoài phạm vi của nghề nghiệp họ là những người đại gàn, chẳng có một chút kiến thức về xã hội, về văn chương hoặc về mỹ thuật.

Đành rằng một tay thợ khéo, một nhà buôn giỏi vẫn có thể lập nên những sản nghiệp to mặc dầu họ không hiểu chi về vấn đề nói trên.

Song đã là người, sống mà không hưởng được những nguồn mỹ cảm, nghe một khúc nhạc êm, ngâm một bài thơ hay, nhìn một bức tranh đẹp mà tâm hồn họ không rung chuyển thì họ có thể tự cho rằng họ đã “sống” một cách đầy đủ chẳng? Có mắt có tai mà không hưởng được những kho tàng vô giá: tư tưởng, học thuật, mỹ thuật của bậc tiền bối lưu lại thì họ có khác nào người mù, người điếc, sống một cách thiếu sót.

3) Học vẫn giúp ta biết suy nghĩ.

Một nhà giáo dục nói: *“Những đầu óc thật đầy đặc là những đầu óc khó làm xoay trở nhất”*.

Phải là người có học chúng ta mới nhận thấy mối tương quan của sự vật và không “nhắm mắt” tin theo những “chân lý” đúc sẵn bởi một nhà văn hoặc ông “thánh” nào. Giữa những luồng tư tưởng phản trái nhau ta có thể điềm tỉnh mà nhận xét đâu là giả, thiệt, không để cho “tên tuổi” của nhà văn hoặc cái khéo léo của lời văn quyến rũ.

Học vẫn cũng giúp ta phân biệt điều thiện ác. Tội lỗi thường là con đẻ của sự dốt nát.

Ở trước đã nói: sự lợi ích của học vẫn hiện giờ hẳn ai cũng đã nhận thấy. Bằng chứng: có con, ai cũng muốn cho nó được đến trường học.

Có khi người ta quá tin tưởng ở giá trị của học vấn, của cấp bằng. Họ cho rằng nó là chìa khóa mở hết các cửa nẻo, nó sẽ dẫn dắt đến mọi nơi. Bác sĩ V. Pauchet nói:

“Bằng cấp dẫn ta đến mọi nơi”. Thậm chí, nếu những viên luật sư đều có nó trong ví da thì những thân chủ của tòa đại hình cũng có nó trong túi họ. Nếu người thầy thuốc treo nó ở nhà thì họ cũng gặp nó mỗi ngày trên giường của một bệnh nhân đáng thương hại đã bị đời đánh bại mà phải trôi

nói đến đó... ”.

Bởi tin tưởng một cách mù quáng ở quyền lực của học vấn nên họ thường phải thất vọng. Sự thật học vấn chỉ là một món đồ dùng. Sắm một món đồ dùng không chưa đủ, phải biết qua cách dùng nó. Mua một chiếc ô tô 40 mã lực mà không khéo tay lái có khi nó đưa mình xuống hồ cách mau lẹ. Học vấn có ích là khi nó được phần giáo dục kèm theo. *“Khoa học thiếu tâm đức chỉ là sự tàn rụi của tâm hồn”.*

Chúng tôi không nhớ đã xem ở đâu câu chuyện sau đây:

Có dịp viếng một khám đường, nhà du lịch kia có ý vẽ phác một vài cảnh trong khám. Chợt có một tội nhân vẽ mặt khôi ngô, liếc thấy du khách vẽ sai nét mới xin phép sửa lại. Ngạc nhiên, người du khách hỏi:

- Anh cũng biết vẽ?

Người tội nhân đáp:

- Vâng. Tài năng, người ta đã dạy cho tôi đủ, song bởi người ta chỉ dạy cho tôi ngần ấy thôi nên ông mới gặp tôi ở chốn này.

Tự học. Mục đích chính của nhà trường là ban bố cho chúng ta những tri thức phổ thông. Khi nói đến việc học người ta chỉ nghĩ đến trường học. Song ngoài sự học ở nhà trường còn có cách tự học cũng là một phương tiện đặc lực trong việc tu bổ và mở mang tri thức.

Những người may mắn được một sở học chắc chắn do nhà trường tạo nên, những người mà sở học của họ được công nhận chính thức bởi những bằng cấp khi ra đời làm nên sự nghiệp là việc rất dễ hiểu. Song có những người chưa bao giờ mài đũng quần ở ghế nhà trường, hoặc có những người khi ở trường chỉ là những học trò dờ dang, không cử nhân, không tân sĩ mà họ cũng tạo nên một địa vị vẻ vang bất luận ở một ngành hoạt động nào trong xã hội.

Những gương tự học không thiếu. Gương nhà phát minh Thomas Edison lúc 12 là trẻ bán báo, thế mà có chí tự học ông đã trở nên nhà thông thái phát minh nhiều thứ máy. Gương Rintaro Katsou thủy tổ của hải quân Nhật, không tiền đi học phải giả vờ đến mua sách ở các hàng sách để có dịp học, đã đủ chí nhẫn nại ngồi chép tay những bộ sách như Binh Thư và cả bộ từ điển tiếng Hà Lan. Gương cậu bé chăn trâu làng Tùng Châu, ông Đào Duy Từ cũng là một gương sáng về cách tự học. Nhưng hãy lấy ngay gương những người ở gần chúng ta, những bậc đàn anh trong văn giới, báo giới nước ta phần đông là những nhà tự học: Nguyễn Văn Vĩnh, Phạm Quỳnh, Nguyễn Phan Long, Phan Khôi

V.V...

Từ *Hà Nội Báo* độ nọ thuật lại cách tự học của những bậc đàn anh ấy:

Ông Phan Khôi đậu tú tài hồi 20 tuổi. Nhưng hồi ấy ông đã chán khoa giáp và thích học chữ Tây. Tìm thầy học được ít tháng, kể có việc phải thôi. Song ông vẫn tiếp tục tự học. Ông cứ theo sách “Lecture coutante”, “Machuel” v.v... mà học. Lối học của ông hồi đó là gặp chữ chi khó không hiểu, ông lại lật tự vị ra tra, biên vào sổ tay, gặp bài chi thích thì dịch.

Ông Phạm Quỳnh kể lại lối tự học của ông: Hồi ấy trên Hồ Hoàn Kiếm bên cạnh Đền Ngọc Sơn có một thư viện gọi là thư viện bình dân. Nói là thư viện bình dân chứ thật ra là thư viện của người Pháp, người mình muốn vào khó lắm. Nhưng muốn học, tôi tìm mảnh khốe làm quen với người coi thư viện và nộp mỗi tháng 2 đồng. Mỗi buổi chiều năm giờ, tôi vào ngay thư viện học đến 8 giờ. Đọc sách văn chương đều đều như thế trong hai năm. Thật là hai năm kham khổ. Trong tuổi thanh niên, tôi không khỏi thiên về lãng mạn. Tôi đọc tiểu thuyết, học thuộc những thơ của Masset. Nhưng thời gian lãng mạn của tôi rất ngắn. Tôi tinh ngộ rất sớm và qua học các môn chính trị, triết lý. Nghĩa lý không có quê hương, ai đủ trí khôn suy đoán, nghiêm ngẫm mà hiểu thì hiểu được cả. Tuy thế, trong lúc học cũng phải cẩn thận và phân biệt, phê bình mới được... Trong những năm tự học đó tôi gặp nhiều sự may mắn. Phần tôi có sẵn tính hiếu học, phần ra khỏi trường được sa ngay vào rừng sách, phần bị công việc hằng ngày buộc tôi phải học thêm chữ Hán, đọc lịch sử, phần nhờ Hà Nội bấy giờ còn tịch mịch, không có thứ ăn chơi như ngày nay và gặp được bạn tốt, nên bao nhiêu tâm trí tôi đều chú vào sự học cả...”

Môn tự học cần thiết cho tất cả mọi người. Những người không thể đeo đuổi đến cùng chương trình ở nhà trường cần lo tự học để bổ túc chỗ khuyết kém ấy đã đành. Song người có học ngay những bạn trẻ đang học ở nhà trường cũng cần phải lo học thêm luôn. Như vậy vì ba lẽ:

- 1) Việc học không biết đâu bờ bến, càng học nhiều chúng ta càng thấy mình dốt, cần phải học thêm. Bởi nghĩ thế nên nhà chính trị Pháp G. Clémenceau đã nói: “Suốt đời chúng ta vẫn đi học”.
- 2) Sự học ở nhà trường chỉ là một lối dạy theo sách vở. Những kiến thức của nhà trường dạy chỉ thật có giá trị khi chúng ta đem ra đối chiếu với cuộc đời và thêm vào đó sự kinh nghiệm riêng của chúng ta. Một người học trường thuốc dầu đã đoạt lấy bằng y khoa bác sĩ cũng chưa hẳn là người trị bệnh giỏi. Cái bằng cấp bác sĩ chỉ chứng thật người ấy có được chuẩn bị để chữa bệnh cho người. Còn cái tài trị bệnh người ấy cao hay thấp là do cách họ dùng sự hiểu biết, sự kinh nghiệm về nghề nghiệp mà họ đã thấm thía trong khi gần gũi với bệnh nhân, trong khi xem sách vở hoặc báo chí về nghề nghiệp.

Vị thủ tướng nước áo D' Aguesseau khuyên con khi cậu này sắp ra trường: “*Những lớp học của con đã mãn, sự học của con mới bắt đầu*”. Lời khuyên này đáng cho các bạn thanh niên để tâm suy nghiệm.

3) Khối óc cũng như các năng lực của con người đều tuân theo quy luật: sinh trưởng bởi sự hoạt động. Có được luyện tập, có được giỏi mãi mới được nẩy nở. Thiếu hoạt động nó sẽ lụn bại. Một người có công tập thể dục trong mười năm, rồi mười năm kế đó bỏ phứt hết sự luyện tập thì thân hình của họ chẳng nở nang hơn người chưa bao giờ tập thể dục.

Phần trí thức cũng thế, khối óc chúng ta là một miếng đất, chúng ta phải luôn luôn ra công cày bừa, trồng trọt thì mới mong hưởng huê lợi, không thể trồng một lần gặt mãi mãi. Chúng ta không lấy làm lạ khi có nhiều người lúc trẻ được học nhiều, đồ bằng cấp cao, song về sau khi chênh mảng với việc học mà phần trí thức họ phải kém sút gần như lụn bại. Miếng đất trí thức họ rộng lớn mà bỏ hoang không trồng trọt thì họ không hưởng huê lợi nhiều hơn một người chỉ có một thửa ruộng bé song có công trồng tía.

Bốn cách tự học. Một khi đã quyết chí tự học thì chẳng thiếu chi dịp cho chúng ta học hỏi. Trong buổi nói chuyện, trong khi xem sách, xem báo, trong khi du lịch hoặc trong cuộc đi dạo thường ở ngoài phố, ở đâu chúng ta cũng có dịp để học thêm. Điều cần là lúc nào chúng ta cũng phải chực sẵn để đón lấy những cơ hội ấy. Nghĩa là chúng ta phải có tính tò mò trí thức. Có tính tò mò ấy chúng ta mới cố tìm hiểu, mà cố ý tìm hiểu thì mới mong gặp những điều để học. Đã không cố ý tìm vàng thì dầu vàng rơi bên đường mắt ta cũng không thấy. Người đã quyết đi bòn vàng thì dầu vàng chôn dưới mấy lớp đất họ cũng có thể đào ra.

Điều cần hơn là phải biết cách thâm thái những điều đáng học. Chúng tôi xin kể bốn phương tiện đặc lực nhất:

- 1) Biết xem sách.
- 2) Biết nghe.
- 3) Biết nhìn.
- 4) Biết suy nghĩ.

1) Học bằng cách xem sách. Hẳn nhiều người đã biết đến phương tiện này. Song thực ra đã có mấy người biết cách xem sách thế nào cho thật đặc dụng. Trước hết, hãy phân biệt lối xem sách để giải thích và lối xem sách để học.

Xem sách để giải trí là xem một cách thụ động không cần suy nghĩ nhiều, xem sách để giết thời gian như người ta thường nói. Những người xem báo để biết những tin tức vụn vặt: tướng cướp số một

bên Mỹ bị bắn mấy phát súng, lòng mi cô đào X dài bao nhiêu hoặc anh kếp Y có mấy chiếc áo sơ mi v.v... Những người xem truyện để biết chàng Huyết Hùng tráng sĩ có đoạt được núi Hồng Lam chăng hoặc anh học trò nghèo kia sau khi thi rớt có cưới được con gái viên tuần phủ kia chăng, là những người xem sách để giải trí hoặc để thỏa tính tò mò độc hại của họ. Ấy thế có nhiều người xem sách theo lối này cũng tự cho rằng họ học thêm nhiều. Chúng tôi thường nghe nhiều người nói “tiểu thuyết dạy đời” hoặc “xem tiểu thuyết để hiểu tâm lý”. Sự thật thì tiểu thuyết chẳng “dạy” cho ta được nhiều như người ta tưởng. Nếu cần hiểu tâm lý về phụ nữ hoặc về vấn đề tình yêu chúng ta xem một quyển “*Tâm Hồn Phụ Nữ*” của bà Gina Lombroso hoặc một quyển “*Tâm Lý Ái Tình*” của P. C Jagot, chúng ta sẽ học thêm nhiều hơn xem hăng tá tiểu thuyết bàn về ái tình hoặc tâm lý phụ nữ của M. Prévost, của P. Bourget hoặc của Lê Văn Trung.

Còn nói “xem tiểu thuyết để học cách ở đời” thì là một sự lầm lạc to. Vì tiểu thuyết là sản phẩm của nghệ thuật. Mà trong khi làm việc cho nghệ thuật, người viết tiểu thuyết đâu có cần phải vẽ lại cho đúng cuộc đời thực tế, đâu có nghĩ đến việc “dạy đời” hay làm “luân lý”. Những tác phẩm văn chương thường là cuộc “đời trá hình bởi nghệ thuật”, nếu chúng ta xem theo đó để học cách ở đời hoặc xử sự như các nhân vật trong truyện thì không gì ngây ngô hơn. Nhất là những bạn trẻ thiếu óc phán đoán có thể tin làm thiệt những điều chỉ có thể xảy ra trong óc tưởng tượng của nhà văn. Xem sách để giải trí là một thú tiêu khiển tao nhã, chúng ta chớ lầm tưởng đó cũng là một dịp để học thêm.

Để học thêm cũng cần phải xem những sách học. Sách học đây không phải bắt buộc là sách giáo khoa ở nhà trường. Lối xem sách này khác hẳn với lối xem sách để giải trí. Xem sách để học là xem những sách tích cực cần nhiều suy nghĩ. Đây không phải là dịp để giải trí, đây là một dịp để trí óc làm việc. Trong một quyển sách dạy về cách làm việc bằng trí thức, J. Payot có bàn về cách xem sách: *“Đọc sách là xác nhận (hoặc phủ nhận) một tình trạng, một mối tương quan trong không gian và thời gian. Người xem sách chẳng bao giờ nên lưu ý những danh từ, những mệnh đề trong quyển sách: phải đập cho vỡ miếng xương mới ăn được tủy, nói một cách khác truy đến căn đề. Đọc sách không phải là chấp nhận một cách nô lệ những điều xác nhận của tác giả, song là sự đối chiếu của nó với thực tế, với kinh nghiệm, với lẽ phải, nó là kết tinh những kinh nghiệm loài người. Chúng ta đừng tìm xem tác giả suy nghĩ cách nào, chúng ta chỉ cần xem tác giả suy nghĩ có đúng chăng...”* Đọc sách cách thụ động là hết thời giờ. Đọc sách cách tích cực là dùng thời giờ một cách hữu ích vậy.

Ba loại sách để học thêm. Đã phân biệt thế nào là đọc sách để giải trí, thế nào là đọc sách để học. Bây giờ chúng ta thử tìm xem những loại sách nào có thể dạy chúng ta.

Đứng đầu là: *Loại sách về nghề nghiệp:*

Mỗi người cần phải xem những sách vở, những báo chí bàn về nghề nghiệp riêng của mình để tiến cho kịp người đồng nghề. Một luật sư, nếu sau khi ra trường không bao giờ ghé mắt đến những sách, những báo về luật thì khó mà trở nên một nhà nghề giỏi giǎn, vì trong khoảng thời gian ấy biết bao nhiêu đạo luật hoặc sắc lệnh mới ban hành mà không rõ. Một người thợ vô tuyến điện học nghề từ mười năm trước, nếu không tìm sách vở, báo chí về nghề để học qua cho biết những kỹ thuật tối tân, không tài nào theo kịp đồng nghiệp lớp sau này.

Ở những nước tân tiến, bất luận một nghề nào cũng có sách vở và báo chí bàn về nghề nghiệp rất đầy đủ. Các thợ may có báo chí về nghề may. Thợ nhà in có báo chí về nghề in, trong đó các nhà nghề trao đổi ý kiến về nghề nghiệp, hoặc mách cho nhau biết một phát minh, một sáng kiến gì hay có thể giúp ích chung cho nghề nghiệp. Ở xứ ta, những sách báo về loại này thiếu hẳn, đó là một khuyết điểm lớn.

Kế đó là: *Loại sách phổ thông tri thức:*

Nó giúp chúng ta biết tổng quát các ngành học vấn và bước tân tiến của nó hiện giờ.

Chúng ta không cần phải theo sát những chương trình học vấn ở nhà trường vì nó đầy đủ và tỉ mỉ quá. Về mỗi môn học chúng ta chỉ cần học qua cho biết:

1) *Định nghĩa của nó.*

2) *Những yếu chỉ của nó.*

3) *Kết quả những công cuộc tìm tòi của các nhà chuyên môn về môn học hiện giờ ra sao.*

Bên Pháp có những loại sách dành cho người tự học dùng rất tiện, đại để như loại sách: “Đề Hiểu Biết” của Th. Moreux hoặc loại sách “Nhập Môn” của nhà Hachette, loại “Tôi Biết Gì?”...

Trong rừng sách Việt ngữ hiện giờ chúng ta thấy một ít sách vở lòng về một vài môn học nhưng đó là công việc của một vài cá nhân, lẽ cố nhiên việc làm của họ còn nhiều thiếu khuyết và chưa thấm tháp vào đâu cả. Hiện giờ, một người chỉ biết Việt ngữ muốn tự học không biết tìm đâu cho đủ để học. Hiện giờ có ít nhiều sách về sử học, về triết học, về kinh tế học, song nhiều nhất là sách về văn chương, người ta khảo đi khảo lại hết văn chương truyện Kiều đến Tỳ Bà Hành, trong khi ấy miếng đất khoa học ít ai chịu đào xới.

Ngoài sách vở ra chúng ta cũng có thể học thêm nhiều bằng cách xem những tạp chí về văn hóa hoặc phổ thông khoa học.

Bên xứ ta ngày xưa có những tạp chí *Nam Phong, Thanh Nghị, Tri Tân, Khoa Học*, đều đáng cho chúng ta xem và để dành tra cứu.

Sau cùng nên kể: *Loại sách dưỡng tinh thần:*

Những sách mà J. des Vignes gọi là những quyển “sách bổ”.

Có những quyển sách sau khi xem qua chúng ta đâm ra mơ mộng, thấy lòng mềm nhũn, đó là những tập thơ, những quyển tiểu thuyết mà tác giả đã khéo dùng văn chương để ru ngủ lòng người. Trái lại, có những quyển sách sau khi đọc nó chúng ta trở nên hăng hái, phần khởi lạ. Đó là những quyển sách tập chúng ta theo đường đức hạnh, dạy ta rèn tâm sửa tánh, nêu cho chúng ta những gương nghị lực.

Khi thấy thân thể mệt mỏi, sức khỏe yếu kém, người ta thường tắm bổ bằng sâm nhung, máu bò. Tại sao khi thấy chán đời, thiếu nghị lực để chiến đấu, thiếu lòng tin ở mình, những triệu chứng sự suy nhược của tinh thần chúng ta không biết chạy đi tìm những quyển “sách bổ” ấy?

Rất tiếc, sách Việt ngữ về văn chương thì không thiếu, song “sách bổ” theo nghĩa nói trên thì thật rất hiếm.

Một vài quy tắc về cách xem sách.

Quy tắc thứ nhất: Đọc trong năm phút suy nghĩ trong một giờ. Đã nói đọc sách để học là đọc sách một cách tích cực, nghĩa là làm một công việc trí thức thì nếu đọc nhiều quá hoặc “ăn tươi nuốt sống” những trang sách thì sao đủ thì giờ để suy nghĩ những điều mình đã đọc. Đọc sách như vậy chỉ làm mỏi mắt, không bổ ích cho tinh thần. Bằng chứng: một tuần lễ sau, nếu chúng ta thử xét lại mình đã đọc những gì, tác giả bàn những gì trong quyển sách ấy chắc chắn là chúng ta không nhớ gì cả. Nhà văn pháp J. Michelet nói: *“Một quyển sách đọc nhất người ta đọc đi đọc lại, người ta nghiên ngẫm, người ta tiêu hóa giúp ích nhiều hơn là vô số sách đọc mà không tiêu hóa”*.

Nguy hại hơn nữa là chúng ta có thể mượn có xem sách theo lối nói trên để cho rằng mình đã làm việc trí thức rất nhiều. Song đọc sách theo cách nói trên chỉ là một thói lười biếng của tinh thần, của một tinh thần biếng nhác thích để cho tác giả suy nghĩ hộ cho mình hơn là mình chịu khó suy nghĩ. Đọc ít, suy nghĩ nhiều là quý hơn cả.

Quy tắc thứ hai: Phải xem sách với cây bút chì trên tay. Nghĩa là phải biết ghi lại những điều hay chúng ta đã đọc qua. Hoặc tổng luận ý kiến của tác giả, hoặc thử bàn lại chủ đề của quyển sách theo kiến giải của mình, hoặc ghi lấy những đoạn, những trang sách cần phải xem lại để về sau khi cần không mất thời gian xem lại suốt quyển sách. Như vậy để đỡ công việc cho trí nhớ. Cái hay không phải là nhồi nhét tất cả những điều cần biết vào trí nhớ để thành một pho từ điển sống. Cái hay là đọc rồi quên tất cả, song mỗi khi cần dùng đến là có thể biết điều cần biết ấy ở nơi đâu mà tìm, nghĩa là chúng ta phải biết cách ghi chép và xếp đặt những tài liệu để về sau dùng đến.

Quy tắc thứ ba: Phải biết chọn món ăn tinh thần thích hợp với mình. Một nhà văn nói: *“Con người sống nhờ những thức ăn người ta đã tiêu hóa chứ không phải nhờ những thức ăn người ta đã ăn”*.

Nguyên tắc này đúng về thể chất cũng như về tinh thần. Người dạ dày khỏe có thể ăn những thức ăn khó tiêu mà nếu chúng ta bắt chước họ ăn vào bị bội thực ngay. Đối với sách vở là món ăn tinh thần, chúng ta cũng phải có sự dè dặt ấy. Lúc đầu chúng ta phải chọn những sách vừa tầm hiểu biết để lần hồi đi đến những sách mức mỗ hơn.

Bản về cách học, ông A. Maurois viết trong quyển *Một Nghệ Thuật Sống*:

“Phải bắt đầu mọi sự học hỏi ở nguyên lý của nó và đừng bao giờ vượt bậc. Hầu hết những thất bại, những sụp đổ của trí tuệ là do sự thiếu một nền móng vững chắc. Một thông bệnh của thời đại là người ta muốn biết đến những môn học rất phức tạp, những vấn đề rất rắc rối trong khi ấy người ta quên hẳn khoa học đại số học hoặc kỹ hà học sơ lược. Chúng tôi biết nhiều đàn bà nói đến Einstein mà không hiểu gì đến Euclide cả...”

Hay hỏi thì biết rộng, tự dụng thì hẹp hòi.

Hán học danh ngôn

2) Học bằng cách biết nghe. Biết nghe là một phương tiện để chúng ta học hỏi thêm nhiều điều mà chẳng phải mất tiền mua. Nghe để học không phải là nghe “tin tức rẻ tiền”, những lời bàn suông, tán rỗng về chiến tranh Triều Tiên, về bom nguyên tử mà chúng ta thường nghe ở quán cà phê. Biết nghe đây là biết nghe những điều hay lẽ phải đáng cho chúng ta học hỏi.

Mỗi khi giao tiếp với một người có học thức, có nhiều lịch duyệt nếu chúng ta biết nghe họ nói chuyện, chúng ta có thể học thêm nhiều điều mà chẳng mất xu lớn xu nhỏ nào cả.

Trong khi tiếp chuyện với một nhà họa sĩ chúng ta có thể nghe họ giảng về môn hội họa. Với một người thợ chụp hình chúng ta có thể học lóm một vài mảnh khóc trong nghề nhiếp ảnh. Với một người thầy thuốc chúng ta có thể nhặt một vài phương thuốc để phòng thân.

Song ít người biết dùng đến phương tiện này bởi phần nhiều người ta ham “nói” hơn là thích “nghe”. Mà trong một buổi nói chuyện nếu chúng ta mắc nói nhiều quá thì khó để tâm nghe và thấu thái những lời hay lẽ phải do người khác nói. Có lẽ vì thế mà người ta thường bảo: nghệ thuật nói chuyện là nghệ thuật im lặng.

Trong quyển *Đắc Nhân Tâm* nhà tâm lý học Dale Carnegie có thuật chuyện một chàng thanh niên được một nhà đại doanh nghiệp cho mời đến nói chuyện. Suốt buổi nói chuyện anh ta chỉ nín lặng để nghe nhà đại doanh nghiệp nói, nói thật nhiều. Thế mà về sau, khi chàng thanh niên ấy về nhà doanh nghiệp bảo: “Tôi chưa từng thấy một người nào nói chuyện khéo như anh”.

Không phải vô cớ mà chúng ta có được hai lỗ tai mà chỉ có một cái miệng. Nghe nhiều bao giờ cũng được lợi hơn nói nhiều. Nín lặng để nghe người khác nói chúng ta không sợ làm vấp, chúng ta có dịp học được cái hay của người ta và vừa được người ta khen là người lịch sự.

Biết nghe cũng là nghệ thuật đặt câu hỏi. Tự nhiên ít ai chịu mách cho mình cái hay của họ. Muốn nghe người ta nói, mình phải biết hỏi han và khôn khéo hơn là mình biết gọi chuyện cho người ta nói. Gặp một nhà buôn, nếu chúng ta muốn học một vài chiến thuật trong thương trường mà chúng ta lại đem câu chuyện văn chương ra bàn với họ thì chắc họ sẽ “cụt hứng” ngay. Trái lại, nếu chúng ta biết đưa đẩy họ vào những câu chuyện có dính dáng đến nghề nghiệp củ họ, hoặc tỏ vẻ khâm phục tài buôn bán của họ thì chắc chắn họ sẽ trút hết “bầu tâm sự” cho chúng ta nghe.

Ngoài những cuộc nói chuyện thường ngày ra còn có những cuộc nói chuyện có tổ chức: những buổi diễn thuyết. Đó là những dịp tốt cho người hiểu học thâm thậ nhiều kiến thức. Đến nghe diễn giả bàn về một vấn đề có khi chúng ta được thấu hiểu rõ ràng và mau chóng hơn xem trong sách vở. Lời nói bao giờ cũng dễ cảm kích và có ảnh hưởng sâu và mạnh hơn câu văn. Tiếc rằng ở xứ ta chưa có một cơ quan hoặc một học hội nào đứng ra tổ chức những buổi nói chuyện cách thường trực. Hiện giờ, chúng ta thỉnh thoảng cũng được mời nghe vài buổi diễn thuyết. Đáng phàn nàn một điều: những buổi nói chuyện này phần nhiều chỉ bàn về văn chương. Hết bàn về tâm sự của Nguyễn Du người ta bàn đến cái cười của Tú Xương và quanh đi quẩn lại cũng không vượt khỏi lĩnh vực văn chương. Rằng hay thì hay thật song còn bao nhiêu vấn đề khác cũng đáng cho chúng ta suy nghĩ, cũng cần đem ra bàn tại sao chẳng thấy ai nói đến? Có cần gì phải là một vấn đề to tát mới đáng làm đề mục cho một buổi nói chuyện? Nếu có ai đứng ra tổ chức những buổi nói chuyện về vấn đề giáo dục, vệ sinh, âm nhạc, bàn về cách tổ chức việc nhà, cách giáo dục trẻ con thiết tưởng chẳng kém hào hứng. Gần đây có những buổi nói chuyện do hội Khuyến Học tổ chức, ước rằng luôn luôn có những “bữa tiệc trí thức” như thế.

3) Học bằng cách biết nhìn xem. Biết nhìn xem là biết quan sát để tìm hiểu lý do, mối tương quan của tất cả những gì đã diễn qua mắt chúng ta hằng ngày.

Đây cũng là một cách học: học với chung quanh chúng ta. Nó bồi bổ sự học bằng sách vở. Nó quan trọng hơn cả sự học bằng sách vở vì nó thiết thực hơn. Học bằng sách vở chúng ta chỉ hiểu biết lờ mờ theo kiến thức của tác giả, của một người thầy. Lấy vạn vật ở chung quanh chúng ta làm đối tượng cho sự học hỏi, cái học ấy mới xác thật hơn và thực tế hơn. Bởi thế người ta quen phê bình những “con mọt sách”: “Hắn chỉ biết làm theo sách vở”.

Nhiều người có mắt nhưng không bao giờ biết nhìn xem. Họ có thể sống thật nhiều năm, họ có thể mất nhiều tiền đi du lịch khắp năm châu bốn bể, song bởi không biết nhìn xem nên họ không súc tích được bao nhiêu kiến thức. Bởi thiếu óc quan sát nên họ chỉ thấy lớp vỏ ngoài của những vật, những cảnh, những việc xảy ra trước mắt họ. Mà nếu chỉ xét sơ ở bề ngoài thì hiện tượng nào cũng như hiện tượng nào.

Trước nhà vật lý học Denis Papin đã có bao nhiêu người được thấy: một nồi nước nấu sôi, hơi nước

bốc lên làm tung nắp nồi lên từng con. Song bởi đã biết “nhìn xem” nên ông này nhận thấy một điều mà những người trước ông không thấy: sự ứng dụng lực lượng hơi nước làm cho máy chạy.

Một quả “táo” rơi xuống đất. Đó không phải là một hiện tượng lạ. Song bởi nhà thông thái Newton đã “nhìn xem” nên ông đã do một hiện rất thường mà suy ra luật hấp dẫn của vũ trụ.

Những nghệ sĩ có tài, văn sĩ hay họa sĩ là những người có cặp mắt điều luyện, biết nhìn thấy những nét tân kỳ để diễn tả hoặc ghi lại trên giấy hay trên lụa cho người đời thưởng thức.

Bởi có mắt mà không biết nhìn xem nên lắm người luôn luôn mơ ước những “chân trời mới lạ” trong khi ấy nơi đất đã sinh trưởng ra họ không thiếu gì cảnh đẹp.

Biết nhìn xem là biết quan sát, biết tìm hiểu và biết giải thích. Đứng trước một vật, một người, một cảnh hoặc một việc, muốn quan sát chúng ta phải xét theo những phương diện này:

1) *Những đặc tính của nó.*

2) *Những ý kiến nó dẫn khởi ra.*

3) *Sự công dụng của nó.*

Xét xem nó có thể giúp ích ta về phần nào, bằng cách nào.

Thí dụ: gặp một người, nếu chúng ta chỉ nhìn xem họ mặc đồ tussor hay đồ vải, mũi họ cao hay tẹt là chúng ta chỉ xem về bề ngoài. Trái lại nếu biết quan sát người ấy theo những phương diện kê trên, chúng ta sẽ tự hỏi:

1) Người ấy có gì khác hơn người? Hắn ít nói, đi đứng chậm chạp, song với cặp mắt lanh lợi, cái trán rộng của hắn, chúng ta biết đây không phải là bộ vẻ lừ đừ của một người chậm trí, song là dấu chỉ một người “khỏe” về tinh thần lẫn vật chất. Hắn ít nói mà hắn suy nghĩ nhiều. Hắn đi đứng chậm chạp song hắn hoạt động nhiều vì hắn không có những cử chỉ rối rít và vô ích.

2) Sự quan sát này dẫn khởi cho chúng ta những ý kiến gì? Tính điềm đạm: ít nói, đi đứng chỉnh tề giúp chúng ta chinh phục lòng người rất dễ. Chúng ta lại liên tưởng đến nguyên do tính rối rít của nhiều người. Chúng ta lại nghĩ đến việc học cách giữ điệu bộ đúng đắn, học cách nói chuyện v.v...

3) Nếu phải giao tiếp với hắn, hắn sẽ giúp ích ta được việc gì? Bằng cách nào?

Hắn sẽ là một tay công sự tốt: tuy ăn nói cộc cằn, không mềm dẻo nhưng không xảo trá. Hắn có thể là một người bạn tốt: không nịnh nọt, hay nói thẳng.

Xem thế, nếu biết quan sát cho tận nơi, tận chốn thì chỉ một việc “biết nhìn xem” một người cũng đã giúp chúng ta bao nhiêu kiến thức.

Đã luyện cặp mắt “biết nhìn xem” một cách đặc lực như thế, bất luận là lúc nào, ở đâu chúng ta cũng có dịp để học hỏi.

Đi xem một cuộc triển lãm, đi viếng một xưởng kỹ nghệ, một bảo tàng viện, đi du lịch là những dịp tốt để chúng ta thâm thái thêm nhiều kiến thức đã đành, song trong lúc thả rong ngoài phố, ngồi ở một hiệu ăn, đứng chờ trong một công sở, chen lẩn với đám đông giữa nhà ga, ở đâu chúng ta cũng có thể

quan sát và học thêm.

4) Học bằng cách biết suy nghĩ. Biết suy nghĩ, theo ý chúng tôi muốn nói đây không phải là viết suy nghĩ đúng phép lý luận để hiểu rành mọi việc, để đạt chân lý. Bàn về phép luận lý về cách luyện trí xét đoán là công việc của những nhà tư tưởng, những triết gia.

Ở đây, chúng tôi chỉ đứng về mặt thực tiễn mà bàn. Biết suy nghĩ đây chỉ có nghĩa hẹp hòi là biết cách nghiên cứu một vấn đề, biết tìm mối liên tưởng do vấn đề ấy phát ra để có thể thêm nhiều điều. Muốn có kiến thức rõ ràng và đầy đủ về một vấn đề, một nghệ thuật hoặc một khoa học chúng ta nên theo năm phương diện sau đây mà suy nghĩ, mà nghiên cứu:

1) Nguồn gốc – Nguyên ủy:

Ở phương diện thứ nhất chúng ta sẽ truy tầm cội rễ của nó, những nguyên nhân đã phát sinh ra nó, ai đã phát sinh ra nó, tức là đứng về phương diện lịch sử mà xét.

2) Cách cấu thành – Những yếu chỉ:

Ở phương diện này chúng ta sẽ xét về hình thái, về chân tướng của nó, về những yếu tố cấu thành nó.

3) Sự biểu hiện – Sự thích dụng – Những đặc tính:

Ở đây chúng ta tra cứu để thấy những biểu hiện của nó. Thí dụ về văn chương chúng ta sẽ xét qua các lối văn: ca dao, thi phú, văn xuôi v.v...

Hoặc về công dụng của nó. Hoặc về những đặc tính của nó.

4) Những quy tắc – Bước tiến hóa:

Ở phần này chúng ta sẽ lược lặt những ý kiến, những lý thuyết người ta đã bàn về vấn đề ấy. Chúng ta sẽ theo dõi bước tiến triển của nó từ xưa đến giờ.

5) Nguyên nhân chung cuộc – Kết luận:

Sau cùng, chúng ta sẽ nghĩ đến nguyên nhân cuối cùng của nó. Thí dụ khảo xét về một khoáng chất thì là sự hao mòn, tiêu diệt của nó, nếu về vấn đề con người thì chúng ta suy nghĩ đến sự chết, hoặc đến mục đích của sự sống tức là về phần siêu hình học.

Hoặc chúng ta tóm luận vấn đề theo quan niệm riêng của ta.

Tùy theo vấn đề chúng ta có thể thêm, bớt một vài phương diện cho tiện việc khảo xét, song đại để trong khi nghiên cứu bất luận về vấn đề gì luôn luôn chúng ta có thể áp dụng những “danh từ chủ yếu” vừa kể trên.

Một thí dụ cho dễ hiểu: trong một buổi nói chuyện giữa anh em, có người đem vấn đề thi ca ra bàn.

Đó là một vấn đề mà chúng ta chưa hiểu rõ nên chúng ta chỉ ngồi yên để các anh em phát biểu ý kiến của họ.

Song những câu chuyện chấp nối, những ý kiến rời rạc như thế chỉ giúp chúng ta hiểu về thi ca một cách lờ mờ, thiếu mạch lạc.

Để hiểu rành mạch hơn chúng ta sẽ nghiên cứu vấn đề ấy theo năm phương diện vừa kể qua:

1) Nguồn gốc: Sự phát sinh của thi ca: Nó thoát thai ở ca dao. Lịch sử của thi ca. Ai làm thơ đầu tiên? Có phải cụ Hàn Thuyên là người đã đặt thơ chữ nôm đầu tiên?

2) Cấu thành: Phép làm thơ. Cách gieo vần. Luận về âm điệu trong thơ.

3) Biểu hiện: Các thể thơ, từ ngôn ngữ, ca dao đến lục bát, ngũ ngôn, thơ tự do v.v...

4) Bước tiến hóa: Những khái niệm về thi ca. Thơ là gì? Nhìn qua các phái thơ: lãng mạn, thuần túy, tả chân, siêu hình v.v... Chủ trương của những phái ấy ra sao? Lãnh tụ của các phái ấy.

5) Nguyên nhân chung cuộc: Ảnh hưởng của thi ca đối với con người, với xã hội ra sao? Bước tương lai của thi ca ra sao?

Nghiên cứu có hệ thống như vậy chúng ta sẽ hiểu rõ hơn và nhớ kỹ hơn.

Biết suy nghĩ cũng là biết nhận xét mối tương quan giữa một vấn đề với nhiều vấn đề khác.

Như vậy chúng ta mới thấy nhiều ý tưởng mới nảy ra, cho chúng ta có dịp nghiên cứu rộng và học thêm.

Thí dụ, chúng ta vừa đọc một quyển sách bàn về họa nha phiến. Những ý tưởng chính do vấn đề ấy phát ra là thuộc về y học: những chất độc của nha phiến, nó phá hoại cơ thể, tinh thần chúng ta như thế nào, cách chữa trị bệnh ghiền.

Song nếu biết suy rộng ra, chúng ta sẽ thấy mối tương quan của vấn đề nha phiến với nhiều vấn đề khác: về giáo dục, về luật pháp do đó nó khiêu gợi thêm bao nhiêu ý tưởng mới trong trí óc chúng ta.

Một vấn đề về địa chất học mới xem qua chẳng có liên đới gì với việc tra cứu của nhà tâm lý học.

Song một khi suy rộng ra người ta sẽ thấy: bản chất lớp đất dưới có ảnh hưởng với mặt đất và do đó có ảnh hưởng với thảo mộc, với cầm thú. Mà như thế đã có ảnh hưởng đến sự ăn uống của dân cư ở vùng đó. Vấn đề ăn uống lại có liên quan đến sức khỏe, đến tinh thần con người, những yếu tố mà nhà tâm lý học không thể bỏ qua.

Cũng như nhiều đàn bà biết cách trau dồi, có thể làm đẹp con người họ với một vài món trang sức không ra chi. Nếu biết suy nghĩ như cách nói trên, chúng ta có thể làm giàu cho trí thức với những ý tưởng rất tầm thường hằng ngày phát hiện qua trong óc chúng ta.

Phạm Cao Tùng

Muốn nên người

Chương 5

LẬP ĐỨC:
SỐNG MỘT ĐỜI SỐNG ĐỨC HẠNH
ĐỂ XỨNG ĐÁNG LÀM NGƯỜI

Điều lạ! Nhà trường không dạy rèn tập đức hạnh.

*Mặc dầu nó rất cần thiết cho sự thành công ở ngoài đời
cũng như sự thành công cá nhân*

Bác sĩ A. Carrel

Một đời sống đức hạnh cần phải có. Chúng ta không thể quan niệm một người xứng đáng làm người mà thiếu đức hạnh. Người khuôn mẫu đầu ở thời nào hay được gọi dưới danh hiệu nào: người Hy Lạp tốt và đẹp, người lương thiện ở thế kỷ 17 của Pháp, người quân tử của Anh hay người quân tử của đạo Khổng... đều giống nhau ở chỗ: là những người biết lấy đức tu thân.

Muốn nên người điều kiện cốt yếu phải là người đức hạnh, biết sống theo luân thường đạo lý. Chữ đạo lý đây không có nghĩa trừu tượng, huyền bí của tôn giáo, chỉ nên hiểu nó theo nghĩa nhân sinh triết học, tức là đạo sống hay là đạo làm người.

Là người, chúng ta có hai con đường phải lựa chọn: sống theo bản năng của con vật vô tri hoặc sống theo bản năng của có người có một lý trí, một quả tim, một lương tâm. Người biết suy nghĩ ắt không khỏi tự hỏi: “*Điều đáng biết là mình muốn sống với thần minh hay quỷ sứ*”. Hỏi tức là trả lời vậy. Luân lý phát sinh vì đó là sự nhu cầu cần thiết của đời sống cá nhân và xã hội.

Không phải những triết gia làm nên luân lý. Nếu không có họ con người cũng biết sống theo luân lý vì cần phải sống một cách luân lý, cũng như con người vẫn biết nói chuyện và hiểu nhau trong khi chưa có nhà văn phạm lập ra khoa văn phạm.

Đạo đức, luân lý không phải như Voltaire quyết đoán “là của nhà giàu đặt ra để giữ tài sản của họ khỏi bị cướp bóc”, hoặc theo vài nhà xã hội học hiện giờ “là của giai cấp thống trị đặt ra để kềm chế giai cấp bị trị”. Nếu có người lợi dụng nó và toan lấy nó để làm của riêng đó lại là vấn đề khác.

Nói rằng luân lý là nhu cầu cần thiết của con người và xã hội, vì “Thiện” là sống và “Ác” là chết.

Nói theo bác sĩ A. Carrel:

“Thiện là những gì làm nảy nở, duy trì, phát triển sự sống của con người và xã hội”.

Thiện là tất cả những gì phù hợp với khuynh hướng căn bản của bản chất, của cấu tạo con người và xã hội.

Thiện tức là những gì phù hợp với lẽ luật của sự sống.

Ác là những gì làm ngưng trệ, suy đồi hay hủy hoại sự sống của con người và xã hội.

Rượu, á phiện, trụy hoan là “ác” vì nó hủy hoại thân thể của mình hiện tại và gây di truyền bất hảo cho nòi giống mình mai hậu.

Nói xấu, gièm pha, ghen tỵ, phao vu chẳng những vi phạm đạo đức yêu người là tội mà vì nó làm mất sự thăng bằng ở tâm hồn của mình mà cũng làm đảo lộn trật tự trong xã hội (lời tuyên truyền của đảng phái, lời “giặc nguội” giữa các cường quốc).

Về xã hội cũng thế. Một tổ chức xã hội không giúp cho con người sống một cách đầy đủ về vật chất, không giúp cho con người phát triển về tinh thần là không hợp luân lý.

Dành rằng ở thời buổi này một người chỉ có đức hạnh, không chơi bời, trụy lạc, không rượu chè, hút xách, ăn ngay ở thẳng chưa ắt đã có đủ đức tính để làm nên với đời. Chúng ta được thấy nhiều người hư thân, mất nét, rất vô liêm sỉ vẫn chễm chệ ngồi trên ô tô, vẫn ăn trên ngai trước. Song chúng ta có nên ham muốn sự thành công về một phía ấy chăng? Hơn nữa, những người đã thành công mà thiếu đức ấy chưa hẳn đã thành công lâu dài. Chúng ta há chẳng thường chứng kiến nhiều tên tuổi trong một sớm một chiều rơi vào vũng bùn chỉ vì họ đã phải nô lệ cho một thói hư, đắm mê một sắc đẹp. Chúng ta cũng đã từng chứng kiến những sự nghiệp sụp đổ vì người gây dựng ra nó thiếu một chữ “tín”. Người xảo quyệt đến đâu cũng chỉ có thể gạt một vài người trong nhất thời, không thể gạt tất cả mọi người trong mọi thời.

Chúng ta không chóa mắt trước những thành công thiên về một mặt vừa bọc phát vừa bệnh hoạn ấy. Chúng ta hoài bão một sự thành công đầy đủ hơn, lành mạnh hơn, vững bền hơn. Có ai lại đi phí công trở tượng thù hoa trên một gấm vóc mục nát?

Con đường đức hạnh là con đường khắc khổ, nó dẫn dắt ta đến thành công một cách chậm chạp song vững vàng hơn.

Con đường đức hạnh là con đường khắc khổ. Nói đến đức hạnh, luân lý là nói đến một đời sống có quy phạm, một đời sống khắc khổ. Sự hy sinh là định luật của sự sống. Đức hy sinh, sự khắc khổ không dành riêng cho các vị thánh hiền. Đã là người, nếu muốn sống cho ra sống thì ai cũng phải tuân theo lẽ luật khắc khe ấy. Người bệnh muốn tìm lại sức khỏe phải chịu ép mình, ép xác nhịn ăn món này, chịu khó uống thuốc nọ; nhà buôn mọng ô tô, nhà lầu phải thắt lưng buộc bụng trong bao nhiêu năm để gây nên số vốn đầu tiên; nhà bác học đeo đuổi một công trình phát minh phải hy sinh những thời giờ, những cao vọng, có khi cả đời sống!

Muốn trở nên nhà đức hạnh cũng như muốn thành một lực sĩ, một nghệ sĩ hay một nhà bác học, phải biết sống khắc khổ. Sự tiến triển của tinh thần, cũng như nảy nở của bắp thịt, chúng ta phải mua bằng

mồ hôi, nước mắt. Đó là điều mà người ta quên nói hay không dám nói thẳng với người bạn trẻ.

Sự giáo dục quá thiên về tri thức tạo ra hạng người có óc mà không có tim. Về giáo dục như đã nói ở trước, người ta chỉ lo mở đường học vấn, không ai lo tập cho đứa trẻ đi đường đức hạnh. Người ta chỉ lo khai trí, không biết khai tâm.

Ở thế kỷ trước, một nhà văn trong khi cao hứng đã đưa ra khẩu hiệu: “*Mở cửa một trường học tức là đóng cửa một khám đường*”.

Sự lầm lạc này người ta nhận thấy rõ. Hiện nay học vấn, khoa học càng được phổ thông nhưng tội ác vẫn đầy tràn.

Vì sao? Vì học vấn không làm cho con người trở nên đức hạnh. Đức dục và trí dục là hai phần của giáo dục. Một đàng mở mang tri thức, một đàng uốn nắn để nâng cao tâm hồn. Một đàng dạy cho hiểu biết, một đàng dạy ta biết xử thế. Một đàng giúp ta biết suy nghĩ, một đàng giúp ta quyết định. Lỗi giáo dục quá thiên về tri thức, đặt khoa học trên tâm đức, chỉ kể lý trí, bỏ quên tình cảm, chỉ tạo ra hạng người có óc mà không có tim.

Cách đây mấy thế kỷ, nhà triết học Hy Lạp Soc-rate đã hỏi đệ tử của ông là ông Xénophon: “*Bạn đã học hỏi nhiều điều hữu ích, nhưng bạn có thể cho tôi biết người ta có thể tìm học ở đâu cách trở nên người tốt?*”, và ông nói tiếp “*Có ích lợi gì mà thông hiểu mọi sự khác nếu anh không biết điều thiết yếu? Và anh sẽ dùng khoa học để làm gì nếu anh không biết dùng nó để làm điều thiện?*”.

Ở trường học, người ta vẫn dạy luân lý nhưng... Có bạn sẽ bảo: “Người ta vẫn dạy luân lý trong trường học”. Vâng, chúng tôi vẫn biết thế, song đó là lối dạy lấy lệ, bằng cớ: khi đi thi người ta chỉ khéo xét về óc thông minh, về trí nhớ của đứa trẻ, không ai cần xét xem trình độ tâm đức của nó cao hay thấp.

Hơn nữa, lối dạy trừu tượng và thụ động chỉ gồm những bài học về luân lý suông, chỉ nêu lên những phương châm của các thành hiền: “*Phải cư xử như thế này, phải ăn ở như thế này, vì đó là thuận lẽ trời, vì đó là Chúa dạy*”, không đủ sức đem lại cho đứa trẻ một lý tưởng luân lý, càng không thể tạo cho đứa trẻ những đức hạnh. Bác sĩ A. Carrel nói: “*Phải đâu xem hết vài pho sách thánh hiền là ta có thể trở nên người đức hạnh*”. Một nhà chính trị cũng là một nhà giáo dục, ông J. Ferry viết: “*Cần nhiều bài học, nhiều bài đọc, nhiều câu cách ngôn, viết, chép, đọc đi đọc lại. Nhưng cần nhất là bài luyện tập thực hành, những cố gắng, những hoạt động, những thói quen. Về luân lý trẻ em cần sự tập luyện, như về cách tập đọc hay tập làm toán*”.

Thêm vào đó sự thiếu những bậc thầy cô có tài mà cũng có đức, hạng thầy luôn luôn theo quan niệm xưa, “*có minh đức mới có thể tân dân*”, hạng thầy mà thời xưa người ta cung kính xếp trên hàng cha mẹ, làm cho sự dạy về luân lý khó có kết quả vì “*người ta không thể truyền dạy cái gì người ta biết, người ta chỉ truyền dạy cái gì người ta có*”.

Nhất là về luân lý. Với hạng thầy như anh chàng Topaze mà nhà văn M. Pagnol đã khéo diễn tả trong

một vở kịch bất hủ, tay chỉ những cách ngôn luân lý viết trên bảng đen cho học trò đọc:

Hoạnh tài bất phú.

Tiền không làm nên hạnh phúc.

mà trong tâm thì mưu toan lập kế để đào tiền cách vô liêm sỉ... Với hạng thầy nói một đàng, quàng một nẻo, làm gì có đủ uy tín để gây lòng tin tưởng mạnh mẽ, một lý tưởng cao siêu nơi tâm hồn người bạn trẻ.

Nói đến luân lý, phải chăng đã bất hợp thời? Cho nên chúng tôi lấy làm lạ thấy nhiều bạn trẻ khi nghe nói đức hạnh, luân lý đã phì cười như khi mình đem “ông kẹ” hoặc ông “ba bị” nhát họ.

“Bất hợp thời! Sống trước đã!”, họ bảo thế. Chúng tôi rất hiểu họ.

Khi người ta quá thiên về vật chất, khi người ta chỉ biết lấy sự thành công về tiền tài mà đánh giá con người, khi người ta cho rằng “con người là con chó sói đối với người” thì lẽ cố nhiên những giá trị tinh thần còn ai chịu nhận. “Không đạo làm gì vụt được đạo”.

Lo kiếm gạo, kiếm tiền, kiếm thật nhiều tiền, bất luận bằng cách nào, đó là mục đích duy nhất và thiết thực nhất. Ngoài ra, đức hạnh, luân lý đều là những danh từ rỗng không.

Chủ nghĩa hãnh tiến, con đẻ tự nhiên của những cuộc chiến tranh, những cuộc xáo trộn lớn lao trong xã hội được bạn trẻ tôn thờ. Có cả một lối xử thế, một kỹ thuật sống, một hệ thống tư tưởng này sinh do chủ nghĩa này: “*Tất cả những phương tiện đều tốt, đều có thể dùng để đạt lấy cái gì mình muốn*”, “*Dừng ngạc nhiên về điều gì cả và sẵn sàng lợi dụng tất cả*”. Người mưu mô, xảo quyệt được xem là người có thủ đoạn. Người xu thời khéo bợ đỡ được xem là người thức thời. Người ăn chơi đàng điếm, hút xách được xem là người thạo đời. Người khéo xoay sở được cho là người khôn ngoan.

Chân lý bên mép núi này, sai lầm bên mép kia. Một hạng người khác tuy chưa đến nỗi bị “mù điếc về luân lý” vẫn còn đủ lương tri để nhận thấy con người cần sống theo luân lý, nhưng gặp phải bệnh hoài nghi.

Họ cho rằng luân lý là ước lệ của con người, nó biến đổi theo mỗi thời đại, theo biên giới của mỗi nước, như thế hơi đâu mà tin theo, và từ nghi ngờ đến ngờ vực, họ phủ nhận tất cả mọi luân lý.

Chúng tôi rất hiểu họ: đứng trước bao nhiêu hệ thống luân lý, người muốn đi tìm một lý tưởng để tôn thờ không sao khỏi băn khoăn, thắc mắc.

Lấy đâu làm chuẩn đích cho hành động luân lý? Lấy khoái lạc, hạnh phúc theo Aristippe, Epicure?

Lấy lợi ích theo Stuart Mill, Bentham? Lấy khắc khổ của phái Stoiciens? Lấy danh dự của A. de

Vigny? Lấy bác ái, vị tha của Đức Chúa Giê Su, Phật Thích Ca? Lấy mạng trời của Khổng Tử? Lấy sức mạnh của Nietzsche, Hobbes?

Họ cũng muốn thành thật trong cuộc chơi, nhưng ít ra mọi người trong cuộc chơi phải thừa nhận luật lệ của trò chơi. Mình cho rằng làm như thế là phải nhưng người khác có tin như mình chẳng? Đã không tin, họ sẽ hành động khác và rốt cuộc chỉ có mình thua thiệt. Nếu cho rằng chỉ có sức mạnh là

lẽ phải thì còn ai ngu xuẩn tin theo thuyết nhân ái? Nếu cho rằng khoái lạc là “thiện” mà đau khổ là “ác” thì còn ai có can đảm buộc mình sống khắc khổ với mình?

Đã ngờ vực, không tin theo một thứ luân lý nào, nhưng họ vẫn sáng suốt thấy cần phải có luân lý. Và họ tự làm ra một thứ “luân lý cao su” để họ dùng, khi co khi giãn, tùy thời cơ thù thế, tùy theo tư dục hay tư lợi cũng nên. Phản bội người bạn có hề gì (?) nếu sự phản bội ấy đem lợi lộc cho mình, vì có thứ luân lý rằng “lợi” tức là “thiện” kia. Cam sống cuộc sống tối tăm hèn yếu có là sao (?) miễn thân này được an nhàn, an phận thủ thường phải chăng thuận lòng trời?

Những triết gia có thể làm lạc, nhưng lý tưởng luân lý vẫn đáng cho ta tin tưởng. Người biết suy nghĩ có quyền nghi kỵ các học thuyết luân lý nhưng không thể phủ nhận lý tưởng luân lý: có ai vì nghĩ rằng y học còn bất lực chữa trị nổi nhiều chứng bệnh mà không tin tưởng ở y học chẳng?

Luân lý là một khoa học do loài người đặt ra, lẽ dĩ nhiên là có những khuyết điểm vì có khoa học nào đã cấu thành một cách vĩnh viễn. Với những hiểu biết đến mức nào đó, nhà khoa học sẽ thí nghiệm, khảo xét và rút ra những định luật làm nòng cốt cho khoa học. Nhưng khi những hiểu biết nói rộng ra, nhà khoa học phải khảo xét lại những lý thuyết, những định luật ấy, đem ra đối chiếu với sự kiện, với thực tại và rút kinh nghiệm mới để nêu ra những định luật mới nếu cần.

Về khoa học luân lý cũng thế. Ở một thời đại nào đó, những triết gia tìm cách giải quyết vấn đề luân lý theo những yếu chỉ sẵn có trong tay, họ suy luận, lập thành hệ thống. Nhưng khi hoàn cảnh thay đổi (xã hội, chính trị, địa dư) đưa ra những sự kiện mới, thấy rằng những định luật luân lý đã nêu ra không còn áp dụng vào đời sống thực tiễn nữa, những triết gia lại phải tìm ra định luật mới. Sự có nhiều hệ thống luân lý không làm cho ta nghi ngờ luân lý. Trái lại, khi thấy dù ở Âu hay Á, dù ở thời đại thượng cổ hay nguyên tử cũng vẫn có người thiện chí để tâm suy nghĩ về đạo sống, có hoài bão giúp cho con người biết phép cư xử sao cho phải đạo làm người, chúng ta càng thấy rõ lẽ sống của con người là tiên bộ, là hướng về “thiện”.

Sự phản trái của những hệ thống luân lý cũng không làm cho ta mất tin tưởng ở giá trị luân lý. Vì tuy những triết gia chưa tìm ra một hệ thống luân lý mà mọi người đồng thừa nhận, ít ra những công cuộc tìm chân lý của họ cũng giúp chúng ta nhận thấy một vài chân lý. Họ có thể làm lạc, nhưng làm lạc một cách thành thực. Điều ấy không đáng sợ.

Đáng sợ chẳng là những người đồng dục tuyên bố: “Không đáng tuân theo một luân lý nào cả”. Hoặc những người quyết đoán: “Luân lý, đạo đức là bất di bất dịch”.

Phải giải quyết vấn đề luân lý như thế nào? Nhìn thấy cảnh trạng đen tối, con người vui thích mà vẫy vùng trong tội lỗi, nhà duy tâm rung đùi than: “*Này lúc cương thường đảo nghịch ru!*”. Rồi thôi hết. Họ chỉ biết khuyên: “Con người phải ăn ở cho đức hạnh, phải làm lành, lánh dữ”. Họ chỉ nêu cao những lý tưởng, không giúp cũng không cần biết chúng ta có những phương tiện gì để thực hiện được lý tưởng ấy chẳng? Họ cho rằng nếu chúng ta còn đắm mê trong tội lỗi là bởi vì chúng ta chưa

tiến hóa, là bởi chúng ta còn mang nợ kiếp trước.

Nhà duy vật hẳn học đổ lỗi cho xã hội: con người còn làm ác, làm tội vì con người chưa biết tổ chức một xã hội hoàn thiện. *“Thiện ác không còn là vấn đề luân lý nữa. Nó sẽ chỉ là vấn đề tổ chức hợp lý thôi. Xã hội tổ chức mà hợp lý, danh giá tài lợi sẽ không như bây giờ làm đầu mối cho tội ác...”*.

Nếu có thể giải quyết vấn đề luân lý một cách máy móc giản dị như thế thì thật là may mắn cho nhân loại.

Nhưng trong khi chờ đợi một xã hội tổ chức theo lý tưởng ấy chúng ta phải giải quyết vấn đề luân lý như thế nào ngay ở hiện tại?

Vì đã nói ở trước, luân lý là sự nhu cầu khẩn thiết của con người. Chúng ta không thể hẹn hoặc đợi khi có những điều kiện nào đó mới thỏa thích sự nhu cầu ấy. Trong đời sống hàng ngày, chúng ta luôn luôn có dịp đối đầu với những bài toán luân lý mà chúng ta cần phải giải quyết ngay. Đối với mình, đối với người, đối với xã hội, đối với quốc gia.

Phải dạy con như thế nào? Dạy nó lễ nhân từ, bác ái, giao phó sự thưởng phạt cho “trời đất” hay rèn luyện cho nó một “quả tim rắn” để nó đủ gan lì tự nó làm lấy công lý?

Chúng ta có thể dùng những phương tiện triệt để trong việc bài trừ những tai họa xã hội như rượu, á phiện mặc dù những phương tiện ấy sẽ đụng chạm đến tự do cá nhân?

Nhưng luân lý khúc chiết hơn. Nếu đã có một nền luân lý vững vàng, tuyệt đối có thể rút ra những định lý chắc chắn như định lý số học hay hóa học để mỗi khi gặp việc chúng ta có thể mang ra dùng thì nói gì. Nhưng khoa luân lý đâu như số học, không thể dùng ròng không tương thuần túy để tạo nên. Mỗi khi người ta toan dùng lý trí để đặt ra vài định lý thì có người đứng lên phản đối vì quả tim cần được cảm thông hơn là được giải thích. Nói theo Pascal: *“Chúng ta không thể tỏ rằng chúng ta phải được yêu, dù chúng ta có vạch rõ được những nguyên do cần tình yêu”*.

Cho nên một vài định lý luân lý mà các triết gia đưa ra không được mọi người thừa nhận như định lý khoa học.

“Điều gì mình không muốn làm cho mình thì chẳng nên làm cho người”.

Theo nguyên tắc này: ta không muốn ai hài tội mình, vậy nếu ta biết một người đánh cắp vợ người bạn mình ta có nên hài tội người ấy với bạn mình chẳng? Ông tòa có thích ngồi tù chẳng? Nhưng ông vẫn buộc tội bỏ tù phạm nhân?

“Mỗi người phải được hưởng tùy theo nhu cầu của mình”.

Như vậy thì một người biếng nhác nhưng có nhu cầu cũng phải được hưởng nhiều hơn một người có ít nhu cầu nhưng siêng năng. Phải chăng là công lý?

“Mọi người phải được hưởng tùy theo công nghiệp của mình”.

Nhưng có nhiều công nghiệp do may mắn tạo thành. Một người may mắn sinh ra với nhiều thuận lợi: sức khỏe, tiền tài, trí tuệ giúp cho họ lập nghiệp dễ dàng, trong khi ấy lắm người nhiều công trạng

hơn nhưng chẳng làm nên công nghiệp gì cả, chẳng lẽ họ không đáng hưởng gì cả sao?

Tuy chưa tìm ra một nền luân lý hoàn toàn, tuyệt đối chúng ta cũng phải lọc qua các ý kiến, các tư tưởng của những triết gia xưa nay để rút ra một vài chân lý làm phương châm xử thế trong lúc này và ở trong hoàn cảnh xã hội hiện nay.

Trên những ý kiến đối chọi nhau, ít ra những triết gia xưa, nay cũng đã gặp nhau ở vài điểm mà sau khi được trải qua thử thách của thí nghiệm, của thời gian người ta vẫn đứng. Cũng có thể gọi là chân lý luân lý.

1) Phải có thiện chí. Có thiện chí là thật lòng, ráng sức suy nghĩ, cố tìm xem, trong một hoàn cảnh như thế, ở một trường hợp như thế chúng ta có cách nào xử sự cho phải lẽ.

Và khi đã tin rằng mình đã chọn lẽ phải, quả quyết thi hành đúng theo sự tin tưởng của mình. Đó là điều kiện tối cần của mọi luân lý, mặc dù là chưa đủ. Vì, dù có thiện chí đến đâu, nếu không đủ sáng suốt ta cũng có thể lầm đường lạc nẻo trong khi mình tưởng rằng đã đi đường chính. Nhưng sự lầm lạc của người thiện chí ít nguy hại hơn người biết đường phải mà không chịu tiến bước.

Người tuân theo luân lý nhà Phật, luân lý đạo Nho, luân lý đạo Thiên Chúa hay luân lý khoa học đều có thể đạt đức nếu họ hành động đúng theo lý tưởng của họ: “*Có trí óc minh mẫn chưa đủ, nguyên tắc chính là biết áp dụng nó một cách khôn khéo*”. Câu này của Descartes nói về việc khai trí có thể chuyển sang lĩnh vực luân lý không sai mấy.

Có được sự liêm khiết tinh thần ấy chúng ta mới có thể tự hào rằng đã làm bổn phận làm người.

2) Muốn có đức phải luyện tập đi đường đức hạnh. Tâm đức cũng như thể chất, chỉ nảy nở, phát triển nhờ sự luyện tập. Người không luyện tập thể dục không thể thành lực sĩ. Người không cố gắng rèn luyện mình đi đường đức hạnh có mong gì đạt đức.

Bác sĩ A. Carrel nói: “*Không phải đọc một quyển sách luân lý là có thể thành người đức hạnh.*

Không ai có thể rèn luyện họ tâm hồn ta”, và ông nói thêm: “*...Đó là sự sáng tạo của mình và do mình. Sự sáng tạo ấy là việc nung đúc đời sống bên trong theo một lý tưởng. Là xây dựng nơi mình, với những vật liệu tuy chưa hoàn hảo, một tâm hồn mạnh. Tất cả mọi người, ngu dốt hay thông thái, giàu hay nghèo, già hay trẻ đều có thể, nếu họ biết trì tri làm nảy nở sức mạnh bên trong họ*”.

Cùng một ý nghĩ như thế, trong sách *Gương Phước* nói: “*Một bác nông phu biết phụng sự thờ Chúa chắc chắn ở trên nhà triết học tự cao, quên mình, chỉ lo ngắm nhìn sự đi lại của các tinh tú*”.

Về luân lý, dùng trí lực để đi tìm lý tưởng chưa đủ, phải biết dùng tâm lực để thực hiện lý tưởng ấy.

Cùng một lượt phải dùng đến trí tuệ và tình cảm, trí thức và tín ngưỡng.

3) Phải biết hạn chế lòng ham muốn để đặt sự an tĩnh của tâm hồn. Người chỉ biết muốn cái gì mình có thể đạt được là người thấu hiểu bí quyết hạnh phúc. Người tham muốn quá sức có những hoài vọng trên địa vị của mình quá nhiều luôn luôn sống trong lo âu, phiền muộn. Cũng trong sách *Gương Phước* nói: “*Kẻ kiêu ngạo, người hà tiện không bao giờ được an tĩnh; người nghèo và người*

tâm hồn mộc mạc trong sự sung túc của hòa bình” vì lẽ ấy.

Nói thế không phải cổ võ cho thái độ ươn hèn của người cam chịu an phận thủ thường. Vì chịu nhận điều gì mình có thể tránh đâu phải là khôn ngoan. Song như Maeterlinck nói: “*Sau khi đã gỡ đứt các cánh cửa lý tưởng: sức khỏe, danh vọng thắm mỹ, khoa học phú quý, nếu chúng ta thấy rằng sự không thể tránh đã đến thì phải biết nhấn tâm quy phục và thích ứng sự ham muốn của mình theo cảnh ngộ. Giẫm chân, bứt tóc là thái độ của trẻ con mà than vãn kêu khóc là hèn.*”

4) Con người không thể sống ngoài xã hội. Hiện nay còn ai có ý nghĩ rằng con người có thể sống riêng biệt ngoài xã hội? Vậy muốn làm lại con người ít ra phải kể đến hoàn cảnh xã hội con người đang sống; không thể xem con người như một vật riêng biệt mà phải ngắm nhìn con người đang sống trong xã hội. Sự cải tạo con người phải đi cùng một lượt sự cải tạo xã hội để tạo nên một hoàn cảnh thuận tiện cho sự phát triển con người. Đức Giáo hoàng Léon XIII trong chỉ dụ Rerum novarum cũng nhìn nhận: “*Trong một xã hội khéo tổ chức phải có sự đầy đủ về vật chất cho người ta có thể nghĩ đến việc rèn đức hạnh*”.

Nên luân lý không phải chỉ lo tạo ra những người hùng cô lập sống trong tháp ngà mà phải tạo ra những người biết lễ liên đới giữa xã hội và con người, những người hiểu rằng: họ sẽ được rồi thì được rồi chung hoặc nếu bị mất thì cũng mất chung.

Đức Khổng Tử nói đến “lập nhân, đạt nhân” là đã hiểu lẽ hổ tương quan hệ nên “lập”, “đạt” cho nhân loại chính là “lập”, “đạt” cho mình vậy. (Trong câu: “*Phù nhân giả, kỷ dục lập nhi lập nhân, kỷ dục đạt nhi đạt nhân*” (Luận Ngữ) mà ông Đoàn Như Khuê đã khéo dịch trong Luận Ngữ Cách Ngôn:

Muốn mình thành lập ở đời,

Cũng mong gây dựng cho người bằng ta.

Muốn mình thông đạt gần xa,

Cũng mong dẫn dụ người ta như mình.”

5) Không có luân lý, xã hội không tồn tại. Nói đến việc sống chung là nói đến trật tự, kỷ luật, hòa hợp, tương trợ, công bình và bác ái. Xã hội không thể tồn tại khi người hợp thành nó sống một cách tự do, phóng túng, vô trật tự, không biết kính nể, tương trợ, nhường nhịn và thương yêu lẫn nhau. Biết rằng chúng ta không thể sống ngoài xã hội thì chúng ta có bổn phận làm cho đời sống xã hội được tồn tại, nghĩa là phải biết ép mình, buộc mình theo khuôn khổ một luân lý.

Luân lý có bổn phận hạn chế bản năng con người để dùng hòa với bản năng xã hội. Đôi khi hạn chế tự do hay quyền lợi cá nhân, nhưng là để bảo vệ xã hội, mà như vậy cũng tức là để bảo vệ cá nhân. Khi người con trai và người con gái đẹp đôi xứng lứa gặp nhau, họ nhìn liếc nhau, thèm muốn nhau, đó là hành động theo bản năng tính, nhưng họ không thể như con vật chỉ biết theo bản năng, hễ mỗi khi họ thích nhau là phối hợp nhau để sinh con đẻ cháu. Là con vật có lý trí, họ biết tuân theo một

luân lý. Trong xã hội hiện đại luân lý quy định và hạn chế sự phối hợp không cho phép đàn ông lấy vợ lẽ vì muốn bảo vệ trật tự xã hội hiện giờ, nếu một người đàn ông có thể bảo bọc cùng một lúc đôi ba gia đình, nhưng họ không đủ thời giờ để lo giáo dục đôi ba dòng con, cũng không tài nào gây hạnh phúc đôi ba gia đình.

Những nguyên tắc này đủ giúp cho người có thiện chí muốn tìm con đường chính đại một phương hướng rõ rệt. Đó là vài nguyên tắc tổng quát, bất luận ai hoặc ở thời đại nào cũng có thể thừa nhận. Tuy nó không giải quyết đủ mọi trường hợp, nhưng với bao nhiêu đó cũng đủ giúp một người có thiện chí muốn tìm con đường chính đại một phương hướng rõ rệt. Cũng như địa bàn chỉ phương hướng cho người thuyền trưởng, nhưng không chỉ rõ khi gặp sóng cả, đá ghềnh phải làm thế nào, song người lái thuyền cũng biết tùy thời cơ, tùy trường hợp, dùng kỹ thuật hàng hải thêm óc phán đoán, kinh nghiệm để dò dẫm đường đi và dẫn dắt con thuyền đến bến.

Luân lý dạy ta: “Phải có thiện chí”, “phải tập mình đi đường đức hạnh”, “phải hạn chế lòng ham muốn”... Bao nhiêu đó cũng đủ cho chúng ta biết rõ bổn phận mình đối với mình.

Luân lý chỉ cho ta biết: “Con người không thể sống ngoài xã hội”. “Không có luân lý xã hội không tồn tại”. Tức là buộc chúng ta phải biết cư xử cho đúng lẽ công bình, bác ái, đừng làm điều gì có hại cho người sống chung, luôn luôn giúp cho người đồng loại tiến cho bằng mình. Đó là bổn phận chúng ta đối với xã hội.

Đó là phương hướng chung, còn về những chi tiết: “đàn bà có nên phơi bộ ngực đi ngoài đường”, có nên tin theo câu: “tiết hạnh khả phong”, “có nên xử tử những người phạm tội sát nhân”, “có nên trai năm thê bảy thiếp, gái chín chuyên một chồng”, những điều ấy phải tùy thời, tùy xứ, tùy trường hợp, không có luân lý nào có thể giải quyết một cách nhất quyết.

Nhưng tại sao chúng ta quá băn khoăn về những chi tiết trong khi chúng ta chưa làm xong điều chính mà chúng ta đã hiểu, đã biết?

Cách đây 2.000 năm, có người hỏi đức Giê Su: “Thưa Thầy, chúng con phải làm gì cho được rỗi linh hồn?” Người đáp: “Mày phải kính chúa và yêu anh em mày như mình vậy”.

Bài học về đạo làm người ấy ngắn ngủn làm sao, nhưng đến nay có ai dám nghĩ rằng không đầy đủ?

Chúng tôi muốn mượn một câu trong sách *Giương Phước* để kết luận chương này:

Bao nhiêu lời nói cũng không đủ thỏa mãn tâm hồn, nhưng một đời sống đức hạnh và một lương tâm trong sạch sẽ đem lại sự an tĩnh cho tâm hồn... Bởi nhiều người quá lo hiểu biết hơn là lo biết sống nên họ thường lạc bước và hoặc ít hoặc không thu thập kết quả những việc họ làm”.

Muốn nên người

Chương 6

LẬP GIA ĐÌNH: ĐỂ SỐNG HẠNH PHÚC

*Kẻ nào tìm được người vợ
là tìm được hạnh phúc và tất cả ân huệ của trời*

Ngạn Ngữ Kinh

Trước khi lập gia đình phải “học yêu”.

Ái tình đã là sự nhu cầu tự nhiên của con người thì người bạn trẻ không sao tránh khỏi việc “yêu đương”. Khi tuổi xuân đến độ, sức khỏe sung mãn, trí tuệ phát khởi, óc tưởng tượng dồi dào thì lòng trai cũng bắt đầu xao xuyến. Có người bạn trẻ nào đã không một lần cảm thấy:

*“Lòng ta tha thiết đượm tình yêu.
Như cảnh trời xuân luyến nắng chiều”*

Thế Lữ

Hoặc thấy tâm hồn mình xâm chiếm bởi những mối tình vẫn vơ:

*“Có nghĩa gì đâu một buổi chiều,
Nó chiếm hồn ta bằng nắng nhạt,
Bằng mây nhè nhẹ gió hiu hiu”*

Xuân Diệu

Giờ khắc mà lòng người bạn trẻ đã bén lửa yêu đương là giờ khắc quan trọng có khi quyết định cả một đời họ. Tùy theo cách đối phó của họ, ái tình sẽ là một tình cảm thanh cao, trong sạch như bầu trời xuân hoặc nó sẽ là một thứ tình đấm mê đê tiện, vẩn đục như vũng bùn. Nó sẽ là một thứ nước cam lồ làm dịu mát đời họ, giúp họ có đủ sức để gánh vác những phận sự vất vả của kiếp người. Hoặc nó sẽ là một mảnh lực tàn hại có thể xô đẩy họ vào vòng tội lỗi.

Đời của họ sẽ tốt đẹp hay nhơ nhớp, thanh cao hay đê tiện, họ sẽ nên người hay hư đốn một phần cũng do họ biết cách chế ngự tình yêu hay họ để cho bản năng tính sai khiến, là do họ có “biết yêu” cùng không.

Nhưng có ai dạy cho họ biết thế nào là yêu đương? Đây là hạnh phúc, đây là bổn phận trong việc yêu? Có ai đã thành thật vạch cho họ thấy rõ “mặt thật của ái tình”? Bàn về văn chương, thi phú, bàn về các khoa học người ta không tiếc lời với họ, song về vấn đề mà hầu hết các bạn trẻ đều băng khuâng muốn hiểu và cần phải hiểu thì người ta hoặc xao lãng hoặc trốn tránh không muốn đá động đến. Một nhà giáo nói: *“Người ta chỉ lo giỏi mài khối óc, ít ai nghĩ đến việc huấn luyện quả tim”*.

Nhiều cha mẹ vẫn thấy cần phải nói rõ cho con biết tất cả những điều đáng nói về vấn đề yêu đương, song đến khi phải làm thì họ thấy ái ngại và cho rằng đó là vấn đề “cấm kỵ”, “khó nói” hoặc nói ra sợ e làm vẩn đục tâm hồn trong trẻo của chúng nó. Họ quên rằng *“sự dốt nát không phải là sự trong sạch”*. Trái lại, biết bao nhiêu tội lỗi người ta đã phạm chỉ vì người ta dốt nát.

Một số người khác lười biếng hơn, không muốn nghĩ đến việc ấy. Họ nói: “Dạy chúng nó yêu phải chăng làm một việc thừa? Bản tính của nó sẽ dạy nó. Đời sẽ dạy nó”. Thái độ “trối kệ” này đã gây nhiều thảm trọng. Học với đời, người bạn trẻ chưa đủ óc phán đoán, rất dễ bị đời lừa dối. Những mẫu chuyện vụn vặt mà họ được nghe lóm trong khi gần gũi bạn bè, những sự từng trải về “đàn bà”, về ái tình mà các văn sĩ thường “vẽ vời” trong tiểu thuyết không phải là những bài học thiết thực bổ ích cho họ.

Một nhà giáo dục, bà Lambert nói: *“Biết bao nhiêu cuộc hôn nhân phải xào xáo, có khi phải tan vỡ chỉ vì người con gái không nhận thấy ở người chồng của họ người anh hùng tưởng tượng trong tiểu thuyết”*. Để đời dạy họ, cũng có khi được, song thường khi họ phải mua những bài học ấy với một giá rất đắt, có khi họ được sáng mắt thì đã lỡ một kiếp người.

Cũng có người viện câu: “Trái tim có lý lẽ mà lý trí không thể hiểu” mà cho rằng người ta chỉ có thể huấn luyện khối óc không ai có thể huấn luyện quả tim. Nhưng: “Về ái tình cũng như về ý chí hoặc về vệ sinh, cần phải khôn ngoan”. Nếu mỗi người trong chúng ta có quyền yêu thì chúng ta cũng có bổn phận là chống lại tất cả những cuộc tình duyên trái lẽ để bảo tồn hạnh phúc cho mình.

Trước khi lựa chọn người yêu chúng ta phải suy nghĩ kỹ. Chúng ta không thể nhầm lẫn một “mảnh tình” với một “tình yêu”. Chúng ta không điền đại lối kéo vào lưới tình một người mà mình biết không sao phối được. Chúng ta không lãng mạn ra công đi vớt những “cánh hoa rơi” để rồi nhận thấy sự hy sinh của mình là vô ích.

Nếu chúng ta đã biết sống theo một quy phạm khắc khe thì chúng ta rất có thể điều khiển quả tim

cũng như chúng ta điều khiển bắp thịt hoặc khối óc. Và chúng ta chỉ biết có một thứ tình yêu: thứ tình yêu chân chính do lẽ phải dạy.

Ái tình không phải là thần tượng, cũng không phải là trò chơi. Bởi không “học yêu” nên một số đông bạn trẻ bước vào đường tình ái mà chưa hiểu gì về ái tình cả. Bởi không ai giảng dạy cho họ rõ “mặt thật của ái tình”, nên với những bài học cóp nhặt qua tiểu thuyết hoặc trong những câu chuyện nghe lóm, phụ họa vào đó sức tưởng tượng mạnh mẽ của tuổi trẻ họ thường hiểu ái tình một cách riêng biệt, có khi rất sai lạc và họ cho đó là “chân ái tình”.

Ở đây chúng tôi không hoài công đi tìm những định nghĩa xác đáng cho “ái tình”, vì rằng mỗi người tùy theo bản năng, theo tình cảm hoặc theo trình độ trí thức của họ, họ sẽ quan niệm “ái tình” một cách riêng. Ái tình của một ông giáo sư không giống ái tình của một anh phu vác gạo. Hơn nữa, ái tình của ông giáo sư ấy khi tóc bạc cũng không còn giống ái tình của ông đã quan niệm lúc hai mươi tuổi.

Cho nên các nhà tâm lý học, trong khi “mổ xẻ” quả tim con người đã từng thấy bao nhiêu loại ái tình. Từ thứ ái tình vật chất, ái tình khoái lạc mà người ta chỉ thấy đó là những dịp để thỏa mãn những đòi hỏi của xác thịt, qua các thứ ái tình cảm tính, ái tình lãng mạn, cho đến các thứ ái tình vọng kỷ, ái tình lý tưởng, ái tình cao thượng, là người ta đã đi tận mây xanh và chúng ta không còn hiểu thế nào là ái tình nữa.

Nói rằng khó mà định nghĩa ái tình một cách đích xác cho mỗi người có thể nhận thấy rằng đó là “chân ái tình”, không phải là nói: mỗi người có quyền tự do muốn yêu thế nào cũng được. Vì trong việc yêu đương, cũng như mọi việc ở đời, có cái chừng mực mà chúng ta không thể vượt qua mà không bị trừng phạt: ăn nhiều bị trúng thực, xem sách nhiều nhức đầu, chơi thể thao nhiều đau tim. Vậy chúng ta thử xem đâu là ranh giới của ái tình chân chính do lẽ phải dạy.

Ái tình không phải là thần tượng để chúng ta thờ. Có một hạng người quá chú trọng đến vấn đề tình ái. Họ là những tín đồ rất sốt sắng của “đạo ái tình”. Họ là những người chỉ biết “sống để mà yêu”. Đầu óc họ luôn luôn nghĩ đến việc yêu đương, tâm họ lúc nào cũng ấp ủ chứa chất một mầm tình ái, mở miệng ra là họ nói “em với anh”. Họ là những chàng thư sinh, những thiếu nữ đã tiêm nhiễm các tiểu thuyết sặc sụa mùi lãng mạn, trong đó người ta hay ca tụng, hay thi vị hóa ái tình. Đó là những thanh niên đã đúng tuổi, đáng lẽ phải đem hết tâm lực để phụng sự lý tưởng cao siêu, để đeo đuổi một mục đích chính đáng, song bởi sống không mục đích, họ chỉ biết đem sức thừa để phụng sự ái tình. Lo ăn mặc cho đẹp, lo ngâm nga mấy câu vọng cổ cho mùi, khiêu vũ thật hay, tất cả những cái gì mà họ tưởng có thể làm cho các cô gái “cảm”.

Họ đặt danh dự ở chỗ tranh giành một sắc đẹp. Họ hạ mình đi “ăn mày chút tình yêu” và họ rất lấy làm tự đắc: “Mõa quen với Cúc”, “Mõa vừa đi xi nê với Lan”.

Họ cho rằng ở đời chỉ có ái tình là trọng hơn cả. “Đời anh nếu thiếu em thì thật là đời không đáng

sống”. Song một ngày kia họ sẽ thấy, ngoài ái tình ở đời còn lắm việc quan trọng hơn, đáng cho họ lưu tâm hơn.

Ái tình không phải là một trò chơi. Một hạng người khác, trái lại rất khinh miệt ái tình. Họ cho nó là một việc “xấu xa” không đáng nói tên nó là hơn, hoặc chỉ có thể xem nó như một trò chơi.

Đó là những người hay đùa với ái tình, xem nó như một cuộc thí nghiệm của quả tim. Trong việc yêu đương, họ chỉ thấy khoái lạc, hạnh phúc (?) mà không bao giờ nghĩ đến bổn phận, đến trách nhiệm, đến hy sinh. Họ tuyên bố tự do yêu đương, tự do kết hôn mà họ không hiểu chỉ có một thứ tự do chính đáng là tự do chọn lựa một quy phạm để buộc mình tuân theo đó. Bởi xem ái tình như một trò chơi nên họ không thấy chút gì thiêng liêng trong việc yêu. Họ không ngưng ngừng đem việc tâm tình của họ phơi bày trước mọi người? Trong tờ *Tiểu Thuyết Thứ Bảy* độ nọ, chúng ta thường có dịp thấy trong mục “Biết ai tâm sự” nhiều câu hỏi ngớ ngẩn: Cô X... hỏi: em có yêu chàng Y... chăng? Chàng Y... hỏi: tôi phải làm thế nào để gây nên hạnh phúc (?) cho cô X... v.v... Hiện giờ những trò chơi ái tình ấy vẫn còn thấy nhan nhản trên mặt một vài tờ báo.

Đã khinh miệt ái tình họ cũng không còn biết kính nể đàn bà. Đó là những thanh niên “mắt dạy” mà chúng ta thường thấy lượn qua các phố, ăn mặc thật đúng đắn mà tư cách không đúng đắn chút nào. Đối với đàn bà họ có những cử chỉ, những ngôn ngữ suông sã gần như “đàng điếm”.

Đó là những thanh niên đã đem về nhà vợ một thân thể dơ bẩn, bệnh hoạn, kết quả của những cuộc hành lạc; trong khi ấy họ đòi hỏi ở người vợ những “tuyệt trong giá sạch”.

Đối với ái tình chúng ta phải có thái độ như thế nào? Ái tình là sự thỏa mãn về ba mặt: Thể chất, tâm hồn và trí thức của mỗi con người. Con người mà Pascal nói: *“Không phải là thần minh cũng không phải là con vật”*. Chúng ta biết kính nể ái tình trong phần thiêng liêng của nó, biết kính nể mà không thờ phượng nó. Chúng ta cũng biết xem thường nó, nghĩa là không xem nó như mục đích đời sống để cho con vật hoàn toàn làm chủ mình, nhưng cũng không miệt thị nó như một trò chơi, đùa với ái tình là điều nguy hiểm.

Lập gia đình là một bổn phận. Một khi biết để cho lẽ phải điều khiển quả tim thì bạn trẻ rất có quyền nghĩ đến tình yêu. Và khi nghĩ đến tình yêu là phải nghĩ đến việc lập gia đình, bởi đó là một bổn phận trong những bổn phận làm người.

Ở nhiều xã hội ngày xưa, những người chưa thành gia thất không được quyền giữ một chức vụ nào trong xã hội cả. Một người được trở nên người thật là khi họ được làm chủ một gia đình.

Nói rằng ái tình là sự thỏa mãn những đòi hỏi của con người về xác thịt, về tinh thần, về trí thức là nói về những mục đích “gần” của nó. Ngoài ra còn mục đích xa xôi hơn là sự sinh con nối dõi. Bởi con người vốn ích kỷ nên cần phải có “chất rượu ngọt ái tình” cho họ nếm, họ say và họ có đủ gan góc để gánh vác bổn phận nặng nhọc mà họ rất có thể trốn tránh. Nếu chúng ta có quyền sống, chúng ta cũng có bổn phận phải trả lại sự sống. Đó là bổn phận thiên nhiên.

Sinh con nối dõi chưa đủ, chúng ta phải lo nuôi nấng dạy dỗ chúng nó. Nhất là dạy dỗ chúng, ta có câu: *“Nuôi con chẳng dạy, chẳng răn, thà rằng nuôi lớn mà ăn lấy lòng”* để chỉ rõ sự quan trọng của bổn phận luân lý này. Muốn giáo hóa đứa con cần phải có sự liên lạc chặt chẽ giữa người cha và người mẹ, cần phải có một gia đình để trói buộc cha mẹ vào bổn phận, để bắt buộc họ làm tròn nghĩa vụ thiêng liêng ấy. Bao nhiêu đứa con đã “hur hồng” chỉ vì chúng nó thiếu một gia đình hoặc không được hấp thụ cái không khí ấm áp của một gia đình hòa thuận. Nếu cha mẹ chúng mỗi người cứ lo sống đời sống riêng của mình, chỉ nghĩ đến hạnh phúc riêng của mình, thì còn ai nghĩ đến phận sự chung là bảo hộ, giáo dục đứa con. Vì mục đích ấy nên tôn giáo hay luật pháp bao giờ cũng bảo vệ gia đình, bài xích những cuộc ly dị.

Lập gia đình cũng là một bổn phận đối với xã hội. Xã hội là một hội, một nhóm do nhiều gia đình hợp lại mà nên. Sự hưng vượng của xã hội bao giờ cũng đi đôi với sự hưng vong của gia đình. Tinh thần dân tộc bị suy kém là triệu chứng sự sụp đổ của xã hội.

Lập gia đình là một bổn phận nặng nhọc, song thường khi nó cũng là một bổn phận êm dịu, nếu nó được một tình yêu chân thật làm căn bản, còn gì đáng mơ ước hơn một cuộc đời mở đầu bằng một mối tình nồng nàn, chân chính, kết liễu bởi một cuộc hôn nhân trong đó hai người bạn trẻ mang lại cho nhau những cái gì quý nhất: một tình yêu chân thật, một sức thừa tuổi trẻ, tất cả tương lai đời họ. Đáng tiếc có một số đông thanh niên vì quan thiên về vật chất, tin theo những thuyết cá nhân ích kỷ, không còn lo nghĩ đến việc lập gia đình. Để bảo chữa sự trốn thoát của họ, họ viện ra nhiều lý lẽ mà sau khi suy xét kỹ chúng ta không thấy gì làm vững chắc. Họ viện những lẽ gì?

“Chưa làm giàu nên chưa nghĩ đến”.

Họ là những người thiết thực lắm, họ hiểu rằng “ái tình không thể sống bằng nước lã”. Chúng tôi không nghĩ khác. Một khi chưa nuôi nổi thân mình, chưa có một địa vị vững chắc để bảo đảm tương lai thì khoan vội nghĩ đến việc lập gia đình. Song những người đã thốt ra câu nói trên thường không phải là những người tay không trống túi. Công việc làm ăn có, tiền bạc cũng đủ nuôi sống, nhưng bởi họ hiểu chữ “giàu nghèo” một cách tuyệt đối quá, thành ra họ cứ tưởng rằng họ nghèo. Mà làm sao định nghĩa được ranh giới mức “giàu nghèo”? Một người làm công ăn lương 1.000 mỗi tháng, nếu biết tiện tặn chỉ tiêu mất 800, còn dư 200 đồng là đã giàu hơn một người ăn lương 5.000 mà tháng nào cũng tiêu hết sạch. Giàu hay nghèo là tùy theo cách mình dùng đồng tiền. Vả lại nếu có thật là nghèo tiền bạc thì họ vẫn còn giàu sức khỏe, giàu hăng hái, giàu nghị lực, giàu tuổi trẻ, giàu tương lai. Với bao nhiêu tài sản ấy họ rất có thể lập nên một gia đình nếu biết kén chọn một người bạn lòng hiểu họ. Nghèo thì tìm vợ nghèo, biết lo làm ăn có ngày cũng khá. Nghèo mà đeo bông đi rước những “búp bê” xinh xắn mà đất tiền để đưa đi dạo phố thì nghèo lại nghèo thêm. Lỗi ấy tự mình chứ đâu bởi cảnh “nghèo”.

Vả lại nếu nói: “một khi đã làm giàu (nên hiểu theo họ là có ô tô, nhà lầu) sẽ lấy vợ” hóa ra mình tự

khinh bỉ mình và khinh bỉ người đàn bà cách oan uổng. Tự khinh bỉ mình vì có chắc đâu người mình định cưới đã yêu mình vì mình hay là vì những chiếc ô tô, những gian nhà lầu? Mà như thế là mình tự nhận giá trị mình kém hơn một chiếc ô tô, một gian nhà lầu.

Khinh bỉ người đàn bà một cách oan uổng vì câu “còn xu, còn lúi, còn vợ còn chồng...” chỉ có thể gán cho một số ít đàn bà thôi. Ngoài ra vẫn còn nhiều đàn bà “thật đàn bà” biết lấy sự hy sinh làm hạnh phúc. Dòng giống những bà mẹ hiền đất Việt ngày xưa tảo tần nuôi con, nuôi chồng, hạng đàn bà mà nhà thi sĩ Tú Xương đã ca tụng:

“Quanh năm buôn bán ở mom sông,

Nuôi đủ năm con với một chồng”

chưa phải là hết hẳn.

Nếu ngày nay sống một cuộc đời mới, chúng ta không thể ung dung, an nhàn để nhờ vả một người đàn bà yếu đuối hơn mình, trái lại chúng ta rất có thể trồng cây ở đức hy sinh của họ để cùng nhau tạo nên một gia đình mà trong đó mỗi tình yêu thành thật, lòng tin cậy mãnh liệt ở nhau và ở tương lai sẽ là những số vốn đầu tiên hứa hẹn sự sung túc ở một ngày sẽ tới.

“Đợi thêm ít tuổi nữa, khi đã nếm trải đủ mùi đời sẽ hay”.

Câu này mới nghe qua rất hữu lý. Những cặp vợ chồng “son trẻ” quá khó lòng mà nhận thấy những trách nhiệm lớn lao đang chờ họ. Bởi thế, gia đình của họ có thể sụp đổ dễ dàng trước một vài nỗi khó khăn không đáng kể, hoặc vì một vài nguyên nhân con con. Đợi cho đúng tuổi, khi đã hiểu biết ít nhiều việc đời sẽ lập gia thất là điều rất lẽ phải.

Nhưng, hãy con chừng, chúng ta phải hiểu thâm ý của những người đã thốt ra câu này. Họ đợi thêm ít tuổi nữa không phải là để hiểu đời hơn, song là để kéo dài đoạn đời trai trẻ, để cho họ có dịp ăn chơi cho thỏa thích. Còn nói “để nếm trải cho đủ mùi đời” chúng ta nên hiểu đây là mùi thuốc phiện, mùi nồng nặc của men rượu, của hương tình. Theo họ hiểu, phải là trai “tứ chiến” mới là người từng trải.

Nếu hiểu nghĩa “từng trải việc đời” theo họ hiểu thì chúng tôi chắc “mớ từng trải” ấy đã không ích lợi gì trong sự kiến thiết một gia đình, trái lại nó còn là một mối hại. Nhiều bạn trẻ đã lý luận như thế này: “Lúc trẻ phải nếm đủ mùi đời, ăn chơi cho thỏa thích, khi đã chán chê sẽ nghĩ đến việc lập gia đình, chừng ấy không còn sợ sự sa ngã bất ngờ”. Nguy hại hơn là nhiều cha mẹ cũng tin tưởng như thế. Họ bảo: “Có con gái chỉ nên gả cho những người thạo đời”. Họ quên rằng “ngựa quen đường cũ”, không phải trong đầu hôm sớm mai người ta có thể dứt bỏ những thói quen đã bám chặt vào người. Biết bao nhiêu người đã nói: “Đến khi lấy vợ sẽ tu cũng chẳng muộn”. Nhưng sau khi đã thành gia thất, chúng ta vẫn thấy họ đem về nhà những thói hư thân mất nết, mầm gốc sự tan rã gia đình.

“Lấy vợ là tự trói mình bằng những cùm xích của gia đình”.

Thậm phải, nhưng thử xét gia đình trói buộc chúng ta những gì?

Nó buộc chúng ta sống một đời mực thước, một đời đạo lý để xứng đáng làm chủ gia đình.

Nó buộc chúng ta phải nỗ lực làm việc để đảm bảo sự sống cho gia đình.

Nhiều khi nó buộc chúng ta phải “quên mình” để nghĩ đến những người thân yêu.

Đó phải chăng là những cùm xích đáng ghê sợ, hay đó là những sự trói buộc rất cần thiết mà dù có đời sống độc thân đi nữa chúng ta vẫn cần đến.

Tóm lại, lập gia đình là điều cần thiết, hơn nữa đó là một bổn phận mà không ai có thể viện lẽ gì để trốn tránh, trừ phi những người thiếu hẳn một vài điều kiện quan trọng: sức khỏe, phương kế sinh nhai.

Thế nào là một cặp vợ chồng “xứng đôi”. Muốn hưởng hạnh phúc gia đình sẽ là một cái tổ ấm để cho người chồng nghỉ sau những giờ vất vả tranh đấu ở ngoài đời, để cho người vợ nhận thấy: là một thế giới riêng biệt mà họ là chúa tể, và đó là nơi để cho họ hoạt động đem hết tài sức để làm tròn bổn phận một người vợ, một người mẹ, điều kiện cần thiết là hai vợ chồng phải “xứng đôi”.

Người ta thường hay hiểu lầm nghĩa hai chữ “xứng đôi”. Thấy con trai ông bá hộ X cưới con gái ông đại điền chủ Y là người ta khen đôi “môn đăng hộ đối, thật xứng đôi”. Ai biết đâu cậu ấy là một nạn nhân của trụy lạc, là một thân thể sắp tàn rụi vì vi trùng lao, vi trung giang mai, về thể chất cậu ta không sao “xứng” với con gái vị điền chủ nọ, vừa lành mạnh, vừa đẹp. Nếu nói: cuộc phối hợp hai gia tài rất “xứng” có lẽ đúng hơn. Thấy một vị bác sĩ nọ sánh duyên với một “hoa khôi” là người ta kết luận: “trao tài gái sắc còn đôi lứa nào xứng hơn”. Nhưng họ biết đâu giữa hai vợ chồng ấy có một sự cách biệt hẳn về trí thức, nếu dưới vẻ đẹp lộng lẫy của cô mà người chồng không thấy một khối óc thông minh đủ sức để hiểu mình thì sao gọi là xứng đôi.

Sở dĩ có sự hiểu lầm như thế là bởi người ta thường xem việc hôn nhân như một công cuộc “làm ăn”, trong đó chỉ có mỗi lợi đáng kể, hoặc đó là một dịp để gây địa vị trong xã hội. Trong những cuộc đối chác về tiền của, về tước quyền ấy lẽ cố nhiên ái tình là điều phụ thuộc. Chúng ta không lấy làm lạ thấy nhiều cặp vợ chồng rất “xứng đôi” theo kiểu nói trên mà ăn ở với nhau không được bền chặt.

Hôn nhân là sự phối hợp giữa hai người, trong đó thân thể, tâm hồn, trí thức và địa vị xã hội đều phải hòa hợp với nhau. Nếu giữa hai người có sự chênh lệch về một vài phần nào đó thì họ không còn “xứng” với nhau nữa.

Điều hòa về thể chất, đó là điều kiện tối cần thiết để tạo nên một cặp vợ chồng thật xứng lứa vừa đôi.

Y học cho chúng ta biết: bao nhiêu gia đình phải tan rã, bao nhiêu cặp vợ chồng coi sự ăn ở với nhau như một “hình phạt” bởi giữa họ thiếu sự điều hòa về tình dục. Sức khỏe, nền tảng hạnh phúc cá nhân, cũng là nền tảng hạnh phúc gia đình. Chúng ta không thể tưởng tượng một gia đình êm ấm

trong đó người vợ phí hết thời giờ để làm viên nữ khán hộ săn sóc bệnh cho người chồng, hoặc người chồng tiêu mất nửa phần lương bổng mỗi tháng để chạy thang thuốc cho vợ. Và lại “cây lành sanh trái tốt”, nếu nửa thân cây bị hư hỏng thì trái thế nào được ngon lành? Bởi thế những cuộc hôn nhân thiếu sự điều hòa về thể chất là một mối nguy hại cho tương lai chủng tộc, nhiều bác sĩ đã đề nghị: chỉ có những người nào được giấy chứng chỉ sức khỏe do người thầy thuốc cấp mới có quyền làm phép cưới. Như vậy chẳng những vì sự ích lợi chung cho giống nòi mà cũng vì hạnh phúc riêng cho gia đình.

Sự điều hòa về tâm hồn cần thiết là điều dễ hiểu. Vì có yêu nhau gia đình mới mong sum họp. Những gia đình tẻ lạnh mà “mạnh ông, ông ăn chả; mạnh bà, bà ăn nem” là những gia đình thành lập vì lý trí hay vì lợi lộc, không vì tình yêu. Có yêu nhau mới có thể tha thứ cho nhau mà ở đời. Lấy vợ là lấy cho mình, nếu vì một lẽ gì mình nhận cưới một người mình không thành thật yêu, hết lòng yêu là mình lừa dối một người đàn bà vô tội. Một người biết trọng nhân phẩm không bao giờ làm một việc vô liêm sỉ như thế.

Đến sự điều hòa về trí thức, về địa vị xã hội cũng là điều quan trọng. Câu “môn đương hộ đối” mà nhiều người cho rằng quá khắt khe, bất hợp thời vẫn có nhiều phần đúng. Có cùng ở trong một giai cấp mới có cùng những tư tưởng, những lối sống phù hợp với nhau. Trong tiểu thuyết *Trống Mái*, Khải Hưng có tả cuộc tình duyên giữa Hiền, một cô gái thượng lưu ở Hà Nội, và Vội, một anh chàng chài lưới ở Sầm Sơn. Cũng may tác giả không cho chúng ta thấy cuộc tình duyên lãng mạn ấy kết liễu bằng một cuộc hôn nhân. Vì nếu họ được thành vợ chồng, thật chúng ta khó nghĩ đến cảnh gia đình của họ khi “nàng” khoác tay “chàng” đi dạo phố hoặc đi ăn ở tiệm.

Nhiều bạn trẻ “gửi quả tim” của họ không nhằm chỗ. Khi thì họ đặt ở nơi quá cao, khi thì họ đem nó xuống dưới quá thấp. Bởi không nhắm trước xem sau nên khi phải chạm trán vào “bức rào xã hội” lắm người phải “ôm hận nghìn đời” vì cuộc tình duyên dang dở. Khôn ngoan hơn, họ sẽ tìm vợ ở những giai cấp của họ, cùng trong hoàn cảnh với họ. Như vậy họ sẽ dễ gặp người mà trí thức, tư tưởng có nhiều chỗ phù hợp với họ hơn.

Bàn về sự chọn vợ chồng, trong quyển *Con Đường Hạnh Phúc*, bác sĩ V. Pauchet có nói đại để: “Đến lúc phải chọn một người vợ, không những anh chỉ xét xem người ấy có đúng đắn, có khôn ngoan, có hiền lành chẳng, song anh phải xin họ một tấm ảnh của họ chụp mà không sửa chữa để nhờ một nhà tướng học xem; anh đòi họ một trang chữ viết để cậy một nhà chiết tự xem và sau hết anh buộc họ đi chiếu điện (bây giờ hiểu là đi siêu âm, chụp cắt lớp) xem bộ ruột già có tổng phân được điều chẳng, nếu không thì đừng cưới, vì anh sẽ khổ... còn nếu anh trót thương thì anh phải lo chạy chữa đến khi họ được lành mạnh”. Đây chỉ là lời tiên đoán của một bác sĩ sáng suốt nhưng chúng ta phải ước mong nó sẽ thành sự thật. Đem ảnh cho nhà tướng học xem, đem chữ nhờ nhà chiết tự xem là để biết khí chất, tính tình của người mình sắp cưới; nhờ người thầy thuốc xem bộ ruột

già có bốn chãng là chăm lo sức khỏe cho người vợ tương lai. Đó là biết cách chọn một người mà từ thể chất đến tính tình đều hòa hợp với mình, một người vợ thật “xứng” với mình vậy.

Phạm Cao Tùng

Muốn nên người

Chương 7

LẬP THÂN: TỔ CHỨC CUỘC ĐỜI ĐỂ LÀM NÊN

*Anh được tự do sống hay là để
mình bị lôi cuốn theo sự sống.*

Bác sĩ V. Pauchet

Cần tổ chức cuộc đời.

Trước khi lên đường nhà du lịch khôn ngoan phải có trước mặt những chương trình rõ rệt. Họ phải có một hành trình nhất định, phải hỏi ngày giờ xe chạy, tìm xem bản đồ những thị thành sắp trải qua, chọn những khách sạn sẽ ngủ, dự định số tiền sẽ tiêu dùng và nhất là phải có một mục đích rõ rệt: Đi đâu? Đi để làm gì? Như thế mới mong tránh khỏi những cảnh bất ngờ của những chàng lang thang đi đâu cũng trễ giờ tàu, lỡ bước ở nhiều nơi không có một khách sạn phải ngủ giữa trời hoặc thiếu hụt tiền.

Trên đường đời cũng không khác, muốn đi đến chốn, muốn tránh những bất ngờ chúng ta phải chuẩn bị và thảo trước một chương trình để sống, chúng ta cần tổ chức cuộc đời.

Một nhà văn nói: “*Tương lai chẳng phải là điều sẵn có để ta chờ đợi, chúng ta phải biết tự tạo lấy nó*”. Muốn tạo lấy tương lai chúng ta phải có gan nắm lấy vận mạng trong tay để điều khiển, song cũng phải biết tổ chức cuộc đời để đi mau đến nơi đến chốn.

Những người sống một cách vô ý thức, một cách luông tuông, một cách thụ động, phó thác cuộc đời cho vận mạng, cho may rủi lôi kéo. Sống để làm gì? Họ không rõ. Năm tới, tháng tới, ngày mai sẽ làm gì, họ cũng không biết hoặc không cần biết; cho nên trên đường đời những bước vinh quang họ ít gặp, lại thường gặp những trở lực mà với một chút ý thức nếu họ đã lo trước, rất có thể tránh khỏi.

Tổ chức cuộc đời là xếp đặt một chương trình để do theo đó mà hành động. Nó cũng như bức địa đồ chúng ta sẽ do đó mà đi. Trước hết, phải có một chương trình tổng quát về đời sống; sau đó, những chương trình hàng năm, hàng tháng, hàng tuần, hàng ngày.

Trong chương trình tổng quát chúng ta sẽ ghi những giai đoạn phải trải qua, những phương tiện để dùng, thời gian tiên liệu để đi đến mục đích.

Trong chương trình hàng năm, hàng tháng, hàng ngày chúng ta sẽ ghi những công việc phải làm để thực hiện chương trình nói trên.

Những chương trình ấy sẽ làm cho chúng ta thêm phấn khởi khi thấy rõ những đoạn đường đã trải qua, sẽ thúc giục chúng ta nỗ lực thêm để làm việc, để đi mau đến mục đích đã nhắm.

Với những chương trình ấy chúng ta sẽ dùng thời giờ một cách đặc lực, không hoang phí một giờ, một phút. Sáng thức dậy, chúng ta đã thấy những công việc phải làm, những công việc nào phải làm trước và như vậy suốt ngày không có giờ phút nào đầu óc chúng ta rỗng không, để than như nhiều người: “Độ này dư thời giờ, chán quá, chẳng biết làm gì cả”. Hoặc dư thời giờ để nói xấu, gièm pha, xoi bói hay hờn giận kẻ khác.

Có những chương trình ấy chúng ta mới tiến tuần tự, chắc chắn không sợ vấp ngã. Chúng ta đã định trước, đã biết trước cái gì chúng ta còn khuyết điểm cần phải bổ sung về phương diện thể chất cũng như về phương diện tri thức hoặc tâm thần hay xã hội. Không như nhiều người, thấy cái gì hay cũng muốn học, không hiểu điều ấy có đặc dụng với mình chăng? Có nhiều bạn trẻ thấy người ta xem sách triết lý cũng cố gắng nghiêm ngẫm nào là triết học Nietzsche, triết học Einstein, trong khi đó họ chưa biết sơ qua những điểm về tâm lý thực nghiệm để rèn luyện ý chí, để sử dụng trong khi giao tiếp với người. Hoặc có người thấy hô hào việc thể thao cũng nhảy ra chơi thể thao trong lúc ấy còn kém sức khỏe, đáng lẽ phải trải qua một thời gian tập thể dục cho có đủ sức vóc để chơi thể thao.

Nếu tôi nhớ rõ, trong quyển *Guide de la santé*, ông Gandhi đã nói đại để: “*Họ lâu thông ngọn núi Himaylaya cao bao nhiêu thước, con sông Gange dài bao nhiêu cây số mà những điều thiết thực cho sự sống của họ, ăn làm sao, thở làm sao cho đúng phép vệ sinh họ chưa bao giờ để ý đến*”.

Tóm lại, người biết tổ chức đời sống là người lái thuyền khôn ngoan, trước khi xuất hành biết xem trời, xem nước, biết dò xét chỗ nào sông cạn, chỗ nào có đá nổi; khi cầm lái họ biết chiều theo gió, theo dòng nước mà lướt thuyền, biết nơi nào có đá nhọn để tránh. Cuộc hành trình của họ nhờ thế mà suông sẻ và họ có thể tin chắc rằng họ sẽ đến bên bình an. Với những bạn trẻ sắp rời bỏ ghế nhà trường để bước chân vào trường đời, chúng tôi muốn nhắn: “Hãy tổ chức cuộc đời”.

Muốn tổ chức cuộc đời trước phải tạo cho mình một mục đích để sống, phải tìm ra ý nghĩa đời sống.

Do đó, chúng ta sẽ dàn xếp chương trình đời sống của chúng ta.

Ý nghĩa của đời sống.

Muốn tìm nguồn vui sống, muốn ham sống, muốn có can đảm để sống chúng ta phải tìm cho đời sống một ý nghĩa.

Muốn tổ chức cuộc đời, chúng ta cần phải đặt cho nó một mục đích, để theo đó mà dàn xếp cuộc đời.

Tìm một ý nghĩa cho đời sống? Nhiều người nói: “Sống là sống, đời sống chẳng có ý nghĩa gì cả, vì đời sống tự nó đã là cứu cánh rồi”. Định nghĩa như vậy có khi viển vông và mù mờ quá chăng?

Chúng ta thử đi tìm ý nghĩa thiết thực của đời sống để làm phương hướng cho những hành động của chúng ta sau này.

Ý nghĩa của đời sống? Làm sao quy định nó được trong khi cuộc đời là một tấn tuồng trăm cảnh mà những vai tuồng cũng hết sức phức tạp. Mỗi người do khí chất, do giáo dục, do hoàn cảnh xã hội sẽ nhìn đời bằng cặp mắt khác nhau, họ sẽ gán cho đời những mục đích khác nhau.

Có người suốt đời chỉ lo luyện tập thân thể nở nang để thành những pho tượng, lo bổ dưỡng người họ bằng những ống thuốc chích, những liều thuốc bổ. Để mà chi? Để mà tận hưởng tất cả những khoái lạc ở trên đời. Với họ, đời chỉ là những trò khoái lạc, những chơi nhiều thì lãi, người nào không biết hưởng là thua thiệt. Song một khi con người họ mà được thỏa mãn đầy đủ, một khi họ đã tận hưởng tất cả những khoái lạc trên chợ đời họ vẫn thấy mình còn xa cõi hạnh phúc. Họ đã thấy chán chê, có khi ghê tởm những cái gì trước kia họ đã thờ phượng. Họ là những người sống chỉ biết phụng sự cái “tôi” vật chất của họ.

Trái với hạng trên, có người chỉ thiên về đời sống tinh thần. Họ ghét cay ghét đắng những cái gì dính dấp đến phần vật chất mà họ cho là quá tầm thường không đáng kể. Đó là những chàng thư sinh cầm đầu cầm vở vào những đồng sách mà không biết thâm lấy trong đó hiểu biết kia một ích lợi thiết thực nào. Lớn lên, họ sẽ là nhà trí thức thuần túy, lúc nào cũng toang mang khối óc, đem lý trí ra để xử sự. Họ giải quyết vấn đề... song chỉ giải quyết trong óc tưởng tượng hoặc giải quyết trên mặt giấy. Họ là những người mà một chính khách đã tặng cho cái danh hiệu “*Những nhà làm việc âm thầm*”, bởi họ không thích sống giữa trận chiến ồn ã mà chỉ thích hành động trong sự lặng lẽ, âm thầm của buồng giấy. Chẳng những họ là những người bất lực mà cũng là những người hèn nhát, những người lười biếng.

Có người chỉ thiên về tâm thần, bị những thuyết thần bí ám ảnh. Mọi sự ở đời này họ không màng, cuộc đời thực tế họ không kể. Họ sống là sống gửi, sống tạm để chờ lúc thác về nơi non Bồng, nước Nhược hoặc một thiên đường nào đó. Họ là những người sợ sống, không dám sống, chỉ lo trốn tránh cuộc đời. Nhưng chạy trời sao khỏi nắng, nếu họ không muốn tiến, cuộc đời vẫn tiến, và lâu lâu nó

sẽ nhắc chừng họ bằng những bài học đau đớn. Hạng này ta thấy rất nhiều ở những nước hậu tiến, nói ngược lại chính hạng này làm ngưng trệ cuộc tiến hóa của xứ sở họ.

Chúng tôi không nhớ đã xem đâu đây một truyện ngắn của M. C Poincot: “*Tiếng Lòng*”, kể chuyện một triết nhân đi tìm chân lý bằng cách lắng nghe tiếng lòng, bởi ông nghĩ chỉ có cách đi sâu vào cõi lòng mới tìm thấy chân lý.

Bắt đầu ông lánh xa bè bạn, ngưng lại cuộc đời hoạt động để suy tưởng. Chưa vừa ý, ông đi lánh mình nơi đồng bãi an tĩnh. Song rồi cũng bất mãn, ông ta phải xa hẳn cuộc đời văn minh bởi “tiếng ồn ào của nó vẫn còn lấp mãi tiếng lòng ta”. Ông bèn đi vào nơi rừng sâu tĩnh mịch, mỗi đêm ngồi suy gẫm để lắng nghe tiếng lòng và chờ đợi tia sáng của chân lý, song luồng công vô ích. Ông bắt đầu nản chí rùn lòng, bỗng có một đấng tiên hiện xuống dạy cho ông ta biết ông ta đã lạc đường. Chính ông phải tìm nghe tiếng lòng ấy giữa loài người, giữa những tiếng reo hò hay than khóc, ở giữa sự yêu thương hoặc thù hiềm của loài người. Câu “mình biết mình” của Socrate chỉ có thể thực hiện là khi mình biết đến người khác, biết đến những loại.

Một hạng người khác chỉ thấy trước mắt những lợi danh. Họ gạt bỏ hết mọi tình cảm, vứt qua bên những giá trị tinh thần, đập lên những bức rào luân lý, đạo đức để vơ vét thật nhiều tiền của, cố đoạt nhiều quyền thế trong tay. Đó là bọn người hãnh tiến. Về phương diện xã hội chúng ta có thể nói họ là những người đã sống một cách đầy đủ nhất, nhưng sự thật một khi những ham muốn họ đã đạt thành, một khi đã ngồi trên ô tô, ở nhà lầu, một khi họ có thể nhất hô bá ứng, một khi họ đã đến nơi đến chốn, họ vẫn cảm thấy đời trống trải một cách kỳ lạ. Chỉ sống đầy đủ về phương diện xã hội chưa có thể nói là biết sống.

Trong cuộc đi tìm ý nghĩa đời sống những hạng người nói trên không phải hoàn toàn lầm lạc. Nhưng họ bị chóa mắt không nhìn rõ toàn diện đời sống. Có thể ví họ như một người khách được mời đến dự một bữa tiệc linh đình mà chỉ sơ đưa qua một vài món mà thôi. Họ chỉ ném miếng canh, hoặc chỉ ăn một miếng chả, còn bao nhiêu hảo vị khác, còn yến xào, còn quà ngon, còn trái ngọt, còn rượu nồng, còn chè thơm... họ quên không mớ tay đến.

Con người không chỉ là một cánh tay, một khối óc hay một quả tim. Con người là tất cả. Không thể phân chia con người vật chất, trí thức, tâm thần hay xã hội. Cũng phải làm nảy nở cách điều hòa và đến tận độ tất cả những phần ấy.

Lẽ dĩ nhiên không mấy ai được hoàn toàn về mọi phương diện, song mọi người đều có thể tiến hóa điều hòa về tất cả những phần ấy. Hoặc có thể chuyên lo một phần nào đó được phát triển cách đầy đủ, thí dụ nhà học giả muốn nổi tiếng phải chuyên luyện về phần trí thức, người ấy phải để nhiều thời gian mà học hỏi, mà biên soạn, song không vì thế mà xao nhãng việc mưu sống hoặc bỏ bê phần thể chất. Chúng ta đã từng thấy bao nhiêu nhân tài bị mai một vì thiếu một vài điều kiện hết sức tầm thường: sức khỏe, tiền bạc.

Phấn đấu để mà tiến, luôn luôn tiến hóa về mọi phương diện: thể chất, trí thức, tâm thần, xã hội. Ý nghĩa cuộc đời chỉ có thế.

Tiến đến đâu? Chúng ta không cần biết và cũng không cần đặt bờ bến là đâu cả.

Nên tổ chức đời sống như thế nào?

Đã có một quan niệm chắc chắn về cuộc đời, đã hiểu, sống chỉ có một mục đích: phấn đấu để tiến hóa, tiến hóa để khỏi lùi, luôn luôn tiến hóa về mọi phương diện, bây giờ chúng ta sẽ theo những đích ấy mà dàn xếp đời sống.

Ở đây đáng lẽ ra chỉ nên nói đến chặng đời từ 18 đến 20 tuổi trở lên, vì chừng tuổi ấy chúng ta mới đủ điều kiện để tổ chức đời sống. Đoạn đời từ bé đến 20 tuổi chính thực là ở trong tay cha mẹ điều khiển.

Song ở đây chúng ta cứ bắt đầu ở chỗ đáng bắt đầu: sẽ theo dõi một người từ lúc lọt lòng mẹ. Như vậy nếu hiện giờ cái thời gian ấy đã qua hẳn chúng ta không còn mong gì tổ chức đoạn đời ấy, chúng ta còn cái hy vọng sẽ biết để điều khiển đời sống những đứa con chúng ta sau này.

Ở một xã hội tân tiến, người ta săn sóc đứa trẻ từ khi còn trong bào thai hoặc trước hơn nữa, như một nhà giáo dục nào đã nói: *“Sự giáo dục đứa trẻ bắt đầu từ 25 năm trước bằng sự giáo dục người cha và người mẹ”*.

Người ta phòng ngừa chẳng để cho những người mắc bệnh di truyền, những người loạn óc, những người nghiện rượu sinh con nối dõi. Vì nếu họ có sinh sản thì những đứa con đã thọ hưởng cái di truyền khốc hại ấy sẽ là những đứa trẻ đần độn hoặc èo uột, những mối nợ cho xã hội.

Từ lúc sinh đến 7 tuổi.

Chúng tôi muốn tưởng tượng một đứa bé do những cha mẹ thật khỏe mạnh sinh ra và đã được dưỡng nuôi cách hợp lý. Chăn nuôi cách nào? Lẽ cố nhiên không phải nuôi nó trên đệm êm chăn ấm như ta thường thấy. Đứa trẻ muốn được nở nang khỏe mạnh cũng như cây cỏ, cần sống giữa thiên nhiên, cần nhiều khí trời, nhiều ánh sáng mặt trời. Những trẻ con sống giữa đồng bãi, vì cha mẹ phải lo làm ăn hơn là lo nuôi con, bị bỏ lẩn lóc đã vô tình hưởng được những món thuốc bổ thiên nhiên nói trên. Chúng nó khỏe mạnh vạm vỡ hơn những đứa con nhà giàu luôn luôn ấp ủ trong nhà, luôn luôn có người bông bé, những đứa con mà “nắng không ưa, mưa không chịu” ấy càng được ấp ủ bao nhiêu càng yếu đuối bấy nhiêu. Họ cũng tránh sự “dồn nhét” thức ăn cho đứa bé. Nhiều người mỗi lần con kêu khóc là cho chúng nó bú hoặc ăn. Họ có biết chẳng số người chết vì đói ít hơn số người chết vì ăn vô độ, ăn tạp nhạp.

Từ 7 đến 15 tuổi.

Chúng tôi vẫn nói đến đứa trẻ có phước được cha mẹ nuôi khéo ấy. Bảy tuổi: Sau khi đã tạo cho nó một số vốn sức khỏe kha khá, cha mẹ sẽ dẫn nó đến trường nhờ thầy khai thác mở mang khối óc của nó. Mở mang trí óc mà cũng không quên việc luyện tập thân thể, vì sức khỏe có dồi dào trí óc mới dễ phát triển. Những trò chơi giữa trời, tập thể dục theo lối thiên nhiên của G. Hébert là những phương tiện đặc lực để tạo cho nó “*một tinh thần mạnh chứa đựng trong một thân thể khỏe*”.

Từ độ này cha mẹ bắt đầu săn sóc nhiều về tinh thần của nó. Trí óc nó đang độ nở nang, còn mềm dẻo rất dễ uốn nắn. Người thầy phải chuyên lo mở mang việc học vấn. Việc giáo dục của nó cha mẹ nó phải chăm lo lấy. Đứa con hư hay nên là do ở cha mẹ biết dạy dỗ nó cùng không. Dạy dỗ nó không phải là đánh đập chửi mắng mỗi khi nó lầm lỗi. Dạy bảo nó chỉ có cách hay hơn hết là dạy nó bằng cách trực tiếp, nghĩa là làm gương cho nó noi theo.

Muốn cho con mình trở nên hùng dũng, ta phải là người mộ việc võ, cứ cho nó tập võ, múa kiếm, đánh roi, thường thấy những nguy hiểm đi qua trước mắt, lần hồi nó quen không còn nhát nữa.

Muốn nó trở nên hép hát hãy cho nó nghe đờn ca hát xướng mãi rồi nó sẽ nhiếp.

Muốn cho con hiếu học hãy tỏ cho nó thấy ta đây rất chăm học. Nhiều người khuyên con nên chăm học mà ở nhà thì bài bạc suốt đêm, cả năm không bao giờ đứa con thấy cha nó mó đến quyển sách, thì dù cha nó khuyên lon cách nào cũng như nước đổ lá môn. Đứa trẻ chỉ tin, chỉ làm theo những gì nó thấy trước mắt, nó không hiểu nổi câu: “*Làm theo những lời tạo dạy, đừng làm theo những gì tao làm*”.

Giáo dục nó là buộc nó sống theo một quy phạm. Thảo cho nó một chương trình sống hằng bữa: giờ nào thức dậy, tập thể dục, học, giải trí v.v... rồi cứ theo đó mà xem chừng coi nó có tuân giữ đúng chẳng. Nếu nó sai lệnh, phải buộc nó, nếu cần phải dùng con roi để ép buộc nó biết chịu khó, biết ráng sức. Đó là rèn cho nó tinh thần rắn chắc vậy.

Từ 15 đến 23 tuổi.

Nếu đã được nuôi dưỡng cách hợp lý như đã nói trên, đến tuổi này, người bạn trẻ của chúng ta đã thành một người khỏe xác mà cũng mạnh hồn.

Tuổi này sức khỏe còn nguyên vẹn, tinh thần chưa nao núng, sinh lực dồi dào, đầu óc còn thanh thoi chưa bận nghĩ đến việc mưu sống, họ phải biết dùng thời gian này để hết tâm trí vào việc học vấn, còn chút thì giờ rảnh thì vui đùa chơi thể thao, giải trí bằng sách vở, khoan vội nghĩ đến việc xã hội. Có anh còn mang sách đến trường cũng tập tành viết báo, lập văn đàn, đua nhau làm thơ. Có anh lại lên mặt người lớn, tối tối thả vào các tiệm khiêu vũ, chủ nhật cũng lên trường đua góp tiền “cỏ lúa” cho ngựa. Tại sao họ không giữ tâm hồn trẻ trung, lòng trong sạch của tuổi xuân lâu dài? Những thú vui trong sạch không thiếu: có thân hình được nở nang, sức khỏe đầy đủ họ có thể chơi các môn thể

thao tranh đấu mà không bị hại.

Đem dùng sức thừa của họ trong những cuộc tranh đua mệt nhọc là một cách để tránh xa những quyền rũ của xác thịt. Đương tuổi ấy, họ phải đặt danh dự ở chỗ được chọn vào một đội banh quốc tế hơn là được đi cặp với một nhan sắc trong tiệm khiêu vũ.

Đến tuổi này, một người dù trí óc kém cũng đã có thể chiếm được bằng tú tài hoặc ít hơn nữa bằng thành chung. Việc học phổ thông đã xong, bây giờ họ có hai con đường để chọn:

- 1) Bước lên nền học cao đẳng.
- 2) Xoay qua học nền học chuyên nghiệp.

Nếu gia đình có đủ điều kiện, nếu sức học người đó còn phát triển, quý hơn là họ đeo đuổi việc học đến cùng. Học đây không có ý nghĩa là chạy theo một mảnh bằng. Học là để trở nên một “giá trị”, để trở nên một “thượng lưu” đúng với ý nghĩa của chữ này. Hạng thượng lưu bao giờ cũng cần thiết cho xã hội. Những cuộc phát minh lớn lao, những cuộc tranh cãi có nhiều ảnh hưởng xưa nay đều là công việc của “một người”.

Cha mẹ nên cố gắng, nên hy sinh để giúp cho con cái kéo dài thời gian học hành, nếu nhận thấy đứa con có khiếu về học vấn nên chịu tốn kém cho nó học, số tiền ấy không mất. Đó là cách để dành tiền chắc chắn và có lợi nhất.

Song không phải mọi người đều được cái may mắn ấy. Nhiều người vì gia đình túng thiếu phải ngưng việc học, họ phải nghĩ đến việc chọn một nghề để sống. Nếu đã chọn lấy một nghề thì lúc này họ chỉ có hai phận sự: học nghề và rèn nghề. Họ sẽ mong ước sao được trở nên một tay vô địch trong nghề nghiệp. Ngoài những giờ làm nghề, học nghề họ còn phải lo tự học để mở mang thêm phần tri thức. Tự học bằng cách đến xem sách ở thư viện, bằng cách nghe diễn thuyết, bằng cách xem những báo chí hữu ích. Lắm người khi ra đời làm ăn bỏ phé tất cả việc học, họ cũng xem sách, xem báo, song họ xem để giải trí, để tiêu khiển hơn là để học.

Từ 23 đến 30 tuổi.

Lập thân: Đó là phần quan trọng nhất ở giai đoạn này. Dù hoàn cảnh gia đình ra sao, đến tuổi này người bạn trẻ cũng phải nghĩ đến việc đó. Có nuôi sống thân họ mới có thể nghĩ đến việc giúp dân giúp nước. Có nuôi sống nổi thân họ mới mong sống đời độc lập, mới có thể đeo đuổi theo chí hướng của họ.

Có gầy dựng một địa vị chắc chắn đủ đảm bảo sự sống cho gia đình, họ mới có thể nghĩ đến việc lập gia đình, phận sự mà mỗi người phải gánh vác. Mỗi khi đủ sức khỏe, đủ tiền bạc họ phải nghĩ đến việc lập gia đình, không thể vì lòng ích kỷ, vì muốn tránh gánh nặng gia đình mà thôi thác. Họ cũng không nên xem phận sự ấy như một trò chơi hoặc một cuộc thí nghiệm dễ dàng, sung sướng thì bước tới, đến khi gặp khó khăn thì rút êm. Theo tục lệ người Pháp, trong chiếc nhẫn xin cưới người ta cho

khắc một cành lá của những người tử đạo, biểu hiện sự hy sinh để nhắc nhở đôi vợ chồng mới: mục đích của hôn nhân là hy sinh chứ không phải là hạnh phúc, theo nghĩa hạnh phúc ái tình người ta thường hiểu.

Tuổi này cũng là tuổi “tập sự” để vào đời, họ phải lăn xả vào cuộc đời, đừng sợ những thất bại. Nếu suy tính đắn đo mãi thì họ không dám ra thi thố một công việc gì. Chúng tôi không nhớ rõ một nhân vật nào đã nói: “*Người nào không làm gì cả thì suốt đời không làm lỗi, nhưng đời họ là một làm lỗi to*”. Có thất bại họ sẽ được thêm mớ kinh nghiệm; có thất bại, có phân đấu, gan, chí của họ mới được rắn chắc thêm. Sắt mà sợ lửa nóng thì có mong gì trở nên thép.

Từ 30 đến 50 tuổi.

Đây là lúc đem tất cả những khí giới chúng ta đã rèn luyện để xông pha ra trận đời. Đây là lúc hoạt động, nỗ lực làm việc để tranh sống với đời, để chiếm lấy một địa vị trong xã hội, hoặc lập nên một cơ nghiệp gì cho xứng với thiên chức làm người, như nhà thi sĩ đã nói:

Đã mang danh đứng trong trời đất,

Phải có danh gì với núi sông.

Nguyễn Công Trứ

Một khi đã nên danh phận, chúng ta phải nghĩ đến người khác, đưa tay ra dìu dắt một bạn trẻ, giúp họ một tay nếu thấy họ quyết chí làm ăn nhưng thiếu tiền bạc. Người Mỹ gọi là “đem sự may mắn cho một người”. Nếu tiền bạc đã dư dả nhiều chúng ta nên mở mang nhiều công cuộc xã hội: lập thư viện, giải thưởng văn chương, lập những viện để nghiên cứu, tìm tòi về khoa học hoặc về một vấn đề gì. Công đức chúng ta có kém gì những người dùng tiền cúng chùa, cúng miếu, đúc chuông, đúc tượng.

Từ 50 tuổi trở đi.

Mùa trồng trọt đã qua. Ở tuổi này chúng ta chỉ còn mong gặt lấy những cái gì chúng ta đã gieo. Nếu lúc thiếu thời chúng ta ăn chơi trác táng, lúc này chúng ta phải chịu bệnh tật già yò. Nếu lúc trước chúng ta lo nỗ lực làm ăn, lo cần kiệm, bây giờ chúng ta sẽ hưởng tuổi già trong sự sung túc. Chúng ta chỉ gặt những gì chúng ta đã gieo và không gieo gì cả thì chúng ta cũng chẳng có gì mà gặt.

Đã dàn xếp đời sống chúng ta cứ theo đó mà thi hành. Chúng ta có thể tự bằng lòng. Dù thành công hay thất bại có hề gì? Chúng ta có thể an ủi rằng mình đã làm hết sức mình. Nếu từ thân đến rước chúng ta sẽ bữu môi nói như nhà thi sĩ:

“Một mai tôi có thác, người ta sẽ nói: có hề gì, nó đã sống”.

Chọn lấy một mục đích để sống.

Anh hãy chọn lấy một mục đích, nó có thể là mục đích duy nhất của đời anh.

Diderot

Chúng tôi đã nói qua về mục đích của đời sống, về cách tổ chức cuộc đời. Bàn một cách tổng quát như thế có khi chưa được thiết dụng cho bạn trẻ cho lắm. Chúng ta hãy đi sát vào vấn đề hơn, bàn về sự chọn lấy một mục đích để sống.

Tìm hiểu mục đích của đời sống là để biết phương hướng chúng ta sẽ đi. Chọn lấy một mục đích để sống là quyết định một con đường đi. Mục đích đây phải là một mục đích rõ rệt, thiết thực, một mục đích chúng ta có thể thực hiện được. Mục đích đây phải là một mục đích chính đáng, lớn hay nhỏ, cao hay thấp đó là tùy tài sức, tùy hoàn cảnh mỗi người, song mục đích ấy phải là một chân mục đích, nghĩa là phải hữu dụng cho mình hoặc cho người khác. Nếu bạn có hoài bão trở nên một tay chơi bi da đại tài, hoặc trở nên một nhà vô địch cờ tướng bạn không thể cho rằng đã nuôi một mục đích.

Mục đích như con chim, càng nhắm xa bao nhiêu chúng ta càng khó bắn trúng bấy nhiêu.

Nói đến sự chọn lấy mục đích, nhiều người nghĩ ngay đến cái gì “siêu phạm”, “vĩ đại”. Nói đến mục đích là ngó lên chót vót nấc thang trong xã hội. Họ chỉ muốn làm ông “thánh” để cứu vớt chúng sinh khỏi bể khổ, họ muốn làm một “đại văn hào” để đưa đường dắt lối cho quần chúng, họ chỉ muốn làm một “vua tiền bạc” để có thể “nhất hô bá ứng”. Họ chỉ thấy những mục đích đẹp đẽ nhất, to tát nhất, họ không cần biết mục đích ấy họ có thể thực hiện nổi chăng? Mục đích cũng như con chim, càng nhắm xa bao nhiêu chúng ta càng khó bắn trúng bấy nhiêu. Chọn lấy một mục đích xa vời mà chúng ta không bao giờ thực hiện được có ích lợi gì hay là gieo mối chán nản, căm hờn vào lòng chúng ta? Trong quyển *Lập Thân*, Ch. Rivet đã khuyên ta nên thiết thực: *“hãy làm việc cho một mục đích rõ rệt hơn là một mục đích viễn vông”.*

Phải lẽ hơn, chúng ta nên chọn một con đường nào ít người chen lấn, hoặc tài sức của những kẻ đồng hành hoặc kém hơn hoặc bằng ta, như vậy chúng ta mới mong đi đến nơi, đến chốn cách dễ dàng.

Lời khuyên của ông A. Carnegie: *“Chỗ ngồi tôi ở trên đỉnh”* rất nguy hiểm và chỉ có một số ít người có thể tin dùng.

Trước khi chọn lấy mục đích ấy, chúng ta nên tự hỏi: Hoàn cảnh chúng ta đang sống có thuận tiện để thực hiện mục đích ấy chăng? Một thanh niên học cỡ sơ đẳng mà muốn trở nên nhà học giả, một tiểu thương gia xứ này mà muốn trở nên một “vua cao su” hay “chủ nhà băng” là nhằm những đích xa

vời quá. Người thanh niên kia với sức học ấy có thể mong trở nên một tay thợ khéo, nhà buôn nọ có thể mong làm chủ một cửa hiệu to, đó là những mục đích, ngoài ra những mộng ảo.

Đừng bắt cả hai tay, phải biết chọn lấy một mục đích.

Ít có người an phận sống một mục đích. Túi tham chúng ta thật không đáy, trong một khoảng đời ngắn ngủi chúng ta muốn “sống” thật nhiều cảnh, đóng nhiều vai tuồng để vợ vét thật nhiều tài sản về tinh thần cũng như về vật chất. Có khi vì hấp tấp muốn mau “đến nơi đến chốn” nên chúng ta luôn luôn đổi chí hướng, mỗi khi gặp sự khó làm chậm tiến những hoài bão chúng ta ôm ấp. Có người đang an phận về nghề viết văn, thấy người ta phát tài nhờ làm thầu khoán liền gác bút nhả ra làm thầu thầu khoán hoặc có người đang làm nhà viết tiểu thuyết có biệt tài, thấy có phong trào khảo cứu lịch sử thế là họ cũng tập tễnh sang lĩnh vực khảo cứu.

Trong quyển *Một Nghệ Thuật Sống*, ở đoạn nói về nghệ thuật làm việc, A. Maurois có viết: “*Chúng ta được thấy những kẻ không biết đích xác là mình có khiếu về gì và lúc thì nói: “Tôi có thể thành một nhạc sĩ đại tài”, lúc thì: “Nếu tôi kinh doanh chắc tôi sẽ thành công rất dễ”, lúc thì: “Tôi là chính trị tôi sẽ đắc thắng”. Hãy tin chắc rằng những kẻ ấy suốt đời là những nhạc sĩ tầm thường, những nhà công nghệ phá sản và những nhà chính trị thất bại. Napoléon dạy ta rằng: “Bí thuật để chiến thắng là hơn người về một điểm, bí thuật của cuộc đời là lựa chọn lấy một việc rồi tập trung tất cả lực lượng của mình vào đó...”*”.

Một mục đích chính với một mục đích phụ.

Đã nhận: mục đích tối cao của đời sống là luôn luôn tiến hóa về mọi phương diện, vậy nếu sống mà chỉ nuôi một mục đích chẳng hóa ra mâu thuẫn? Không, chúng ta vẫn có thể theo đuổi một mục đích chính và tạo thêm một vài mục đích phụ. Thường chúng ta nên có một mục đích chính về đời sống vật chất (một địa vị, một công việc làm ăn, một nghề nghiệp) và một vài mục đích phụ thuộc về đời sống tinh thần (theo đuổi một môn học nào, chuyên luyện về một vài môn kỹ thuật gì). Đây là chủ nhân ngôi hàng tạp hóa ở một góc đường, người ấy đã quyết trở nên một “đại thương gia” và mục đích chính của y là mở một cửa hiệu đồ sộ ở một đại lộ sang trọng. Trong khi học đòi theo đường doanh thương, người ấy có thể theo đuổi vài mục đích phụ như học thêm nghề nhiếp ảnh và nghiên cứu về nghệ thuật ấy. Mục đích phụ này cốt để tô điểm thêm đời sống (biết thưởng thức một nghệ thuật), song cũng có khi nó sẽ giúp y lập nghiệp nếu y thấy đã thông thuộc nghề ấy để có thể đem ra làm một nghề.

Mục đích của mỗi người riêng ôm ấp tuy khác nhau song vẫn có giá trị ngang nhau.

Có người chia loài người ra làm bốn hạng.

Người hạ đẳng sống vì thị dục.

Người sơ đẳng sống vì mình.

Người trung đẳng sống vì quốc gia xã hội.

Người thượng đẳng sống vì nhân loại.

Như vậy không đúng. Ngoại trừ hạng người sống vì thị dục là người sống vô chủ đích thì không đáng kể. Còn những hạng người kia nếu họ đã có một mục đích chính đáng để sống thì dù họ sống cho họ, cho xã hội hay cho nhân loại thì những mục đích ấy tuy có khác song vẫn có giá trị ngang nhau. Có ai dám bảo rằng cái mộng của nhà bác học trên con đường phát minh đáng quý hơn cái mộng của một ông phán ôm áp trong đầu mặc dù cái mộng của viên chức ấy chỉ gồm có một gian nhà nhỏ, một khoảnh sân vườn xinh xinh để dưỡng già lúc về hưu.

Sau khi đã đắn đo suy nghĩ, anh đã chọn lấy một mục đích. Anh hãy ghi mục đích ấy vào giấy, bằng vài câu văn tắt đủ bày tỏ chí nguyện của anh. Viết xong, anh đem treo tấm bảng ấy vào buồng riêng, hoặc một nơi nào anh thường lui tới để có dịp đọc đi đọc lại để chiêm nghiệm quyết định ấy. Khi nào những cám dỗ chột lòi kéo anh xa con đường bốn phận, anh nhìn lên tấm bảng ấy, nó sẽ nhắc nhở: “Coi chừng, khéo lạc đường”. Gặp phải những thất bại làm rùn chí nản lòng, nhìn lên tấm bảng ấy nó sẽ nhắc anh: cố gắng lên, mục đích xa kia đang chờ ta.

Và từ đây với một lòng sắt đá, anh quyết theo đuổi mục đích đến ngày thành đạt. Anh sẽ thành công vì anh đã hơn là một người: *anh là người sống với một mục đích.*

Một cách sống để thành công.

Đã chọn lấy một mục đích để sống, bốn phận chúng ta là làm thế nào để đạt được mục đích ấy.

Hạnh phúc chúng ta từ đây là ở chỗ có thực hiện được mục đích ấy chăng. Những người có đủ hùng tâm để như nhà chí sĩ nào thốt ra câu khẳng khái: “*Có cần gì cật trơng để khởi việc, cũng chẳng cần thành tựu để kiên tâm*” thật hiếm lắm. Sự thành công là yếu tố quan trọng để tạo nên hạnh phúc. Bao nhiêu người đã thành “phế nhân”, sống một cách gượng những ngày sống thừa chỉ vì họ không thể thực hiện được chí nguyện họ ôm ấp.

Muốn thành công, có những phương pháp chúng ta phải do theo đó mà rèn tập, có những lề luật chúng ta phải tuân giữ, có cả một nghệ thuật chúng ta cần phải thấu hiểu. Chúng tôi muốn trình bày một lối sống để thành công: lối “sống đặc lực”.

Thế nào là sống “đặc lực”?

Sống đặc lực là sống cách nào để sinh lợi thật nhiều và tiêu tốn thật ít trong một lĩnh vực nào bất luận: về sức khỏe, về tinh thần, về nghề nghiệp cũng như về tiền bạc.

Nói một cách khác, người đặc lực là người luôn luôn có thêm một lợi ích nào, không những lợi về tiền bạc mà lợi về sức khỏe, lợi về hiểu biết, lợi về tính khí, nếu được lợi về hạnh phúc nữa thì thật là người đã sống đầy đủ trăm phần trăm, tức là sống đặc lực.

Anh muốn cho một vài thí dụ?

Đây là một người giữ chức thư ký trong một công sở. Y không cho thế là an phận nên lo học thêm, trước để mở mang đường tri thức của mình, sau để ra gánh vác trách nhiệm khai hóa, thức tỉnh đồng bào. Một khi cái vốn tri thức y đã dồi dào, y buông nghề thư ký, nhảy ra viết báo, viết sách. Người ấy biết sống cách đặc lực.

Đây là một người đứng bán cà phê trên tàu thủy, tuy làm một công việc nhỏ mọn, song y mang một hoài bão to. Y quyết làm giàu, và với một chí khí làm vốn, y đã gây nên cơ nghiệp đồ sộ. Từ một anh bồi tàu y đã trở nên chủ hãng tàu, chủ hầm mỏ, đó là một gương sống đặc lực.

Một người “đặc lực”?

Người ấy có thể là một Trương Vĩnh Ký, một Nguyễn Văn Vĩnh trên lĩnh vực văn chương, một Bạch Thái Bưởi, một Trương Văn Bền trên lĩnh vực doanh nghiệp. Chúng tôi không nói về “người”, chúng tôi chỉ nói về “tính khí”.

Nhiều người không “sống” hoặc giả họ chỉ “sống nửa chừng” nghĩa là không bao giờ họ dùng hết tất cả những năng lực của họ. Họ có khiếu thông minh, song óc thông minh ấy họ không mang dùng. Ở trường học, ông thầy cho điểm về sự học hành của học trò: “sáng dạ song không ráng học”; một anh học trò sáng dạ mà không ráng sức học có giỏi gần hơn gì một anh tối trí mà chăm chỉ học? Một người thừa hưởng của cha mẹ những “tiền của”, những “địa vị”, những bề “giao du” có thể giúp họ dựng nên cơ nghiệp to tát, song họ chỉ an phận sống một đời sống dễ dãi với rượu ngon, với gái đẹp, không biết dùng những “dịp may” ấy để làm hơn; trên đường sự nghiệp họ nào có xa hơn một người tay trắng xuất thân song có chí tiến thủ, biết dùng tất cả những năng lực của họ cách triệt để.

“Cao hơn, càng cao hơn”, đó là châm ngôn của những người đặc lực. Luôn luôn họ tìm cách phá tan những “kỷ lục” họ đã lập, bất luận về phương diện nào: đã có tiền, họ lo làm thêm nhiều tiền của; đã có học, họ lo mở mang thêm đường học vấn; đã khỏe, họ càng sức tén thêm nhiều sinh lực.

Luôn luôn cố gắng để hơn mình hơn người, họ đã biết sống “đặc lực”, tức là sống đầy đủ, sống trăm phần trăm và như thế chắc chắn trăm phần trăm họ sẽ thành công.

Một nước có nhiều tên dân “đặc lực” biết cố gắng, biết phấn đấu, biết tiến bộ là một nước chóng đi đến cường thịnh.

--- HẾT ---